

I THÁNG 6 NĂM 1966

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ mười

DUY KINH TẾ VÀ TIẾP TE ★ ĐOÀN THÈM

chung quanh thời sự ★ CUNG GIỮ NGUYÊN *phiếm*

luận về thể giới James Bond ★ NGUYỄN HIỂN

LÊ NHÀ CẦM QUYỀN VÀ DƯ LUẬN ★ ĐÔNG

TRIỀU *Ai Cập trên đường Cách mạng* ★ MỘNG

TRUNG *hôn nhân dị chủng* ★ MINH QUÂN *là*

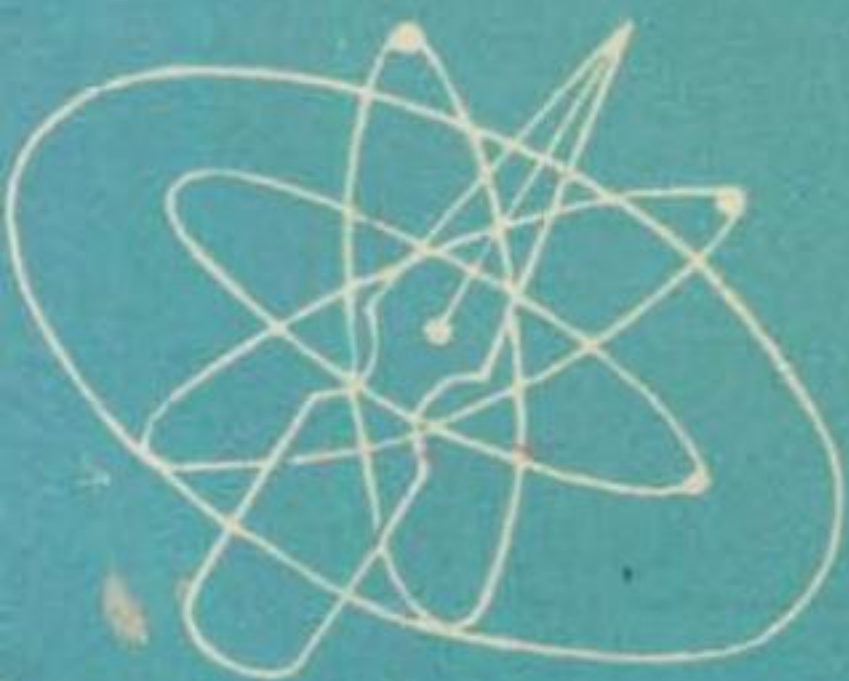
thơ Thụy Sĩ ★ TRẦN ĐẠI *trở về thành phố* ★

THẾ UYÊN *tiền đồn* ★

SINH HOẠT *thời sự*

văn nghệ — thơ tranh đấu

226



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- SES SIROPS
- SA PARFUMERIE
- SON VINAIGRE
- SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES



BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 226 ngày 1 - 6 - 1966

DUY kinh tế và kinh tế	3
ĐOÀN THÊM chung quanh thời sự	11
CUNG GIỮ NGUYÊN 007 và đồng loại	15
X.H. phỏng vấn họa sĩ Thái Tuấn	25
NGUYỄN HẾN LÊ nhà cầm quyền và dư luận	28
ĐÔNG TRIỀU Ai Cập trên đường cách mạng	33
THẾ UYÊN tiền đồn (truyện dài)	45
TRẦN ĐẠI trở về thành phố (truyện ngắn)	57
MINH QUÂN lá thư Thụy sĩ	70
MỘNG TRUNG hôn nhân dị chủng	78
SINH HOẠT TRÀNG-THIÊN thời sự văn nghệ	83

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, chúng tôi phải để lại kỳ tới các bài trong mục sinh hoạt thuật ngữ những buổi nói chuyện của Đỗ Nghè (Thơ Tranh Đấu) và của Hoàng Hương Trang (Màu sắc và văn điệu).

Trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc và tác giả Ngê Bá Li.

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539

H.T. 339 Saigon.

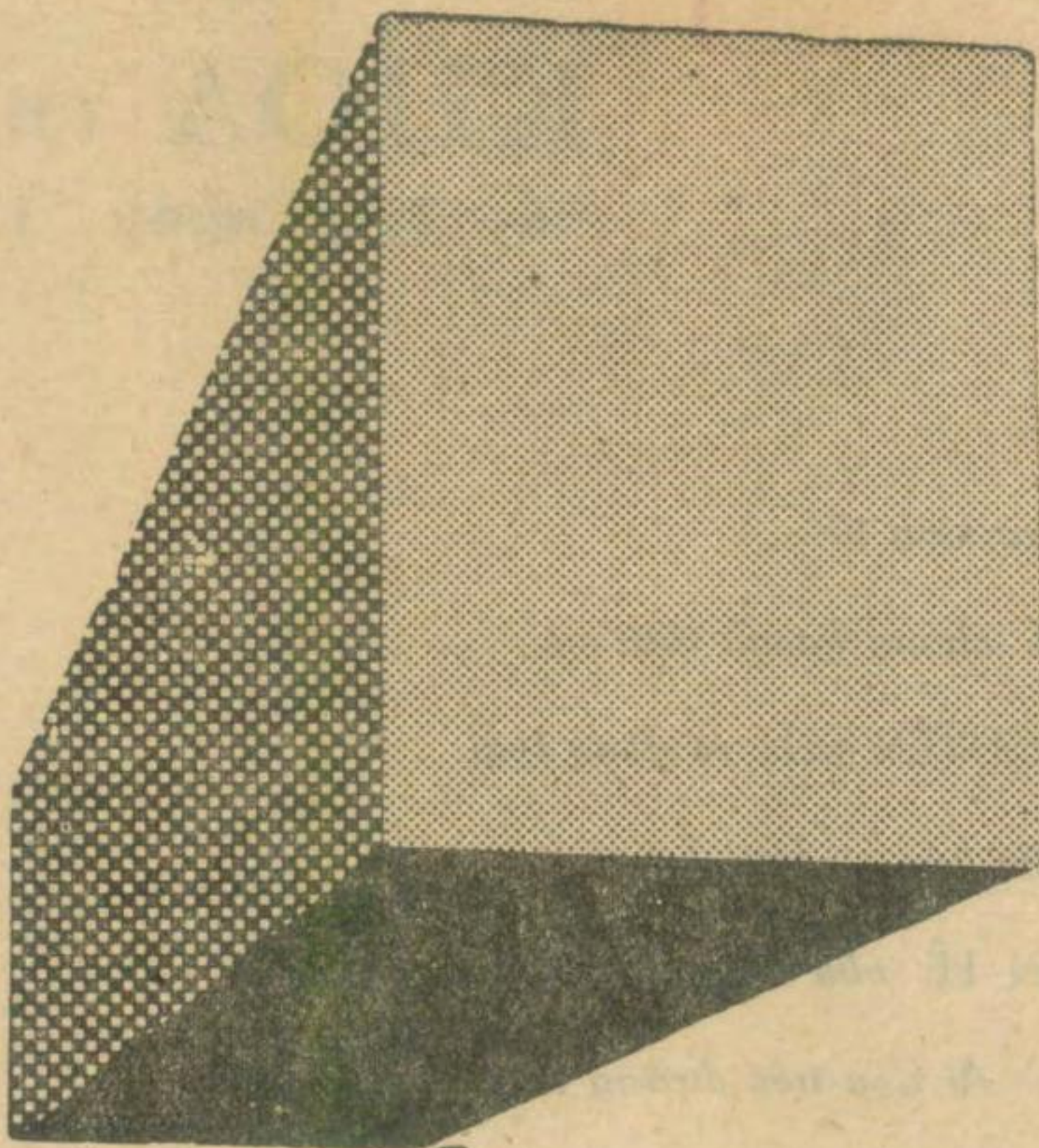
In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ: 12\$ Công sở Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay



une nouvelle dimension en vitaminothérapie B 12



après la cyanocobalamine

le **Docélan**

(hydroxocobalamine)

fixation optimum - stockage maximum

traitement électif des : **anémies
neuropathies
dénutritons**

Boîte de 2 ampoules de 1 ml. titrées à 1000 microgrammes
d'Hydroxocobalamine. **VOIE INTRAMUSCULAIRE**

De 1 ampoule par jour à 1 ampoule tous les deux ou trois jours
Traitement d'une semaine ou plus

LES LABORATOIRES ROUSSEL - 35 Bd des Invalides - PARIS 7 - SOL. 93.28

KINH - TẾ và TIẾP - TẾ

DUY

Mấy bạn ký giả thường nói lên với nhau « mỗi lần ông Tổng Ủy viên Kinh tế, Tài chánh họp báo là dân chúng phải chờ mồ hôi hột ».

Lần này, có lẽ người dân còn toát thêm mồ hôi lạnh vì những chuyện động trời của một cơ quan Chính phủ được ông Tổng Ủy viên tố giác ra trước Công Luận.

Tình hình kinh tế chưa được sáng sủa, vì áp lực lạm phát càng thấy nặng nề hơn. Quả thật người dân ít am tường về chuyên môn nên không thông hiểu lạm phát là gì. Không hiểu lạm phát mà vẫn cứ đau khổ vì lạm phát ; muốn quên đi, nhưng vẫn bị lạm phát ám ảnh như một giấc mơ hãi hùng, khi mua thức gì cũng thấy khan hiếm, tăng giá, khi cầm đồng bạc mà thấy giá trị đồng bạc tan dần như cầm cục nước đá.

Ông Tổng Ủy viên cho biết áp lực lạm phát tới 28 tỷ bạc, và khối tiền tệ lưu hành, cuối năm 1965 là 47 tỷ rưỡi, nay đã lên tới 75 tỷ 5. Người dân thắc mắc tự hỏi, tình hình chiến tranh từ

cuối năm 1965 tới nay, có thay đổi gì nhiều đâu, mà còn cải thiện thêm là đằng khác, tại sao lại phải in thêm 28 tỷ bạc, tại sao lại chi phí nhiều hơn, và ai là người chịu trách nhiệm về chính sách tài chánh này ?

Đề đối phó với áp lực lạm phát, ông Tổng Ủy viên vẫn giữ nguyên chủ trương cũ : tăng thêm thuế — còn có những sắc thuế nặng hơn nữa — và gia tăng khối lượng nhập cảng.

Tiền lưu hành nhiều quá, nên giá cả mới tăng lên gấp đôi. Thâu hút tiền vào bao nhiêu, giá cả sẽ xuống bấy nhiêu. Riêng về tiền đặt cọc để mua xe scooter tại Tổng Ngân Khố đã lên tới tám trăm triệu. Cộng với tất cả các biện pháp thuế má khác, chắc hẳn chính phủ đã thâu vào được, nhiều thì 5 mà ít cũng 3 tỷ bạc. Người dân tự hỏi, bạc thâu vào rồi mà giá cả sao chưa xuống ? Bạc lưu hành nhiều thì giá tăng, mà bạc lưu hành ít, giá cả không chịu hạ là nghĩa làm sao ? Lẽ ra, thêm 28 tỷ bạc, giá cả lên 100⁰/₀, thì bớt xuống 5 tỷ, giá cả cũng phải bớt xuống 18⁰/₀, hay ít nhất

cũng là 10⁰/0, nếu chỉ thu lại được 3 tỷ bạc.

Nhưng theo chỉ số thống kê, dầu là thống kê nhà nước, giá cả vẫn leo thang từ tháng này qua tháng khác, dầu chỉ leo một phẩy lai rai.

Hay là chính sách thu thuế không hiệu nghiệm? Nếu thuế tăng chừng nào, giá cả tăng ngần đó, và áp lực lạm phát lại đè nặng thêm chút nữa, thì chỉ chết nông dân, chết công tư chức, chết tất cả những người có lợi tức cố định. Còn những người « làm giàu vì thời cuộc », họ đã đóng góp bao nhiêu để xoa dịu những khổ cực của đa số nhân dân?

Các sự kiện kinh tế là những sự kiện thực tế, phũ phàng, không thể che giấu được. Khi nào đại đa số nhân dân thấy dễ thở, lúc đó mới có nghĩa là Chính phủ thực sự đã phân phối lại lợi tức, và người « làm giàu vì thời cuộc » đã thực sự đóng góp để xoa dịu nỗi khổ của nhân dân. Hiện nay, nhân dân còn khổ cực nên các sự xoa dịu nói trên cũng vẫn chỉ có giá trị trên lý thuyết. Thực tế vẫn là « thuế tăng » thì dân đen lại khổ cực thêm.

Biện pháp thứ hai chống lạm phát là gia tăng hàng hóa nhập cảng. Nhưng Bộ Kinh tế không thể gia tăng khối lượng nhập cảng cho « đúng mức » được vì Thương cảng chưa « khai thông như ý muốn » và nhiều hàng hóa « còn nằm lều bều » trên tàu, xà lan, ghe chài,

mặc dầu « đã đến Saigon từ lâu ». Thật là cầm vàng mà nhịn đói.

Đúng theo lời ông Tổng Ủy viên, nhiều máy radio đã phải tắc-tịt vì không có piles. Và khi mua thuốc, không những là được phẩm nhập cảng không có, mà cả đến thuốc chế tạo trong nước cũng thiếu hụt luôn.

Nếu phải tìm nguyên nhân của việc kẹt bến thương cảng, ít nhất cũng phải kiểm được chừng một trăm lý do xa gần : lỗi tại thương gia, lỗi tại hãng thụ thác, lỗi tại công nhân khuôn vác, lỗi tại thiếu xe súc xe vận tải, lỗi tại ban Giám đốc Thương cảng, lỗi tại nhân viên Quan thuế, và sau rốt, lỗi tại người Mỹ và lỗi tại cả... Việt Cộng. Và khi tất cả mọi người đều lỗi hết, thì huề cả làng.

Nếu chỉ quy trách nhiệm vào một nguyên nhân thôi, thì phải nói tới thủ tục hành chánh chậm trễ, rườm rà, cứng nhắc. Nói cách khác, không thể giải quyết vấn đề khai thông Thương cảng, nếu không dùng tới đường lối chiến tranh và cách mạng.

Nước Pháp bị đại bại tại Điện biên-phủ, không phải vì Việt Minh đã đục được đường hầm xuyên qua núi hay lập được đường hỏa xa vận tải khí giới, nhưng vì nhân dân Việt Nam đã phải công súng đại bác trên lưng, vượt đèo, vượt núi xuyên qua chiến trường.

Khai thông Thương cảng đâu đã nặng bằng vác súng đại bác. Dùng được sức mạnh hợp quần của nhân dân, mười

thương cảng cũng giải quyết trong chớp mắt. Cũng như vấn đề rác đô thành. Nếu không nhờ thanh niên tiếp tay, một ngày kia, dờ dống rác lên sẽ thấy hăm hồ của Việt cộng công tác nội thành đào tùm lum như trong chiến khu D vậy.

Trở về thực tế, vì nói chuyện cách-mạng lẽ lối làm việc lại là chuyện lý-thuyết, chuyện mơ hồ rồi, chắc còn lâu lắm mới giải tỏa được Thương cảng, và không thể gia tăng ngay khối lượng hàng nhập cảng theo ý muốn, mặc dầu viện trợ tăng gấp đôi.

Có lẽ vì những lý do trên đây, nên giá cả hàng hóa không hạ xuống được và sữa vẫn khan hiếm, đi mua sữa vẫn tranh dành lẫn áp nhau như đi xin phát chẩn.

Không hy vọng gì giá cả hàng hóa hạ xuống, người dân chỉ còn mong muốn được mua theo giá chính thức. Tự nhiên mà đứng ra phân phối hàng hóa thì khó lòng mà có giá chính thức được. Người dân đã có nhiều kinh nghiệm đau đớn, nếu người đứng ra phân phối không lợn lẹo như dùng tờ khai gia đình của người khác để mua cho nhiều sữa, vải, thời cũng lại có những khoản chi phí vô hình không tên, mà rút cuộc chỉ dân tiêu thụ phải gánh vác.

Chỉ còn trông mong Chính phủ thiết-lập những cơ quan tiếp tế, cung cấp hàng hóa theo giá chính thức, nhất là cho các giới quân nhân, công tư chức. Cho nên dân chúng đã vui mừng

bao nhiêu khi thấy Chính phủ cải-tổ, lập thêm Tổng cuộc Tiếp tế và nghe Thiếu tướng Chủ tịch Ủy ban Hành pháp vui vẻ tuyên bố, đồng bào không mua được hàng rẻ thì cứ « gõ vào đầu » Trung tá Tổng Cuộc trưởng.

Lẽ ra việc điều hòa tiếp tế, phải thực hiện từ lâu rồi, ngay lúc địch phá hoại mạnh về kinh tế, cắt đứt các trục giao thông, cô lập thành thị, và quân đội Đồng Minh ào ạt sang tiếp viện cho chúng ta. Vấn đề cung cấp, vấn đề chuyên chở, vấn đề dự trữ, vấn đề phân phối, vấn đề tiêu thụ, mỗi vấn đề đều có những khó khăn riêng và cần phải giải quyết trong một kế hoạch tiếp liệu chung.

Đề ra kế hoạch đã khó, mà thi hành kế hoạch lại còn khó hơn nữa, vì chín phần mười tư bản ở Việt Nam là nằm trong tay ngoại kiều và tất cả hệ thống phân phối là do trung gian mại bản Trung Hoa điều khiển. Như vậy quyền lợi của người dân Việt Nam có giống quyền lợi mại bản Trung Hoa đâu, và chính sách kinh tế của Chính phủ là đi ngược với đường lối của thương gia ngoại kiều rồi. Trong hoàn cảnh đó, hy vọng gì một kế hoạch phân phối được thực hiện đúng đắn cho phù hợp với lòng mong muốn của dân đen ?

Việc điều hòa tiếp tế có thể giao cho một Ủy ban Liên bộ phụ trách, và phối hợp hoạt động của các bộ liên quan như : Kinh tế, Tài chánh, Giao thông, Công chánh Canh nông, Nội vụ, Quốc phòng... Như vậy đỡ phải thiết lập một cơ quan

mới. Nhưng công việc sẽ không có hiệu quả, vì «cha chung không ai khóc» thiếu người đôn đốc, thiếu người chịu trách nhiệm. Và Ủy ban lại ngồi chỉ tay năm ngón ra chỉ thị cho các cơ quan hiện hữu làm chứ không thể tự mình bắt tay vào việc.

Cũng có thể giao hẳn cho Bộ Kinh tế hoàn toàn chịu trách nhiệm. Với các ty sở ở tỉnh, Bộ có thể hoạt động xuống tận quận, xã và liên lạc mật thiết với địa phương để đem hàng hóa từ Trung ương về nông thôn, và đem nông phẩm ra thành thị. Nhưng Bộ Kinh tế còn có nhiều nhiệm vụ thật trọng đại trong giai đoạn này: Xây dựng một nền kinh tế dân tộc, đại chúng, kỹ nghệ hóa, cơ giới hóa, đem lại sự phú cường, tự túc cho đất nước, trong khuôn khổ chiến lược chiến tranh chống du kích phá hoại.

Nhiệm vụ của Bộ Kinh tế cần hướng mạnh về tương lai, vai trò Kinh tế sẽ quyết định trên cán cân chiến-thắng Cộng-sản, trong khi phân phối chỉ là công việc thường xuyên, công việc hiện tại và nên giao cho một cơ quan riêng biệt, vào giai đoạn này có thể ngang hàng với một Bộ trong Chính-phủ.

Chúng ta phải quan niệm ngay, và đề tránh tất cả các sự ngờ vực, nhiệm vụ chính yếu của Bộ tiếp tế không phải là cấp phát ngoại tệ, tranh dành ảnh hưởng với Bộ Kinh tế, dầu là trong khu vực xuất cảng hay nhập cảng.

Đem nông phẩm, nhất là thực phẩm thiết yếu như gạo, thịt, cá, rau, dưa,

trái cây từ nông thôn sản xuất tới thành thị tiêu thụ, đem nguyên liệu đến các xưởng kỹ nghệ, đem hàng hóa nhập cảng phân phối cho toàn dân, điều hòa sản phẩm từ vùng thặng dư đến những nơi thiếu thốn, lập kho an-toàn để dự trữ những hàng hóa cần thiết nhất, phòng lúc mất mùa, khi vận tải khó khăn, hoặc nhu cầu bội tăng, đó là những mục tiêu mà Bộ Tiếp tế trước sau sẽ phải thực hiện. Ấy là chưa kể việc điều hòa nhân công đến những nơi cần thiết. Muốn phục vụ quyền lợi thực sự của đại chúng, cơ quan tiếp-tế không thể nào bỏ qua việc tổ chức lại hệ thống trung gian phân phối.

Sau bản án Tạ Vinh, sắt, thép, hầu

SÁCH MỚI

Bách-Khoa Thời-đại đã nhận được:

— Đề nghị một kế hoạch cách mạng chống Cộng ở Việt Nam của Hoàng Việt Dũng, do tác giả gửi tặng. Sách dày 55 trang, gồm những bài Lý luận cách mạng và chánh trị đã đăng trên nhật báo Ngày Nay và tuần báo Cộng Hoà. Bản đặc biệt không đề giá. (Bản thường: 50đ)

— Lề lối sinh hoạt dân chủ của Hoàng Việt Dũng, do Đức Phổ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 56 trang gồm những bài đã đăng trong mục lập trường của nhật báo Ngày Nay và tuần báo Cộng Hoà.

như biển hản trên thị trường. Thép 8 đồng phải mua tới 28 đồng một kí lô. Ngoại kiều đã quen thao túng thị trường quá rồi. Muốn lành mạnh hóa hệ-thống phân-phối, phải giúp đỡ cho người Việt Nam nắm lấy quyền điều khiển hệ-thống trung-gian.

Vì người Việt Nam ít tiền, ít vốn liếng nên quyền điều khiển chỉ hữu hiệu, nếu đằng sau người trung gian, có một hệ-thống Ngân hàng tài trợ.

Tại sao việc phân phối giấy in báo giao cho người Tàu thì được việc, mà giao cho người Việt lại bất lực, đến nỗi nhà báo phải la hét còn lá giấy thì mếu máo muốn khóc? Chỉ vì trung gian Tàu, có kho hàng rộng rãi đến nỗi xe vận tải lớn chạy ngang chạy giọc, được phương tiện vận chuyển lại đầy đủ, nhân công sẵn sàng. Vốn liếng thì nhiều đến nỗi hàng hóa lúc nào cũng đầy ắp và nhà báo có thể lấy giấy in trước trả tiền sau cũng được.

Nhưng tài chánh dồi dào cũng chưa đủ. Phải tổ chức các đại cửa hàng phân phối, theo kiểu supermarket, vừa khoa học, vừa hợp lý, vừa tiết kiệm được tiền tổng-phí, vừa đem lại lợi tức khả quan cho người trung gian, khiến cho việc buôn bán vừa lương-thiện, mà giá cả lại rẻ hơn các tiệm chạp-phô.

Với ba yếu tố : — Quyền điều khiển phân phối trong tay người Việt-Nam — Ngân hàng tài trợ cho có hàng hóa, có

kho hàng, có phòng lạnh, có phương tiện vận tải — Tổ chức cửa hàng khoa học và hợp lý, chắc chắn hệ thống phân phối được cải thiện tốt đẹp và Bộ Tiếp tế có thể tự hào đã làm nổi công việc đội đá, vá trời.

Người dân tự hỏi, đường lối của cơ quan tiếp tế rất rõ ràng, phạm vi hoạt động rất minh bạch, tại sao, từ khi thành lập Tổng cuộc Tiếp tế, người dân chỉ thấy lung củng « mâu thuẫn và chia rẽ » giữa hai cơ quan Kinh tế và Tiếp tế?

Phải chăng, Tổng-cuộc Tiếp-tế đã hoạt động sai địa bàn của mình?

Tình hình kinh tế xáo trộn, đã khiến cho « Chính-phủ của dân nghèo » phải can thiệp vào một khu vực vẫn dành cho sáng kiến tư nhân : Khu vực thương mại. Thiết lập Tổng-cuộc Tiếp-tế, chống đối gian thương bảo vệ cho người nghèo, người có đồng lương ba cọc ba đồng, chứng tỏ thiện chí tha thiết của Chính phủ, muốn phục vụ quần chúng đông đảo.

Dẫu là đối lập, cũng không thể không hoan nghênh quyết định hợp thời, hợp tình, hợp lý này của Chính phủ.

Nếu khai sinh ra một cơ quan là việc tương đối dễ, vì chỉ cần một văn kiện lập qui, ngược lại, tổ-chức cơ quan, điều khiển cho hoạt động trong phạm vi hoàn toàn mới lạ, không có nề nếp sẵn, không có kinh nghiệm, đứng trước sự

thù địch của giới mại bản gian thương ngoại kiều đương cầm phần vì e sợ sắp mất cả mấy chục tỷ bạc huê lợi bất chánh, Chính phủ sẽ vấp phải những trở ngại thật lớn lao trước khi bảo vệ thiết thực được quyền lợi của giới tiêu thụ nghèo túng.

Cũng như thiết lập bộ Quốc phòng, để chống cự với kẻ địch, vừa mạnh vừa đông, mà chỉ bỏ nhiệm vài tướng lãnh vào chức vụ tư lệnh, dầu là danh tướng, chắc chắn sẽ thất bại nếu quân đội chưa động viên, chưa huấn luyện, chưa sắp xếp vào đội ngũ và chưa tham gia chiến đấu.

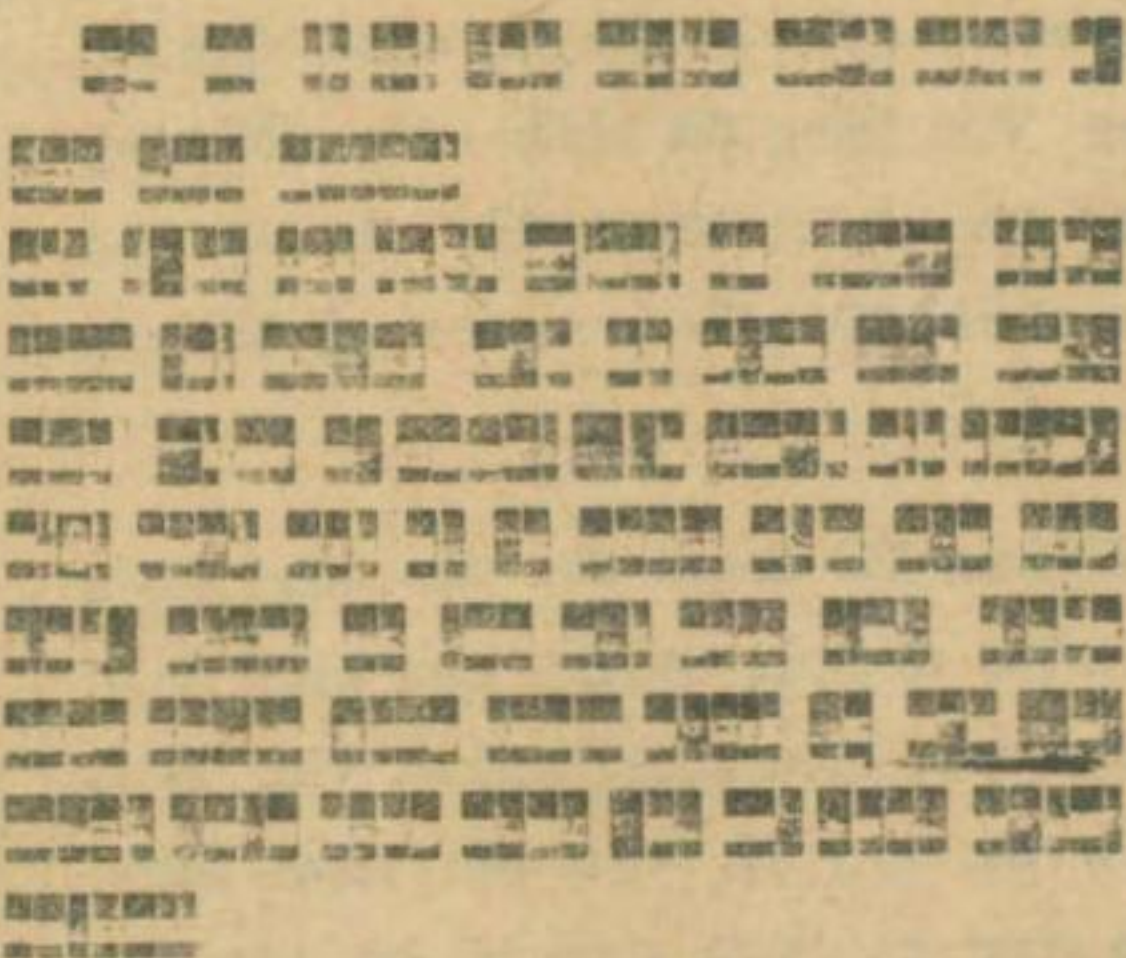
Cho nên chúng ta chẳng lấy gì làm lạ khi thấy dân nghèo đã lo ngại từ mấy tháng trước, Tổng cuộc Tiếp tế không thành công được và việc cung cấp sữa, vải, thực phẩm cần thiết đến tay đại chúng dồi dào theo giá chính thức, chỉ là một giấc mơ quá đẹp nên khó thành sự thật.

Không có đủ phương tiện, trong bước đầu, Tổng cuộc Tiếp tế chỉ có chương trình cung cấp hàng hóa cho giới quân nhân và công chức. Bán hàng, thời phải chiều theo ý muốn của khách mua hàng. Đó là nguyên tắc sơ đẳng của nghề nghiệp thương mại.

Và người tiêu thụ khao khát được mua hàng gì trước nhất? Xe Lam, xe gắn máy, vải, sữa, tất cả các đồ tạp hóa của NC I và NC 18, kể cả dầu thơm son

phấn.

Di nhiên không phải vì những hàng hóa này là những sản phẩm cần thiết, nếu không có thì đời sống sẽ "đi-đoang" ngay, nhưng vì gian thương đã thao túng trong các ngành này quá nhiều, khiến cho giá chợ đen lên cao gấp bội lần giá chánh thức, nên mua được vật gì cũng là trúng một số độc đắc nhỏ rồi. Dầu không đem bán lại kiếm lời chỉ mua để dùng, hay để tích trữ, ngấm cho sưng mắt thôi, người mua cũng khoái rồi.



Thật ra, hai vấn đề chỉ là một. Nếu cứ dùng mãi các giải pháp vá vữa, thời chẳng bao giờ giải-quyết được căn bệnh. Chính phủ phải đưa ra ngay một kế hoạch kinh tế toàn bộ, một lý thuyết phù hợp với cuộc chiến tranh chống du kích.

Chỉ khi nào xây dựng được một nền tảng lý-thuyết vững chắc chúng ta mới có thể thống nhất các hoạt động kinh tế, tránh khỏi các sự va chạm không làm cho ai vui vẻ, đem lại cho nhân dân một đời sống kinh tế dân tộc, đại chúng, tiến bộ.

Thật ra, hai vấn đề chỉ là một. Nếu cứ dùng mãi các giải pháp vá vữa, thời chẳng bao giờ giải-quyết được căn bệnh. Chính phủ phải đưa ra ngay một kế hoạch kinh tế toàn bộ, một lý thuyết phù hợp với cuộc chiến tranh chống du kích.

Chỉ khi nào xây dựng được một nền tảng lý-thuyết vững chắc chúng ta mới có thể thống nhất các hoạt động kinh tế, tránh khỏi các sự va chạm không làm cho ai vui vẻ, đem lại cho nhân dân một đời sống kinh tế dân tộc, đại chúng, tiến bộ.

Thật ra, hai vấn đề chỉ là một. Nếu cứ dùng mãi các giải pháp vá vữa, thời chẳng bao giờ giải-quyết được căn bệnh. Chính phủ phải đưa ra ngay một kế hoạch kinh tế toàn bộ, một lý thuyết phù hợp với cuộc chiến tranh chống du kích.

Thật ra, hai vấn đề chỉ là một. Nếu cứ dùng mãi các giải pháp vá vữa, thời chẳng bao giờ giải-quyết được căn bệnh. Chính phủ phải đưa ra ngay một kế hoạch kinh tế toàn bộ, một lý thuyết phù hợp với cuộc chiến tranh chống du kích.

Thật ra, hai vấn đề chỉ là một. Nếu cứ dùng mãi các giải pháp vá vữa, thời chẳng bao giờ giải-quyết được căn bệnh. Chính phủ phải đưa ra ngay một kế hoạch kinh tế toàn bộ, một lý thuyết phù hợp với cuộc chiến tranh chống du kích.

Chỉ khi nào xây dựng được một nền tảng lý-thuyết vững chắc chúng ta mới có thể thống nhất các hoạt động kinh tế, tránh khỏi các sự va chạm không làm cho ai vui vẻ, đem lại cho nhân dân một đời sống kinh tế dân tộc, đại chúng, tiến bộ.

DUY

Những người ý thức tìm đọc :

Tiếng Nói

Tạp chí vận động văn-học thật lực

Tiếng nói đồng đạc của ý thức trước chia cắt, nghèo đói, đốt nát, chiến tranh và bấp bênh.

chủ biên mới :

phạm thái thủy — dương nghiêm mậu — đồ
quí toàn — lý hoàng phong — lê xuyên —
hoàng văn đức — nguyên mạnh côn — nguyên
sa — nguyên thủy long — nguyên nghiệp
nhượng — nguyên hữu đông — trần dạ từ —
trần đức uyên — nhà ca — trần tuần kiệt —
viên linh — nguyên trung

80 Trang Giá 12đ

• ĐOÀN THÊM

CHUNG QUANH THỜI SỰ

— Trong bộ Lịch sử Dân tộc Hoa-kỳ (*Histoire du Peuple Américain*) André Maurois đã phân biệt thời kỳ tâm-trạng tốt (*l'ère des mauvais sentiments*, *l'ère des bons sentiments*).

Ở thời kỳ thứ nhất, nhân tình ly tán và xung đột ; ở thời kỳ thứ hai, oán-thù nhường chỗ cho hòa-hợp, mọi người mọi nhóm đều hi-hải, đối xử với nhau tử-tế hơn.

Tại VN , nhất là những năm gần đây biết bao sự chia rẽ, tranh giành, lẫn át, lừa dối, xó xát, căm hờn... với những lời lẽ mà người điếm đạm không quen nhưng vẫn được dùng trên báo chí.

Tình-trạng này bắt nguồn từ những thời xa và chuyện cũ, song còn đợi dịp thoát khỏi nhiều áp lực mới phơi bày ra ánh sáng. Dù sao, trút bớt cho nhẹ đi, còn hơn là chứa đựng mãi, trong khi chờ sự lắng dịu vì mệt mỏi, vì hả hê, vì khoan thứ hay hối tiếc, để bước sang thời kỳ thứ hai như ở Hoa-kỳ sau 1815.

• • •

— Giữa một giai-đoạn đầy biến-cổ, thời sự hay bị ghi nhận sai lầm, hoặc xét đoán lệch lạc nếu không gặp sự bóp méo vì quyền lợi và đồ kỵ.

Cùng một cuộc biểu tình, mà số người tham dự theo mỗi báo một khác, chênh nhau hàng ngàn hoặc hàng vạn. Thôi thì việc nhõn-tiền cũng chẳng xác thực hơn truyện Tam-Quốc : số quân trăm vạn mà Tào Tháo xuất sang đánh Đông-Ngô, chẳng biết có được Viện Thống Kê nào đếm đủ ?

Những việc xảy ra trong hai tháng vừa qua tại Huế, Đà Nẵng, Quảng Tín, Đà-Lạt... đã được thuật lại theo ba bốn lối; tin hôm trước đăng ở báo này, bị cải chính hôm sau trên báo khác ; tuyên bố hay hành động của một số nhân-vật thường bị phủ nhận do hệ phái hoặc đoàn-thể liên-hệ. Những tiếng chuông vang vang đối chọi, chỉ làm nhức tai và reo rắc hoang-mang.

Rồi sau này nhà viết sử sẽ tra cứu về tình hình 1966 : nếu so sánh thận trọng nhiều tài-liệu thì sẽ chẳng biết tin vào

đâu, còn nếu chỉ nghe theo một phía, chắc dễ mắc tội nói dối.

Nếu đối với việc, không thể không dè dặt, thì đối với người, lý-ương càng phải cần trọng hơn. Kinh-nghiệm cho thấy : khen ai thì dễ bị ngờ vực là xu nịnh vì tư lợi hay đề cao với mục đích tuyên-truyền ; trái lại, những lời chê bai và buộc lỗi thường mọc cánh bay xa, nhất là đối với những ai có đôi chút quyền hành hoặc trách nhiệm về... tiền bạc. Thời cuộc đầy rẫy sự gian-trá và những lạm, nên mấy ai dám tin rằng có người hay và sự tốt ở quanh mình ? Chúng ta lần quần ở thời kỳ tâm-trạng xấu của A. Maurois.

Bên cạnh thái độ nghi-kỵ, lại thấy nhiều lập trường quyết-đoán với tính cách cực đoan : ưa thì bênh cả lỗi lầm, ghét thì không khi nào thừa nhận ưu điểm. Tuy biết như vậy là không nên, nhiều người có trình độ học vấn khá cao cũng vẫn mắc chứng nghiêng lệch mà chẳng chịu nhận mình thiếu công bằng. Bởi thế, ở Âu Mỹ, các giới chánh trị và văn hóa thường phải xét lại để xác định nhiều trường hợp lịch sử.

. . .

Song công việc phục hồi sự thật chỉ dễ dàng cho hậu thế, nếu người đương thời chịu ghi chép những điều mắt thấy tai nghe, để thành hàng ngàn nhật ký hồi ký của chính khách và tướng lãnh, sách báo phê bình của các nhân chứng thân cận v.v... Các nhận xét lắm khi cũng chẳng được khách quan, nhưng nếu có nhiều nguồn ở nhiều giới khác nhau,

thì sự phối kiểm vẫn đưa tới những kết luận vừa phải, nghĩa là gần sự thật nếu chưa đúng hẳn.

Các loại tài liệu như trên, ở VN hầu như không có, hoặc có mà không được phổ biến. Nhiều người trong cuộc lại thường mắc lỗi này tội khác, nên sau khi xuống ngựa thì len lét như rắn mòng năm, hay nếu đã nhập cuộc chỉ vì lợi lộc vật chất, thì cũng chẳng bận tâm bảo vệ tên tuổi, cần chi phân trần trước công luận, nhất là với các thời sau : sau ta, trời có thể đổ. Hoặc còn lẽ nữa : một số người tự coi là tốt đẹp, lại nghĩ rằng "hữu xạ tự nhiên hương", để lịch sử ngày mai phê phán.. Khốn nỗi, phê phán trên căn cứ nào thì không ai chỉ dẫn, không ai chịu cung cấp bằng chứng.

. . .

Nhiều người kể lại được tỉ mỉ những chuyện xa xưa, nhưng chỉ nhớ lơ mơ nhiều việc quan trọng mới xảy ra từ 1962 hay 1964. Vì sao vậy ?

Vì số việc đa đoan và phức tạp trong những năm qua, nhiều gấp bội của mười năm trước, và gấp vài chục lần của 40 năm tiền chiến.

Các lớp người xuống đường thời tướng Nguyễn Khánh hầu như đã bị đẩy xa về dĩ vãng do các làn sóng biểu tình thời Thủ Tướng Trần văn Hương ; nhưng hình ảnh ném đá ném gạch ở các vụ này cũng bị che khuất sau bóng biểu ngữ của Đại Đoàn Kết, Tranh thủ Cách Mạng, Tranh thủ Dân chủ v.v... Những bài báo đả kích chế độ gia đình trị đã

nhường chỗ từ khá lâu cho các yêu sách và chỉ trích mới, theo luận điệu mới, dưới các chiêu bài mới.

Chiến tranh Đông Dương 1946-1954 tuy khốc liệt, đã lu mờ vì khói lửa của bom B.52. Ai còn nhớ chi về chiến dịch Trại Quít 1953 hay trận Mao Khê 1951? Ký ức còn phải dành cho tin tức chiến trường Bình Giả, Bà Giá, Đồng Xoài, Plei-Me... Nhiều người theo dõi cuộc hành quân Birminham hay Davy-Crockett, gần quên hết vụ Vũng Rô 1965.

Thời gian của người VN như màn đêm hạ xuống đất này, hay đúng hơn, là một dòng nước vượt ghềnh đá chảy siết ra khơi, lôi cuốn cuộc sống ào ạt và buộc người chèo thuyền theo sóng luôn luôn nhìn về hướng trước nếu không muốn bị lật chìm dưới các ngọn trào dòn dập...

Như thế, đâu còn hơi sức mà ngó lại những quãng vừa qua? thôi thì mặc cho bờ bến, rặng lau cùng bèo mây về khuất ở chân trời mờ ảo. Từ ngày đen tối 1945 tới ngày tối đen 1955, từ xây dựng nửa vời đến đổ vỡ chưa kịp bồi đắp đã gặp lung lay giữa những sức mới ngoi lên, con người chẳng rút được mấy bài học, vì chưa ngắm đã qua, mỗi sớm mỗi chiều phải nhắm sự khác và lo việc hôm nay.

Trở lại thực tế, càng thấy rõ hơn sự tràn ngập không ngừng của thời cuộc. Mở mang kinh tế chưa được bao nhiêu, đã phải chống nạn lạm phát. Đang tìm cách tái thiết những vùng bị bão lụt miền Trung, thì ngót triệu người bỏ làng tị nạn đòi hỏi cấp cứu. Khi chiến cuộc leo thang, các phong trào tranh

SÁCH MỚI

Bách Khoa Thời Đại đã nhận được :

— **Hành trình vào Dân tộc học** (Tập I. Những vấn đề lý thuyết) của Lê Văn Hào do Nam Sơn xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 190 trang, ngoài 6 chương chính, còn phần phụ lục gồm các tiểu luận của E. Pritchard, L. Gourhan, Lévine, Kluckhohn, Nghiêm Thẩm và Nguyễn Văn Trung. Tựa của Nguyễn бат Tuy. Giá 70đ.

— **Những ý nghĩ của bọt biển** (Thái độ II) của Thế Uyên do Nam Sơn xuất bản gửi tặng. Sách dày 80 trang tiếp cuốn « Thái độ I » (Mười ngày phép của một người lính), bản đặc biệt không đề giá.

— **Bài tập giải tích** của J. Rivaud do Phạm Long Điền dịch, Việt nam Đại học Tùng thư xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang, khổ 20 x 26, in ronéo 2 mặt, dùng cho các chứng chỉ Toán Lý Hóa, Toán Vật lý, Toán Đại cương, Giá nhất định 40đ.

— **Ánh sáng trong đêm tập thơ** của Vương Hoài Định, do « Chân Trời 20 » xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt, khổ 20 x 26 dày 46 trang, gồm trên 30 bài thơ. Không đề giá bán.

— **Thương ca biển nhớ tập thơ** của Võ Quê và Châu Băng Tâm, do Võ Quê gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt, khổ 14 x 21 dày khoảng 70 trang, không đề giá bán.

đấu chánh trị lan tràn bùng bột ở hậu phương. Còn ai nghĩ đến hàng trăm vấn đề được nêu ra từ năm bảy năm mà không giải quyết, vì cứ bị việc khẩn bách hơn gạt về thuở trước, như xây cất thư viện quốc gia, thống nhất luật lệ, hay thực hiện đồ án thiết kế đô thị...

Về phương-diện sử học, còn một điều nữa đáng lo ngại : việc đã quá nhiều, tài-liệu lại rất dễ thất lạc trong thời loạn. Chẳng mấy người còn giữ được những hình ảnh Hà-nội 1945, Saigon 1954, hay báo chí thuộc năm bảy năm gần đây,

Bộ Thông-Tin, Thư-Viện Quốc-Gia, Viện Khảo-Cồ hay Khảo-Cứu Sử học, cũng có thấu thập được một số ấn-loát phẩm cùng văn-kiến cũ. Song nhiều giấy tờ quan trọng về quốc-sự lại thuộc loại tối mật mà nhà cầm quyền và một vài người tín-cần giữ rồi hủy đi, hay đem theo luôn sang cõi khác. Vả chẳng, còn những khâu lỉnh kỉnh, thì lấy gì để chứng nhận, dù kẻ biết rõ chịu nói ra ?

Bởi thế, ở bất cứ quốc-gia nào, cũng có một phần khá lớn sự thật bị bao trùm dưới một bóng tối âm thầm. Vậy không sử-gia nào có thể tự hào biết hết, và trong sự phê bình các vai tuồng của mỗi thời đại, những phán-quyết gắt gao cũng như lời thán-phục tha thiết, đều gọi ít nhiều hoài-nghi.

Đối với các biến chuyển trên mọi địa-hạt, tuy báo giới vẫn theo dõi hàng ngày cũng cần được một cơ quan hay một học hội nào tập trung, phân loại, và biên-nhận đề rồi lựa lọc thành sử-liệu, như thế sẽ dọn đường cho các nhà viết sử sau này. Từ cồ, ở nhiều nước vẫn có những chức vụ thái-sử, hoặc quốc-sử-quán. Duy ở VN bây giờ, các học-giả hãy chịu khó lo lấy thì hơn, miễn là đủ tiền mua năm chừng 20 báo chí, và một số sách ngoại ngữ ; vì chỉ ngoại nhân mới hay viết sách về đời sống VN.

Đ. T.

Trường NGUYỄN-KHUYẾN

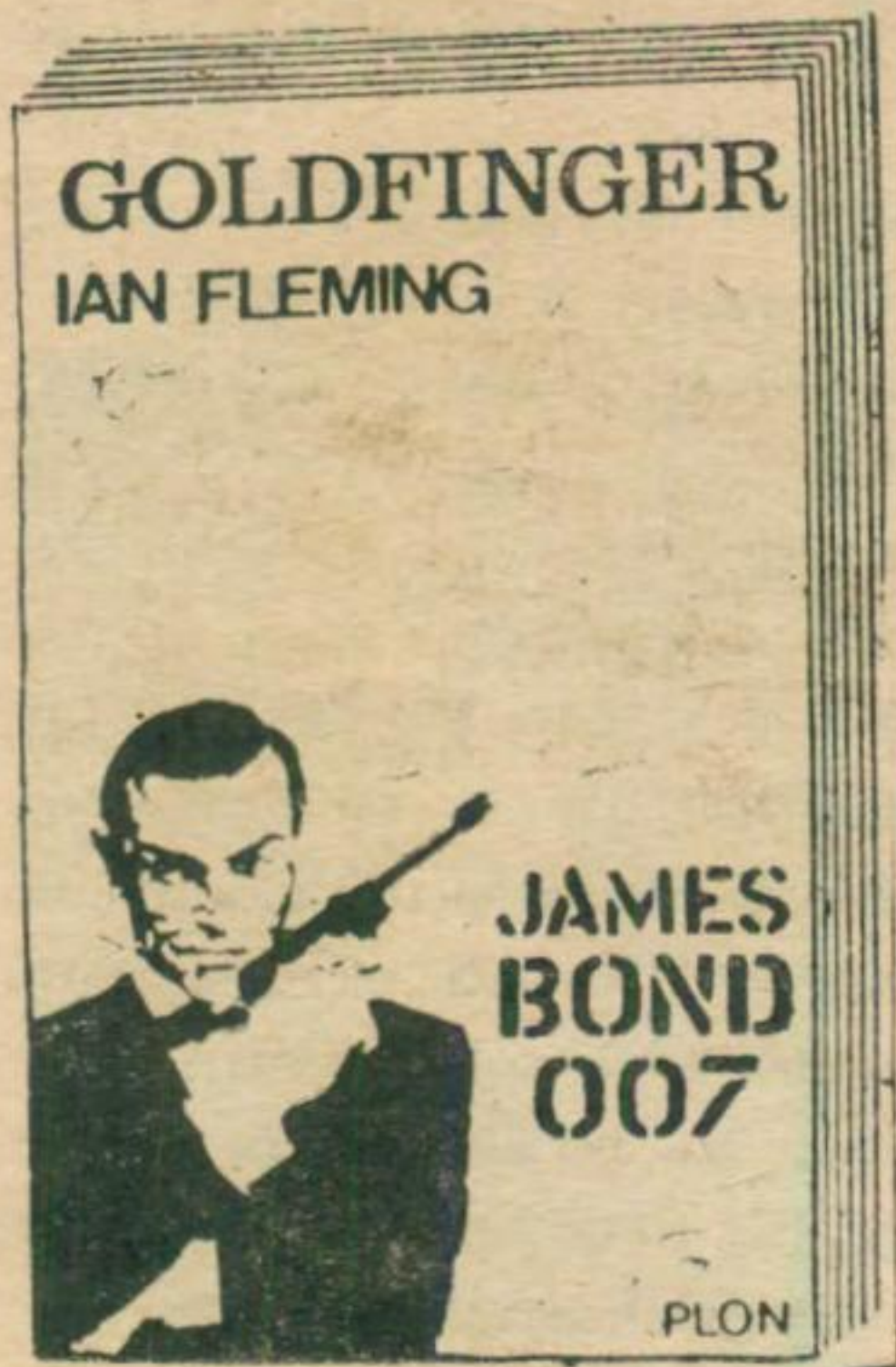
68 Lê văn Duyệt — SAIGON

1 - 7 - 66 mở các lớp

từ **Đệ Thất** đến **Tú Tài II**

(niên - học 1966 - 1967)

NHẬN GHI TÊN VÀ ĐÓNG HỌC PHÍ TỪ 15-5-66



007 là số hiệu của một tên gián điệp Anh quốc, James Bond, một nhân vật tiểu-thuyết. Trong trí nhiều người, con số ấy đã thay thế tên họ nhân vật, mà tên họ nhân vật cũng đã làm lu mờ tên họ tác giả. 007 hay James Bond được biết đến nhiều hơn con người và đời sống của Ian Fleming mà tác phẩm trong vòng mười mấy năm nay đã gây ra một hiện tượng lạ lùng.

007, một con số hên

Số 007 đã bỗng nhiên trở nên một con số may mắn, đem lại rất nhiều hoa lợi không những cho tác giả — nay đã qua đời — cho các nhà xuất bản, cho các hãng phim và các tài tử, cho cả những nhà kỹ nghệ và thương mại hiệu tâm lý quần chúng và khai thác hiện tượng, tạo nên những nhu cầu mới. Một trăm tỷ bạc đã thu được với những hàng hóa phù phiếm, áo lót đàn bà, sơ mi, dầu

007 và đồng loại

Phiêm luận về truyện của Ian Fleming và thế-giới James Bond

thơm, mũ nón, nút áo, khăn tay, cà vạt, áo quần đàn ông, rượu, thức ăn, đồ chơi... Bất luận hàng tốt hay xấu, dùng được hay không, miễn có ghi 007 hay kêu gọi số 007 là bán được. Đề theo dấu vết của anh hùng thời đại, những thiếu niên có thể sắm bộ đồ nghề của gián điệp tập sự. Những cậu bé, cô bé cũng hãnh diện với những áo ghi số 003,5, nửa con số của James Bond, như một bước đầu để tiến tới số đầy đủ. Trẻ chơi xe hơi có thể mua xe hơi kiểu Bentley mà Bond thường dùng. Tuy dưới hình thức trò chơi, xe hơi ấy cũng đủ máy móc để trừ gian kháng địch như chính xe của Bond : nòng súng liên thanh dẫu dưới hai đèn pha, nòng tám trắn đạn phía sau để bật lên khi có địch đuổi theo, nòng có ghế tự động có thể trục xuất người ngồi bên cạnh tài xế mà có thái độ khả nghi.

Tuổi lớn hơn, loại tuổi không bỏ sót một truyện nào của Fleming hay một phim

bị Sandhurst, rồi tòng ngũ trong đội quân Black Watch, đội quân trước kia lập ở Tô-cách-lan và gồm những binh sĩ mặc váy đen. Đến khi được giải ngũ, Fleming bắt đầu viết báo, rồi làm công cho ngân hàng. Khi thế chiến thứ hai bùng nổ, cơ quan tình báo Hải quân Anh nhờ ngân hàng Anh quốc giới thiệu cho một người biết nhiều ngoại ngữ và am hiểu việc quốc tế, Ian Fleming đã được tiến cử và trở nên phụ tá cho viên Giám đốc Sở Tình báo Hải quân Anh. Cuối chiến tranh, Fleming lên được cấp bậc Thiếu tá cấp bậc này Fleming đã phong cho nhân vật James Bond.

Rồi Fleming trở về làm báo, phụ trách về tin ngoại quốc cho tờ *Sunday Times* ở Luân đôn, và cũng đã từng làm thông tin viên tại Mạc tư khoa cho hãng *Reuter* và cho tờ *London Times*.

Ông thường về nghỉ hè tại Jamaica, và tại đây bắt đầu viết cuốn *Casino*. Khi sách xuất bản, kết quả chưa có gì là đặc biệt, tuy nhiên một hãng phim ở Hollywood lúc đó đã mua quyền khai thác 6.000 mỹ kim, và bây giờ có hãng khác đòi mua lại với giá nửa triệu mỹ kim. Với những cuốn sách sau, và nhất là khi những cuốn phim (*From Russia, Docteur No, Goldfinger*, với tài tử Sean Connery thủ vai James Bond) đã được chiếu khắp nơi, thì danh vọng và lợi lộc của Fleming trở nên vững chắc. Fleming chuyên viết truyện James Bond từ đó. Ông dùng mười tháng trong năm để thu thập tài liệu, và dùng hai tháng

nghỉ ở Jamaica để bơi lội chơi thuyền, săn chim, viết và sửa bản thảo.

Năm 1961, Fleming đã mắc bệnh đau tim. Thầy thuốc khuyên bớt hút thuốc, bớt uống rượu và bớt chơi cù. Ông theo lời dặn của bác sĩ một lúc rồi lại trở lại với tập quán cũ. Ông nói với một người bạn: «Trong thời chiến tranh, tôi có hỏi một trong số nhân viên đặc lực của tôi y làm thế nào đã rơi vào tay địch lại trốn thoát được một cách nhanh chóng mà không mất bình tĩnh. Người ấy trả lời: *Sống lâu không phải là đã xây dựng được một cuộc đời. Điều mình có thể làm được trong thời gian mình sống mới đáng kể. Tôi đồng ý với anh ta.*»

Ba năm sau, sau một buổi chơi cù, ngày 12-8-1964, Fleming đau tim và chết. Chắc hẳn thời gian ngắn ngủi ông được sống không đến nỗi vô ích đối với người đã tạo nên được một nhân vật James Bond.

Nhân vật James Bond

Tài liệu của tình báo Nga (tác giả đã tạo lên trong *From Russia*, 41) hiển cho độc giả một hình ảnh khá đầy đủ.

Cao 1 thước 83, nặng 76kg, người cao ráo, mắt xanh, tóc đen, có sẹo dưới má mặt và nơi vai trái, dấu giải phẫu nơ lưng tay mặt; lực sĩ đầy đủ, chuyên môn bắn súng, đánh võ, phóng dao, không trá hình. Ngoại ngữ thông thạo: Pháp và Đức. Ghiền thuốc lá (Chú ý: thường dùng thuốc điếu đặc biệt có ba vành

nhường chỗ từ khá lâu cho các yêu sách và chỉ trích mới, theo luận điệu mới, dưới các chiêu bài mới.

Chiến tranh Đông Dương 1946-1954 tuy khốc liệt, đã lu mờ vì khói lửa của bom B.52. Ai còn nhớ chi về chiến dịch Trái Quít 1953 hay trận Mao Khê 1951? Ký ức còn phải dành cho tin tức chiến trường Bình Giả, Bà Giá, Đồng Xoài, Plei-Me... Nhiều người theo dõi cuộc hành quân Birminham hay Davy-Crockett, gần quên hết vụ Vũng Rô 1965.

Thời gian của người VN như màn đêm hạ xuống đất này, hay đúng hơn, là một dòng nước vượt ghềnh đá chảy siết ra khơi, lôi cuốn cuộc sống ào ạt và buộc người chèo thuyền theo sóng luôn luôn nhìn về hướng trước nếu không muốn bị lật chìm dưới các ngọn trào dòn dập...

Như thế, đâu còn hơi sức mà ngó lại những quãng vừa qua? thôi thì mặc cho bờ bến, rặng lau cùng bèo mây về khuất ở chân trời mờ ảo. Từ ngày đen tối 1945 tới ngày tối đen 1955, từ xây dựng nửa vời đến đổ vỡ chưa kịp bồi đắp đã gặp lung lay giữa những sức mới ngoi lên, con người chẳng rút được mấy bài học, vì chưa ngắm đã qua, mỗi sớm mỗi chiều phải nhằm sự khác và lo việc hôm nay.

Trở lại thực tế, càng thấy rõ hơn sự tràn ngập không ngừng của thời cuộc. Mỏ mạt kinh tế chưa được bao nhiêu, đã phải chống nạn lạm phát. Đang tìm cách tái thiết những vùng bị bão lụt miền Trung, thì ngót triệu người bỏ làng tị nạn đòi hỏi cấp cứu. Khi chiến cuộc leo thang, các phong trào tranh

SÁCH MỚI

Bách Khoa Thời Đại đã nhận được :

— **Hành trình vào Dân tộc học** (Tập I. Những vấn đề lý thuyết) của Lê văn Hào do Nam Sơn xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 190 trang, ngoài 6 chương chính, còn phần phụ lục gồm các tiểu luận của E. Pritchard, L. Gourhan, Lévine, Kluckhohn, Nghiêm Thâm và Nguyễn văn Trung. Tựa của Nguyễn бат Tuy. Giá 70đ.

— **Những ý nghĩ của bọt biển** (Thái độ II) của Thế Uyên do Nam Sơn xuất bản gửi tặng. Sách dày 80 trang tiếp cuốn « Thái độ I » (Mười ngày phép của một người lính), bản đặc biệt không đề giá.

— **Bài tập giải tích của J. Rivaud** do Phạm Long Điền dịch, Việt nam Đại học Tùng thư xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang, khổ 20 x 26, in ronéo 2 mặt, dùng cho các chứng chỉ Toán Lý Hóa, Toán Vật lý, Toán Đại cương, Giá nhất định 40đ.

— **Ánh sáng trong đêm tập thơ của Vương Hoài Định**, do « Chân Trời 20 » xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt, khổ 20 x 26 dày 46 trang, gồm trên 30 bài thơ. Không đề giá bán.

— **Thương ca biển nhớ tập thơ của Võ Quê và Châu Băng Tâm**, do Võ Quê gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt, khổ 14 x 21 dày khoảng 70 trang, không đề giá bán.

đấu chánh trị lan tràn bùng nổ ở hậu phương. Còn ai nghĩ đến hàng trăm vấn đề được nêu ra từ năm bảy năm mà không giải quyết, vì cứ bị việc khẩn bách hơn gạt về thuở trước, như xây cất thơ viện quốc gia, thống nhất luật lệ, hay thực hiện đồ án thiết kế đô thị...

Về phương-diện sử học, còn một điều nữa đáng lo ngại : việc đã quá nhiều, tài-liệu lại rất dễ thất lạc trong thời loạn. Chẳng mấy người còn giữ được những hình ảnh Hà-nội 1945, Saigon 1954, hay báo chí thuộc năm bảy năm gần đây,

Bộ Thông-Tin, Thơ-Viện Quốc-Gia, Viện Khảo-Cồ hay Khảo-Cứu Sử học, cũng có thu thập được một số ấn-loát phẩm cùng văn-kiến cũ. Song nhiều giấy tờ quan trọng về quốc-sự lại thuộc loại tối mật mà nhà cầm quyền và một vài người tín-cần giữ rồi hủy đi, hay đem theo luôn sang cõi khác. Vả chẳng, còn những khẩu lệnh kín, thì lấy gì để chứng nhận, dù kẻ biết rõ chịu nói ra ?

Bởi thế, ở bất cứ quốc-gia nào, cũng có một phần khá lớn sự thật bị bao trùm dưới một bóng tối âm thầm. Vậy không sử-gia nào có thể tự hào biết hết, và trong sự phê bình các vai tuồng của mỗi thời đại, những phán-quyết gắt gao cũng như lời thán-phục tha thiết, đều gọi ít nhiều hoài-nghi.

Đối với các biến chuyển trên mọi địa-hạt, tuy báo giới vẫn theo dõi hàng ngày cũng cần được một cơ quan hay một học hội nào tập trung, phân loại, và biên-nhận để rồi lựa lọc thành sử-liệu, như thế sẽ dọn đường cho các nhà viết sử sau này. Từ cồ, ở nhiều nước vẫn có những chức vụ thái-sử, hoặc quốc-sử-quán. Duy ở VN bây giờ, các học-giả hãy chịu khó lo lấy thì hơn, miễn là đủ tiền mua năm chừng 20 báo chí, và một số sách ngoại ngữ ; vì chỉ ngoại nhân mới hay viết sách về đời sống VN.

Đ. T.

Trường NGUYỄN-KHUYẾN

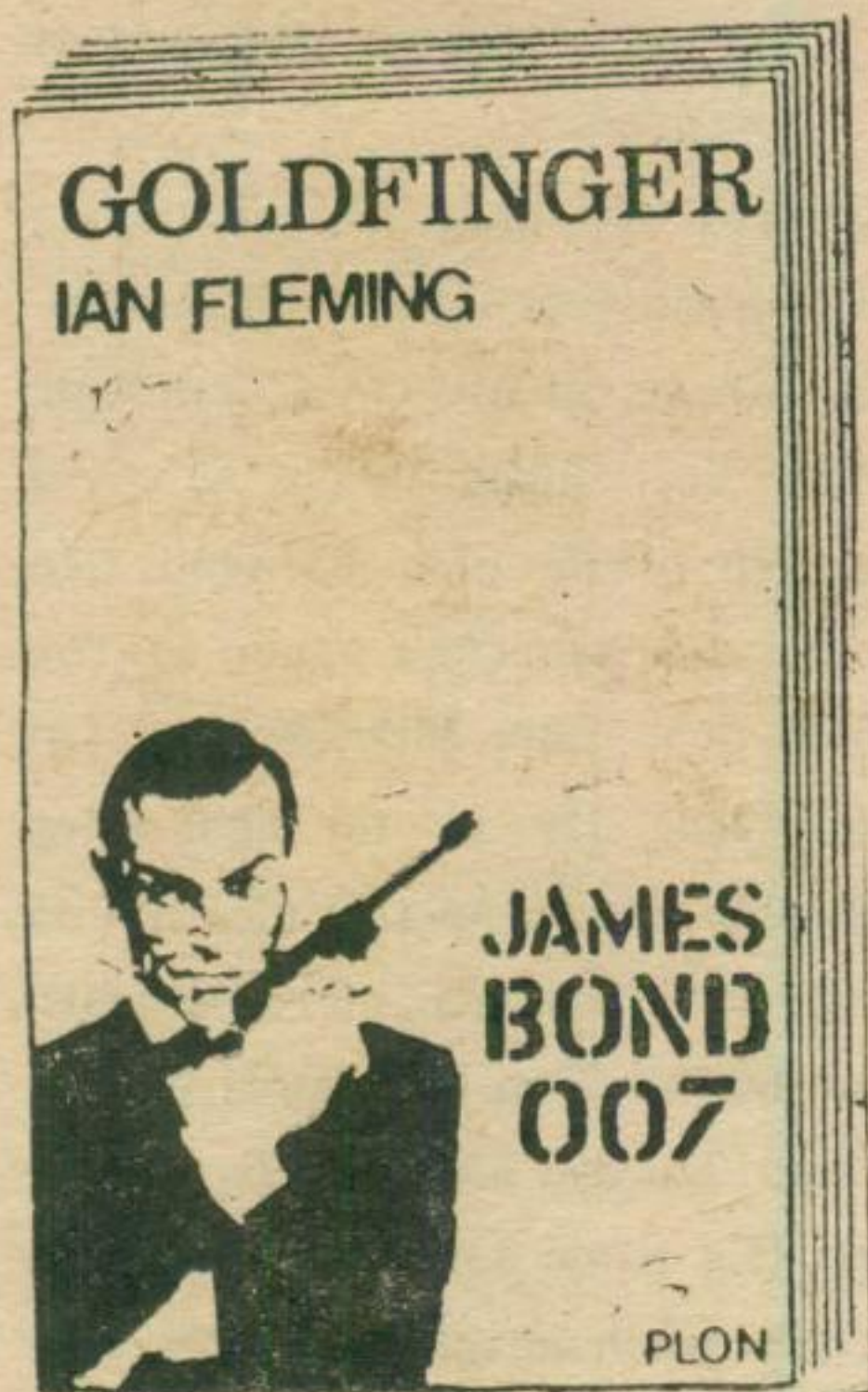
68 Lê văn Duyệt — SAIGON

1 - 7 - 66 mở các lớp

từ **Đệ Thất** đến **Tứ Tái II**

(niên - học 1966 - 1967)

NHẬN GHI TÊN VÀ ĐÓNG HỌC PHÍ TỪ 15-5-66



007 là số hiệu của một tên gián điệp Anh quốc, James Bond, một nhân vật tiểu-thuyết. Trong trí nhiều người, con số ấy đã thay thế tên họ nhân vật, mà tên họ nhân vật cũng đã làm lu mờ tên họ tác giả. 007 hay James Bond được biết đến nhiều hơn con người và đời sống của Ian Fleming mà tác phẩm trong vòng mười mấy năm nay đã gây ra một hiện tượng lạ lùng.

007, một con số hên

Số 007 đã bỗng nhiên trở nên một con số may mắn, đem lại rất nhiều hoa lợi không những cho tác giả — nay đã qua đời — cho các nhà xuất bản, cho các hãng phim và các tài tử, cho cả những nhà kỹ nghệ và thương mại hiệu tâm lý quần chúng và khai thác hiện tượng, tạo nên những nhu cầu mới. Một trăm tỷ bạc đã thu được với những hàng hóa phù phiếm, áo lót đàn bà, sơ mi, dầu

007 và đồng loại

Phiếm luận về truyện của Ian Fleming và thế-giới James Bond

thơm, mũ nón, nút áo, khăn tay, cà vạt, áo quần đàn ông, rượu, thức ăn, đồ chơi... Bất luận hàng tốt hay xấu, dùng được hay không, miễn có ghi 007 hay khêu gợi số 007 là bán được. Đề theo dấu vết của anh hùng thời đại, những thiếu niên có thể sắm bộ đồ nghề của gián điệp tập sự. Những cậu bé, cô bé cũng hãnh diện với những áo ghi số 003,5, nửa con số của James Bond, như một bước đầu để tiến tới số đầy đủ. Trẻ chơi xe hơi có thể mua xe hơi kiểu Bentley mà Bond thường dùng. Tuy dưới hình thức trò chơi, xe hơi ấy cũng đủ máy móc để trừ gian kháng địch như chính xe của Bond : nòng súng liên thanh dẫu dưới hai đèn pha, nòng tầm trần đạn phía sau để bật lên khi có địch đuổi theo, nòng có ghế tự động có thể trục xuất người ngồi bên cạnh tài xế mà có thái độ khả nghi.

Tuổi lớn hơn, loại tuổi không bỏ sót một truyện nào của Fleming hay một phim

ảnh nào về James Bond, có nhiều phương tiện hơn để tỏ bày sự hâm mộ tán thưởng của mình. Tại Hòa Lan, trong một chiều thứ bảy, người ta đã bán bốn ngàn sơ mi 007 vừa mới trình bày. Khách sạn Hilton ở Luân đôn có một hộp đêm rất thừa khách, cho đến khi có sáng kiến đổi bằng hiệu thành "phòng 007" thì không đủ chỗ để tiếp đón. Tại Pháp, khi phim *Goldfinger* được đem chiếu, nhà buôn có bày thứ áo lót thép vàng, một số phụ nữ đã chạy đến mua. Những tiệm may cũng bày cho đàn ông bộ dạ phục toàn trắng, là điều quá mới đối với lễ nghi xứ này: trong một tuần có hai trăm người đã sắm thứ dạ phục ấy cho hợp với tân trang. Một hiệu kim hoàn bán được trong năm ngày ba ngàn bộ nút tay áo có số 007.

Truyện của Ian Fleming có tất cả 13 cuốn (1), đã dịch ra 18 thứ tiếng. Những phim, dựa vào truyện tiếp tục khai thác huyền thoại mới và nói rộng đám người từ Âu sang Á ham thích nhân vật thần kỳ ấy, vừa thu lượm hàng ngàn triệu Mỹ kim! Những xí nghiệp không trực tiếp khai thác nhân vật, cũng không bỏ qua cơ hội, đã tạo nên những nhân vật tương tự hoặc dùng một thứ bối cảnh và cốt truyện quen thuộc với James Bond.

Năm 1963, báo *Evening Standard* ở Luân-đôn cho đăng những băng hoạt họa với một phụ nữ, Modesty Blaise, làm nhân vật chính. Tiếp đó, một nhật báo ở Ba-lê đăng lại, rồi 13 tờ báo khác

trên thế giới góp phần vào việc quảng bá và xây dựng một huyền thoại mới. Mỗi khi sách vở và báo chí đã làm xong công việc khai quang, điện ảnh với phương tiện phong phú của mình, tiếp tay để khai thác tận cùng nguồn lợi tức vừa khám phá. Đào Monica Vitti với thân hình lộng lẫy và tài nghệ vững chắc đã phổ biến khắp thế giới những tác động đặc biệt của nữ gián điệp Modesty Blaise. Xưa kia, người đàn bà như trong *Trà hoa nữ* hay *Tor vương đến thác* (*La dame aux Camélias*) dùng sự gầy yếu mảnh khảnh của bệnh nhân để chống lại đàn ông, thì trái lại, nữ gián điệp 1965 dùng phương tiện mãnh khỏe và vũ khí hợp với thời đại hơn. Khai sinh cho nhân vật đó là Peter O'Donnell, một người trong bao nhiêu năm sống lang thang ở thủ đô Anh quốc vì văn bán không được, và bây giờ đã trở nên triệu phú vì có sáng kiến đối chọi với sáng kiến của Ian Fleming. Gián điệp Modesty Blaise có thứ bật lửa tia ra những đuốc nung được kẻ địch, có

(1) Mười ba truyện của Ian Fleming là: *Casino Royale*, *Live and let die*, *Dr No*, *Goldfinger*, *From Russia with love*, *Moonraker*, *For your eyes only*, *Diamonds are for ever*, *Thunderball*, *You only live twice*, *On Her Majesty's Secret Service*, *The spy who loved me*, *The man with golden gun*. Fleming cũng có viết một cuốn du ký, nhan đề *Thrilling cities*.

Tôi đã dùng đề viết bài này bản sách Signet Books, (The New American Library, New-York) loại sách bỏ túi có bán khắp Việt-Nam. Đề tiện việc, mỗi lần dẫn sách tôi chỉ dùng một hay hai chữ của nhan đề ví dụ *Casino* thay *Casino Royale*. Số tiếp theo sau là số trang bản sách đã dùng.



Ian Fleming

những móng tay giả, sắc hơn dao cạo, có ống sáp đánh môi có thể biến thành mũi tên trong khi giấy nịt hóa ra cung đề bắn, vân vân... Nàng cũng đi xe hơi Bentley như Bond, uống rượu chát đỏ, hút thuốc đen, không thiết tha với thứ tình điên dại, chỉ dạn dĩ với người hộ vệ, một tên phóng dao tài tình. Nàng

chỉ yêu, không cần thể thốt, chẳng chút đam mê.

Nhiều phim gián điệp khác không ngần ngại dựa vào sự thành công của Bond để mong thu hút khán giả. Như trong phim « Người gián điệp tài tình thứ hai. » một vai nữ đã thốt lên câu : « Tôi đã gặp một chàng giống hệt như anh, tại Florida. Chàng ấy tên James... James gì đó ». Và cốt chuyện cũng chỉ là tình báo, phản gián với những cảnh thoát y, tắm hơi, cảnh khiêu dâm, dâm giết tàn bạo, bao nhiêu điều độc giả hay khán giả của Bond đã biết nhiều, và có lẽ đã ghiền.

Huyền thoại bắt đầu

Một ký giả người Anh, tóc đã hoa râm, nghỉ hè tại đảo Jamaica, sau một buổi bơi lội và bắn cá hăng say, ngồi khoan khoái trước bàn, đặt giấy vào máy chữ và viết :

« Mùi nước hoa và khói thuốc và mồ hôi của một nhà chứa bạc lúc ba giờ sáng, làm cho buồn nôn. Thành linh James Bond cảm thấy mình mệt nhọc... »

Những hàng chữ ấy khởi đầu cuốn *Casino*, mở màn cho một văn nghiệp rực rỡ, đưa vào đời sống một nhân vật oai hùng và hiển cho thời đại một hiện tượng mới mẻ trong văn hóa đại chúng. Ký giả tốt số ấy tên là Ian Fleming, sinh năm 1908 ở Anh quốc. Sau khi học trường trung học Eton, một trường có kỷ lục về số cựu học sinh trở nên danh nhân, Ian Fleming theo học trường võ

bị Sandhurst, rồi tòng ngũ trong đội quân Black Watch, đội quân trước kia lập ở Tô-cách-lan và gồm những binh sĩ mặc váy đen. Đến khi được giải ngũ, Fleming bắt đầu viết báo, rồi làm công cho ngân hàng. Khi thế chiến thứ hai bùng nổ, cơ quan tình báo Hải quân Anh nhờ ngân hàng Anh quốc giới thiệu cho một người biết nhiều ngoại ngữ và am hiểu việc quốc tế, Ian Fleming đã được tiến cử và trở nên phụ tá cho viên Giám đốc Sở Tình báo Hải quân Anh. Cuối chiến tranh, Fleming lên được cấp bậc Thiếu tá cấp bậc này Fleming đã phong cho nhân vật James Bond.

Rồi Fleming trở về làm báo, phụ trách về tin ngoại quốc cho tờ *Sunday Times* ở Luân đôn, và cũng đã từng làm thông tin viên tại Mạc tư khoa cho hãng *Reuter* và cho tờ *London Times*.

Ông thường về nghỉ hè tại Jamaica, và tại đây bắt đầu viết cuốn *Casino*. Khi sách xuất bản, kết quả chưa có gì là đặc biệt, tuy nhiên một hãng phim ở Hollywood lúc đó đã mua quyền khai thác 6.000 mỹ kim, và bây giờ có hãng khác đòi mua lại với giá nửa triệu mỹ kim. Với những cuốn sách sau, và nhất là khi những cuốn phim (*From Russia, Docteur No, Goldfinger*, với tài tử Sean Connery thủ vai James Bond) đã được chiếu khắp nơi, thì danh vọng và lợi lộc của Fleming trở nên vững chắc. Fleming chuyên viết truyện James Bond từ đó. Ông dùng mười tháng trong năm để thu thập tài liệu, và dùng hai tháng

nghỉ ở Jamaica để bơi lội chơi thuyền, săn chim, viết và sửa bản thảo.

Năm 1961, Fleming đã mắc bệnh đau tim. Thầy thuốc khuyên bớt hút thuốc, bớt uống rượu và bớt chơi cù. Ông theo lời dặn của bác sĩ một lúc rồi lại trở lại với tập quán cũ. Ông nói với một người bạn: «Trong thời chiến tranh, tôi có hỏi một trong số nhân viên đặc lực của tôi y làm thế nào đã rơi vào tay địch lại trốn thoát được một cách nhanh chóng mà không mất bình tĩnh. Người ấy trả lời: *Sống lâu không phải là đã xây dựng được một cuộc đời. Điều mình có thể làm được trong thời gian mình sống mới đáng kể. Tôi đồng ý với anh ta.*»

Ba năm sau, sau một buổi chơi cù, ngày 12-8-1964, Fleming đau tim và chết. Chắc hẳn thời gian ngắn ngủi ông được sống không đến nỗi vô ích đối với người đã tạo nên được một nhân vật James Bond.

Nhân vật James Bond

Tài liệu của tình báo Nga (tác giả đã tạo lên trong *From Russia*, 41) hiến cho độc giả một hình ảnh khá đầy đủ.

Cao 1 thước 83, nặng 76kg, người cao ráo, mắt xanh, tóc đen, có sẹo dưới má mặt và nơi vai trái, dấu giải phẫu nơ lưng tay mặt; lực sĩ đầy đủ, chuyên môn bắn súng, đánh võ, phóng dao, không trá hình. Ngoại ngữ thông thạo: Pháp và Đức. Ghiền thuốc lá (Chú ý: thường dùng thuốc điếu đặc biệt có ba vành

vàng). Tật xấu: rượu, tuy không bao giờ quá, và gái. Không mua chuộc được.

Thường mang dưới cánh tay trái khẩu súng Beretta 25 trong túi da. Có tám băng đạn. Được biết mang dao nhọn cọt nơi cánh tay trái. Thường đi giày có mũi bịt thép. Biết nhu đạo căn bản.

Tài liệu, tuy chưa đầy đủ, cũng làm thành một hồ sơ dày, có cả những tấm ảnh và phụ bản, mỗi tác động của Bond còn là đề tài cho những tờ báo cáo riêng.

Kết luận của hồ sơ: Người này là một tên khủng bố và gián điệp quan trọng. Làm cho Tình báo Anh từ 1938 và được nhận bí số 007. Hai con số 0 đầu có nghĩa là nhân viên này được phép giết người trong khi thi hành phận sự. Được biết chỉ có hai nhân viên khác được đặc quyền đó mà thôi.

Với nhân vật ấy, tác giả Fleming đã dựng lên một thế giới đầy bạo động, đầy sự ác độc tinh vi và nhục dục, một thế giới rất hấp dẫn kích thích mọi bản năng tầm thường, và thoả mãn những khuynh hướng đê hạ có trong tiềm thức đa số người đời hiện nay, sống buông trôi trong một xã hội đang tan vỡ.

Xét đến nội dung một vài truyện đủ thấy nguồn hứng phong phú và giản dị của tác giả, với một kỹ thuật «tiền chế» dựa trên sự hiểu biết nhu yếu thông thường của độc giả. Fleming tuy dựng

được những cảnh mê ly, tuy khởi xướng lên được một huyền thoại đặc dụng, cũng còn đủ bình tĩnh và u mặc để khỏi lằm vì nhân vật hay khung cảnh truyện, mặc dù khung cảnh và nhân vật cũng tiêu biểu một phần nào sự thật mà chính tác giả đã biết đến. James Bond, nhân vật của Fleming, sẽ thắng trong tất cả các cuộc đương đầu với đối phương, thắng nhờ một phần nơi tài nghệ phi thường của mình, nhưng một phần lớn, nhờ nơi sự may rủi. Phải chăng vì trong những kết quả gọi là vẻ vang của anh hùng James Bond, có rất nhiều yếu tố may rủi, mà Fleming đã cho cờ bạc trở thành một hoạt động quan trọng trong hầu hết cuộc sống của James Bond và nhiều nhân vật khác?

Cờ bạc, một phương tiện diệt địch.

Nhan đề *Casino* đã nói lên khung cảnh của truyện. Tại nhiều nước Âu Mỹ, casino hay nhà chứa bạc là một cơ sở quan trọng, thường được quảng cáo rất nhiều, trong nước cũng như ngoài nước, vì đó là nguồn lợi-tức chính của một số thị-trấn hay tiểu-quốc. Royale-les-Eaux, phía bắc thành phố Dieppe ở Pháp thường nhộn nhịp nhất về mùa thu. Tình-báo của Anh-quốc biết trước mùa này sẽ có một người đến đó đánh lớn, quyết ăn thua, sẽ nhờ bài cào (baccarat) để cứu tánh mạng mình và giữ uy-thể cho cơ-sở đảng.

Người ấy tên là Le Chiffre, đảng-viên Cộng đảng Pháp và nhân-viên tổ-chức

phản-gián Liên Xô. Le Chiffre là một tay gián-điệp lợi hại, tổ chức quân-đoàn thứ năm trong giới công-nhân vùng Alsace. Vì làm phát-ngân-viên cho tổ chức, Le Chiffre dùng tiền của đảng gọi đề lập nghiệp-đoàn, đầu tư đề kiếm lời tiêu xài riêng. Năm 1946, anh ta mua được một số nhà điểm ở vùng Normandie và Bretagne, và tin chắc sẽ thu lợi rất nhiều và dễ dàng trong một thứ kỹ nghệ đang phát đạt. Không ngờ, tại Pháp, đạo luật Marthe Richard ra đời, cấm tuyệt phương-thức kinh doanh ấy. Dự định của Le Chiffre tiêu tan. Lối ăn tiêu phung phí làm anh ta thâm quỹ hết 25 triệu quan. Le Chiffre định lấy số 25 triệu còn lại, đến Casino Royale lấy lại số tiền đã thâm thủng.

Quyền lợi của tổ-chức Minh-ước Bắc Đại tây-dương khiến cơ-quan hữu trách lợi dụng cơ-hội đề trừ khử Le Chiffre. Hại đến tánh mạng của địch không có tác-dụng lớn lao bằng bồi nhọ được địch, làm cho các đồng chí của Le Chiffre phải nghi ngờ đến đạo đức của bậc cán-bộ Le Chiffre kiệt quệ về tài chánh sẽ làm giới công nhân mất tin tưởng nơi anh ta, và tất nhiên chính đảng của anh ta sẽ đảm đương công việc loại anh ta ra khỏi sân khấu. Mặt khác, lấy được 25 triệu của Le Chiffre cũng giảm một phần nào lực lượng tài-chánh của đối phương.

Đề thi hành dự định ấy, James Bond, từ Jamaica, được gửi qua Pháp. Tại đây, 007 sẽ được một gián-điệp phòng nhì

của Pháp tên Mathis giúp đỡ, chưa kể một nữ cộng-sự của cơ-quan Anh, Vesper Lynd và bạn đồng nghiệp Hoa-Kỳ tên Leiter, cũng sẵn sàng trợ-lực.

Nhà chứa bạc tại Royale chưa bao giờ chứng kiến một canh bạc gay cấn và hứng thú bằng trận bài giữa hai địch thủ tương xứng : Le Chiffre và James Bond, với lối chơi bình tĩnh và hình như không nghĩ đến việc được hay thua. Những người vây quanh bàn phải hồi hộp nhiều hơn hai người trong cuộc, theo dõi từng lá bài bắt lên, từng nét mặt từng cử chỉ đề đoán chừng kết quả. Bond thắng một vài ván nhỏ, rồi thắng lớn, dồn tất cả lực lượng đề mong hạ địch-thủ với một ván 16 triệu quan, nhưng Bond thua, và thua sạch tiền. Dự định tiêu tan, nghĩ đến cái tài đánh bạc của mình, nhớ đến sự tin-tưởng của ông M. giám-đốc Sở tình-báo của mình, nghĩ đến lòng mong mỏi của các bạn đồng nghiệp nơi tiền tuyến của thế-giới tự-do, Bond cảm thấy sự nhục nhã của thất bại. Đang tìm cách rút lui trong khi người ta sửa soạn ván bài khác, Bond phải che dấu cảm xúc khi thấy người tùy hầu đặt trước mặt mình một phong bì dán kín. Phong bì đựng 32 triệu quan và tấm giấy nhỏ có mấy chữ : Viện trợ theo chương trình Marshall ! Bond đã hiểu là một sự giúp đỡ thật đúng lúc của đồng-minh Leiter. Vừa lúc đó, Le Chiffre, vẫn làm cái, rao giá theo tập tục, gấp đôi số tiền vừa mới ăn : 32 triệu ván này ! Cũng bằng một giọng dịu dàng nhưng quả quyết như mấy lần

trước, Bond nói : Theo, 32 triệu.

Không quay mình lại, Bond thấy lạnh nơi cổ. Một khẩu súng đã đặt sát nơi ót chàng. Một tiếng người đứng sau nói khẽ, một cách cứng rắn và rõ ràng, vừa đủ cho Bond nghe. «Đừng theo ván bài này nữa. Rút tiền đi. Tôi sẽ đếm đến mười. Súng này không kêu. Chẳng ai nghĩ đến việc anh bị giết khi anh ngã xuống. Hãy nghe lời kéo bỏ mạng. Một..» Trong phòng, thật ra chẳng một ai để ý đến người đứng sau lưng Bond' chẳng ai ngờ rằng tánh mạng của Bond đang bị hăm dọa, người chung quanh vẫn nói nói cười cười, và chính những người bạn và đồng minh của Bond, đứng phía bên kia cũng không nhận ra điềm nào khả nghi cả, mà Bond chưa tìm ra cách nào để tin cho họ biết. Tiếng của sát nhân tiếp tục đếm... Mồ hôi lạnh cho James Bond, và mồ hôi lạnh cho độc-giả ! Nhưng trong muôn ngàn truyện mà anh-hùng không thể chết, độc-giả cũng có thể tin chắc rằng anh-hùng sẽ tìm cách thoát được. Độc giả có thể nghĩ đến nhiều cách, và tác-giả đáng phục khi tìm ra cho nhân vật lối thoát mà độc-giả không nghĩ đến, thường thường là một lối quá giản dị. Dùng tất cả sức mạnh mình để đè xuống lưng ghế, làm cho gãy nát và nhờ đó làm cho sát-nhân hoang mang và bỏ chạy, James Bond xin lỗi người chung quanh và tiếp tục rút bài, để rồi ăn ván cuối cùng, ván làm cho Le Chiffre kiệt quệ và dự định của «đồng-minh» toàn thắng.

Chuyện đến đó chưa hết. Sau khi thắng cuộc, Bond trả tiền lại cho Leiter, còn bao nhiêu vốn và lời, đòi ra chi-phiếu để tiện việc dấu cất vì thừa biết rằng Le Chiffre đâu chịu thua và sẽ tìm mọi cách để cướp đoạt số tiền vừa mất. Mặc dù đề phòng Bond bị Le Chiffre gài bẫy trong khi đang ăn uống chuyện trò với Vesper. Cả hai đã đi bắt cóc. Bond bị tra tấn tàn nhẫn, và theo như Le Chiffre tuyên bố thì dụng cụ dùng để đánh Bond có thể làm cho chàng, có sống sót, cũng tuyệt tự. Le Chiffre đã đến lục soát kỹ lưỡng phòng trọ của Bond không tìm ra tấm chi-phiếu, và Bond kiên tâm chịu đòn không cho biết nơi mình dấu. Sự sống sót của Bond lần này cũng chỉ nhờ sự may mắn, không do tài nghệ của chàng. Cơ-quan phản gián và thủ tiêu của Liên Xô, đã biết tất cả việc làm của Le Chiffre, sai người qua Pháp và hành quyết tên bất lương phản bội. Những nhân viên thi hành phận sự của đảng giao phó, không động gì đến Bond và Vesper vì không có lệnh về hai trường hợp này. Sau Bond mới hiểu duyên cớ thật. Vesper, nữ tình-báo Anh, là người làm việc cho cả hai bên, được nhiệm vụ theo sát Bond để khai thác cho đến cùng. Phải lòng Bond, Vesper không thể che dấu sự thật được, và tỏ sự ăn năn hối tiếc bằng cách quỳ sinh.

Kế mỹ nhân.

Từ khi có đàn bà và từ khi có giống đàn ông hiếu sắc và si tình, kẻ người

đẹp là một phương tiện quá thông thường để cầu hòa hay gây chiến giữa các quốc-gia, để phá hoại tài sản hay danh-dự những cá-nhân. Trong các vụ án-mạng, người ta thường nghĩ đến động-cơ đầu tiên và quan trọng nhất, là đàn bà. Đối với gián-điệp James Bond, mà lý-lich cho biết là rất mê gái đẹp, kẻ thù của James Bond chắc hẳn phải nghĩ đến kẻ cò diều ấy. Thi hành kế mỹ nhân là cốt truyện *From Russia*.

Cũng như Đồng Minh đã dùng cò bạc để phá hủy thế-lực của Le Chiffre, tổ-chức Smersh, phản gián và đặc công quyết định dùng gái đẹp tiêu-hủy thần thoại anh hùng James Bond, được ca ngợi trong giới gián-điệp Tây phương. Bond không những phải chết, mà sẽ chết một cách nhục nhã, chết vì dâm ô đắm sắc, không phải chết vì nghĩa vụ.

Tác-giả đã dựng lên một nhân vật phụ nữ đặc biệt: một phụ-nữ tên Rosa Klebb, làm trưởng-ban ám-sát của tổ-chức Smersh. Có nhiều nguyên-nhân sinh-lý và tâm-lý đã khiến cho Rosa, một người chẳng đàn ông nào làm rung động được và chỉ thích luyện ái và tình dục với người đồng tính, trở nên vô cùng độc ác và quỷ quyết. Rosa còn biết chọn lựa cộng-sự-viên, như lực sĩ Grant một thứ tàn phế về tình cảm, chỉ tìm được đôi chút khoan khoái khi giết được người. Nhất là vào những đêm trăng tròn, cơn khát máu của hắn lên đến cực độ. Nếu thỏa mãn được, hắn cảm thấy

hạnh-phúc và nghĩa lý cuộc đời. Sống trong nguyên-quán, Grant bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, nếu không phải giây treo cò thì ngục thất chờ đợi nó. Nhưng sau thời kỳ thử tnách, được sung vào ban ám sát, nó đã trở thành một công-dân xứng đáng, một chiến-sĩ hữu công, một đồng chí gương mẫu. Điều mà nơi khác xem là một tội ác, nơi đây là sự xử dụng thiên tài. Khi tổ-chức giao cho Grant công tác giết người, nó xem đó là một phần thưởng hay một ân huệ. Trưởng ban ám sát còn có dưới tay một nữ nhân viên tên Tatiana, rất xinh đẹp nhưng về phương diện tình ái đang còn ngây thơ, hay nói theo ngôn ngữ của khung cảnh truyện này, chưa tiến đến những cảnh-trạng thác-loạn của dục tình.

Tatiana được Rosa xây dựng để đưa James Bond vào cạm bẫy khi anh này qua công tác tại Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ), Tatiana sẽ không tiếc gì hết đối với Bond và để cho gián điệp khôn ngoan này khỏi nghi ngờ, Tatiana còn tặng cho chàng làm của hồi môn, một cái máy Nga vừa chế tạo được, máy dùng tìm ra bất cứ mật mã rắc rối nào. Thật ra máy tình xảo này là một máy giết người mà Smersh định tặng riêng cho cơ quan chuyên môn của Anh-quốc khảo khát thứ phát minh này, và đủ sức tiêu hủy trụ sở và nhân viên cơ quan ấy.

Khi Bond và Tatiana gặp được nhau và đã giao du thân mật, trưởng-ban-ám-sát Rosa cho đặt nơi phòng của Tatiana máy quay phim để ghi tất cả lối xử thế

của cặp uyên ương, với mục đích chính thức là sẽ dùng hình ảnh ấy phổ biến cho các báo chí sau khi Bond bị giết, với mục đích thăm kín và ti tiện, hơn là để thỏa mãn một thứ hiếu kỳ bệnh hoạn.

Địa điểm và thời gian Bond sẽ bị Grant giết được định trước một cách tỉ mỉ. Chính trên chuyến xe lửa xuyên Âu đưa Bond với tình nhân từ Istanbul về Balê tên sát nhân kỳ diệu sẽ ra tay, khi xe lửa sắp vào hầm Simplon. Nhiều khung cảnh và lối sắp đặt trong đoạn này có nhiều điểm giống truyện *Orient-Express* của Graham Greene.

Nhưng một lần nữa, James Bond thoát chết. Mặc dù tên sát nhân không chỉ giết vì phận sự mà giết vì sở thích mặc dù tên ấy có khí giới tối tân, súng

rất nhỏ giấu trong một cuốn sách, Bond chỉ nhờ tinh trí và thông minh hạ được địch thủ, trong khi Tatiana đã bị đầu độc và giết vài phút trước đó. Nhờ sự khoe khoang và tự phụ của Grant, Bond biết được mưu kế quỷ quyệt của Smersh tránh cho cơ quan mình tai họa với cái máy giết-người, và lại còn có dịp khi về tới Paris, hiệp sức với Mathis (đồng nghiệp ở Phòng Nhì Pháp) giáp mặt Rosa Klebb, và hạ sát tên nữ tặc đã chỉ huy mọi việc, và đã đến trước ở thủ đô Pháp để đón chờ sự thành công.

(còn tiếp)

CUNG-GIỮ-NGUYÊN

Kỳ tới : *Buôn lậu — Chiến tranh vi trùng — Vàng và máu v.v...*

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

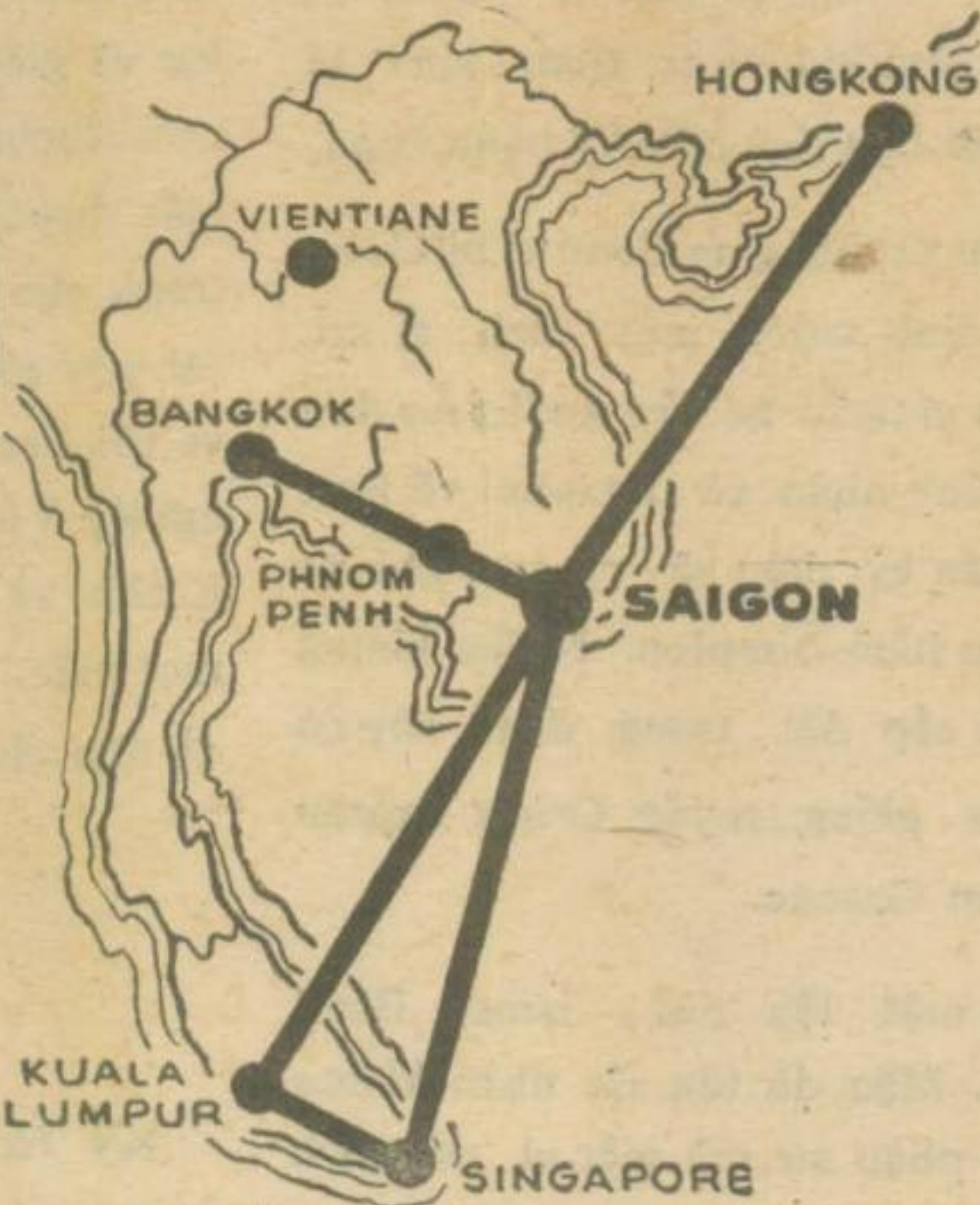
CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

Việt Nam Hàng không

TRONG ĐÔNG-NAM Á



AIR
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THỀ-GIỚI

Hoasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MỀ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
116, NGUYỄN-HUYE, SAIGON. 21.624-625-626

NHÂN CUỘC TRIỂN LÃM THÁI-TUẤN
từ 28-4-66 đến 8-5-66 tại Saigon

Phỏng vấn họa-sĩ Thái-Tuấn



Hỏi : Trước hết có một điều làm cho tôi ngạc nhiên nhất trong kỳ bày tranh này là : có cả những bức họa trừu tượng. Tôi nghĩ là anh bắt đầu rời bỏ đường lối có hình để đi vào trừu tượng. Có đúng vậy không ?

Trả lời : Bức họa trừu tượng không phải là những bức mới nhất. Tôi vừa vẽ xong một bức trừu tượng thì lại vẽ tiếp một bức có hình. Cả hai chiếc xen nhau lẫn lộn. Sau này tôi còn vẽ theo đường lối có hình nữa hay không thì tôi chưa biết được.

Hỏi : Anh quan niệm thế nào về có hình và trừu tượng.

Tr. L : Trừu tượng, chỉ là một danh từ để mà nói về một lối vẽ không có hình ảnh giống với những sự vật thường trông thấy hằng ngày. Giai đoạn lập thể đã là giai đoạn biến dạng các hình ảnh hình thể, còn trừu tượng là giai đoạn xóa bỏ ngay cả sự biến dạng. Những người noi theo đường lối trừu tượng không phải cùng có một chủ trương duy nhất. Các nhà phê bình nghệ thuật ở Âu Châu một số đông cũng chỉ căn cứ vào « danh từ trừu tượng » mà phê bình lối họa này. Theo tôi phải căn cứ ở chính tác phẩm mà phê bình. Và nếu căn cứ vào tác phẩm thì tôi nhận thấy : có hình hay trừu tượng chỉ là một cách thức một hình thức sáng tạo. Cả hai hình thức đó có một giá trị ngang nhau, có một mục đích giống nhau có khác nhau thì chỉ do ở sự được hoan nghênh tùy theo quan niệm thẩm mỹ của từng thời đại (chứ không phải ở quan niệm nghệ thuật).

H. : Anh có cho rằng : thời cuộc có ảnh hưởng đến sự sáng tác không ?

T.L. : Tất nhiên là có. Không những chỉ có ảnh hưởng của thời cuộc mà có

nhiều thứ ảnh hưởng khác nữa, Ví dụ như hoàn cảnh, đời sống, giáo dục, văn hóa v.v.. của từng cá nhân. Người ta sẽ tìm nhận được những dấu vết đó trong tác phẩm. Nhưng điều chính yếu trong một họa phẩm vẫn là cái ý muốn nghệ thuật của họa sĩ. Đó cũng là mục đích cuối cùng tinh khiết, thuần túy của người sáng tác mà người thưởng ngoạn cần hơn.

Nếu không một tác phẩm hội họa sẽ chỉ có giá trị của một thiên phóng sự, một tài liệu lịch sử, chính trị hay một thiên nhật ký, một bản tiểu sử v.v..

H. : Trong thời gian khá lâu anh không triển lãm anh đã khám phá được những gì trong kỹ thuật sơn dầu. Và kỹ thuật đối với sự sáng tác quan trọng như thế nào ?

T.L. : Câu hỏi trên có phần thuộc về chuyên môn và rất khó nói. Thực ra thì tôi chẳng khám phá được điều gì mới lạ hơn các bậc thầy. Nhưng tôi đã tìm học được cách thức kỹ thuật tạo nên những màn sắc bền đẹp. Kỹ thuật sơn dầu đòi hỏi sự thực hành nhiều và sự kiên nhẫn.

Còn sự quan trọng của vấn đề kỹ thuật tất nhiên là quan trọng lắm. (Tuy nhiên không phải là điều chính yếu). Bởi vì Hội Họa không phải là một tư tưởng suông. Mà chính là một tư tưởng biến thành một hành động. Kỹ thuật non kém là một cái gương soi méo.

H. : Ý kiến anh đối với nghệ thuật hội họa hiện nay; Và những tổ chức triển lãm.

T.L. : Tôi nhận thấy có sự tiến triển rõ rệt. Một số những họa sĩ trẻ tuổi và tiến bộ tuy gặp nhiều trở ngại song vẫn hết sức làm việc. Hơn nữa họ luôn luôn tìm hiểu những trào lưu mới của nghệ thuật và cố gắng thoát ra khỏi sự kiểm chế của những giáo điều những luật tắc đã trở nên quá chật hẹp.

Còn về các tổ chức triển lãm thì tôi nhận thấy hiện nay mỗi năm cũng được tổ chức vài ba lần để góp mặt một số đông họa sĩ. Ví dụ như tổ chức của Thông Tin, Nha Mỹ Thuật học vụ, ESSO v.v.. đó là những công việc rất đáng cổ vũ và khuyến khích; nhưng nếu muốn làm cho hay cho tốt hơn nữa thì cần phải cải thiện rất nhiều.

Qua kinh nghiệm phần lớn những cuộc triển lãm đó đã thất bại.

H. : Anh có thể nói rõ hơn về sự thất bại đó được không ?

T.L. : Có nhiều lý do. Nhưng lý do thứ nhất là những người đứng ra chức nếu có thiện chí thì hầu hết không có một kinh nghiệm một am tường gì

vấn đề nghệ thuật hội họa. Nếu có ai hỏi đến chủ trương của tổ chức thì ban tổ chức sẽ ngạc nhiên hỏi lại : « thì chủ trương bà tranh, cho giải, khuyến khích họa sĩ chứ còn gì nữa ? ».

Theo tôi nghĩ thì mỗi một cuộc triển lãm phải có một chủ trương cụ thể và rõ ràng hơn. Mỗi một tổ chức triển lãm có một bộ mặt độc đáo khác nhau, và cũng có những mục tiêu khác nhau như thế mới có thể làm tốt hơn và giúp ích cho nền nghệ thuật. Từ trước tới nay tôi thấy có « Tổ Chức Triển Lãm Mùa Xuân » là đã đạt được nhiều kết quả. Bởi tổ chức đó có một chủ trương rõ ràng : mở cuộc triển lãm để khám phá những người mới chưa ai biết đến, để khuyến khích những tài năng hứa hẹn trong tương lai và những người họa sĩ còn có thể đi tới.

Để chứng minh cho những kết quả đã đạt được của cuộc T.L.M.X. Người ta chỉ cần kiểm điểm lại những người đã đoạt được giải thì rõ. Hiện nay số đông họ là những người họa sĩ vào bậc khá và còn giữ được tư cách liêm chính trong nghệ thuật. Đó là một ví dụ duy nhất. Còn mỗi tổ chức có thể có những chủ trương rất khác nhau để giúp ích cho nền hội họa. Tuy nhiên trong công việc tổ chức còn rất nhiều chi tiết khác còn nhiều lý do khác đã làm cho tổ chức thất bại mà tôi không đủ thì giờ để trả lời trong cuộc phỏng vấn.

H : Chính quyền hiện tại đã giúp ích và nâng đỡ những gì cho nền nghệ thuật hội họa.

T.L. : Không những chính quyền hiện tại mà ngay tất cả các chính quyền từ trước kể từ ông Diệm đến nay đã quá bận tâm về các vấn đề khác, hội họa được coi như một món xa xỉ, không cần thiết. Tôi nghĩ khi bữa tiệc đã dọn xong thì hoa trong vườn nhà đã chết héo và người ta sẽ đi mua hoa ở ngoài chợ.

TUẦN NÀO CŨNG VỀ ,THÊM NHIỀU SÁCH HAY,
GIÁ ĐẶC-BIỆT (GIÁ 1. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẢNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học,
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

Nhà cầm quyền và dư luận

NGUYỄN HIỂN LÊ

Chính phủ nào cũng cần có một sự chỉ trích không ngừng dù sự chỉ trích đó có đôi khi bất công, có vậy thì mới khỏi mắc cái tật làm biếng và tham nhũng (David Cushman Doyle)

người ta nghiệm thấy rằng hễ nội các khinh thị các nhà báo thì chỉ ít lâu sau nội các đó phải nhường chỗ cho một nội các khác.

Không phải là tại các nhà báo đủ sức mạnh để lật đổ các nội các đó đâu. Ở nước ta nhà báo còn lâu mới gây được một sức mạnh như vậy; và từ trước tới nay mỗi khi bị khinh thị thì nhà báo chỉ biết phản ứng lại bằng một cách tiêu cực: hoặc làm thỉnh, hoặc mĩa mai, nói bóng nói gió... chứ chưa dám nghĩ tới việc lật đổ chính quyền. Lật đổ chính quyền chính là nhân dân, chứ không phải nhà báo.

Đã hành động thì ai cũng có lúc lầm lẫn, sơ sót, không sao tránh khỏi được; nhưng khi một người còn tin rằng đường lối của mình hợp với chính nghĩa, những sự lầm lẫn, sơ sót kia chỉ là tiểu tiết thì sẽ không phật ý vì lời chỉ trích hoặc mĩa mai của người khác mà vui vẻ nhận lời hoặc bày tỏ những nỗi khó khăn với mình: như vậy thì dù những kẻ có ác ý tới mấy cũng phải

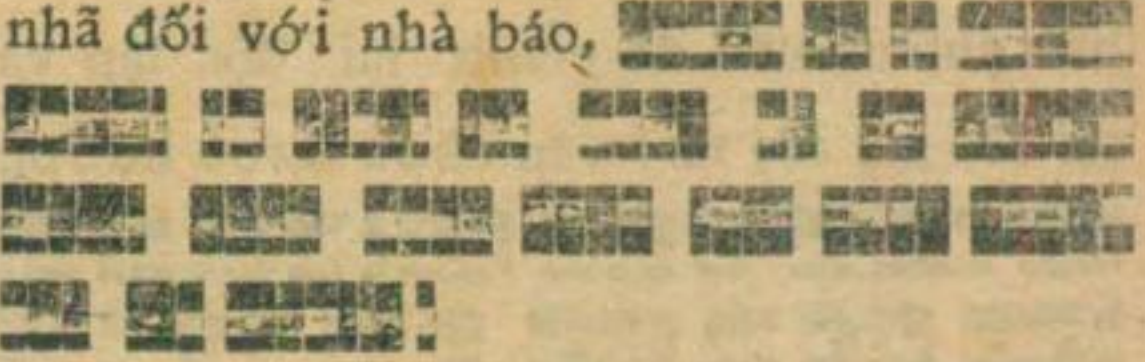
phục mà uy tín của mình sẽ tăng lên. Nehru cũng đã nhiều khi lầm lẫn, thất bại, nhưng chẳng những ông chấp nhận được những lời chỉ trích của người khác mà còn tự chỉ trích mình nữa, cho nên ông cầm quyền non hai chục năm mà khi mất, dân Ấn vẫn thấy thời gian đó ngắn quá, tiếc rằng ông không sống thêm mười năm nữa để dắt dẫn họ.

Còn như đã không tự tin, tự chủ được mà nổi quạu lên, khinh miệt, dọa dẫm kẻ chỉ trích mình thì tức là tự tỏ rằng mình đuối lý đã không chịu sửa lỗi cũ mà lại mắc thêm lỗi độc tài; như vậy dân chúng tất càng ngày càng xa mình, khinh mình thêm, rồi cuộc tránh sao khỏi bị lật đổ.

Sức mạnh lật đổ chính quyền là dân chúng chứ không phải nhà báo. Họ đã sẵn bất mãn với chính quyền rồi, tới khi thấy thái độ bất nhã của người cầm quyền đối với nhà báo thì sự bất mãn biến thành sự bất bình. Sự kiện đó hình như ít nhà cầm quyền nhận được, nhưng nếu họ chịu khó lưu ý tới dư luận thì họ sẽ thấy rằng thái độ bất nhã của họ đối với nhà báo luôn luôn gây một sự phản uất trong quần chúng.

Giới ngôn luận ở nước ta cũng như giới ngôn luận ở các nước Âu, Mỹ, không phải là không có những người thiếu tư cách — mà xét cho cùng, các giới khác như y sĩ, giáo sư chính khách chẳng vậy ư ? đâu mà chẳng có người thế này người thế khác ? — nhưng dù nhiều khi họ không phản ánh đúng dư luận, không dám dùng ngọn bút chiến đấu cho quyền lợi của dân chúng, thì họ vẫn là tiếng nói của dân chúng và với tư cách đó họ phải được nhà cầm quyền tôn trọng. Tôn trọng họ là tôn trọng cái nhiệm vụ của họ cũng như ta tôn trọng nhiệm vụ của ông thẩm phán, của thầy cảnh sát ; còn cá nhân của họ thì lại là chuyện khác. Nhà cầm quyền mà tỏ vẻ bất nhã với họ, dọa dẫm họ khi họ làm nhiệm vụ thì dù họ lầm lẫn chẳng nữa, dân chúng cũng bất bình, thấy như chính mình bị nhà cầm quyền miệt thị. Do đó sức phản động của dân tăng lên cho tới khi nhà cầm quyền phải rút lui mới thôi. Mà khi đã bất bình thì đại chúng cũng như cá nhân không còn hành động theo lý trí nữa, chỉ hành động theo tình cảm, nhà cầm quyền dù có lý, đại chúng cũng không xét tới, huống hồ là nhà cầm quyền lại thường mắc những lầm lẫn mỗi ngày một nặng thêm vì thiếu tự tin, tự chủ.

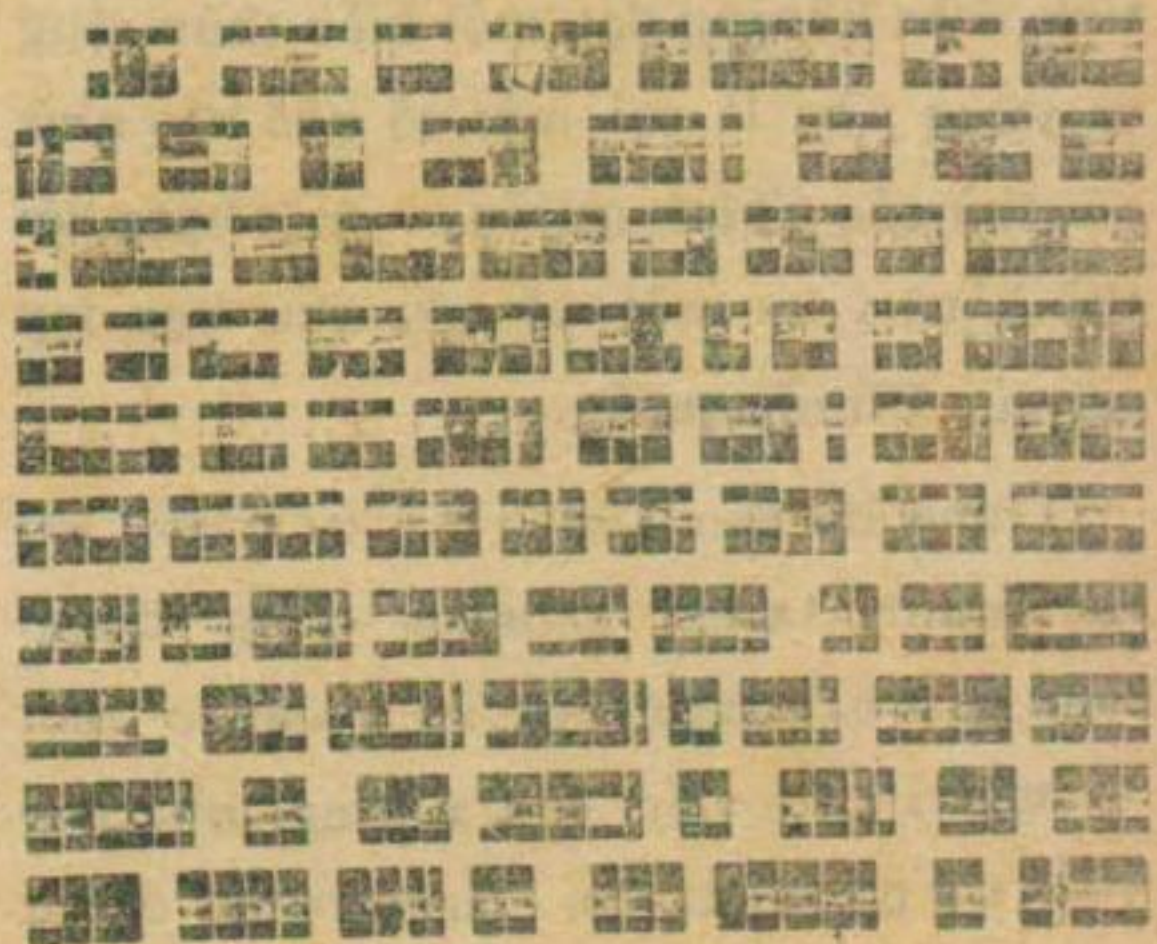
Vậy miệt thị nhà báo là miệt thị dư luận, là miệt thị dân chúng. Trong chính trường, không có lỗi nào nặng bằng lỗi đó. Dân chúng có thể tha thứ nhiều lỗi cho nhà cầm quyền được, nhưng chưa bao giờ tha thứ lỗi đó. Dân chúng có thể chấp nhận một vị thủ lãnh bất tài,

nếu vị đó biết phục thiện — Lưu Bang Lưu Bị có tài cán gì đâu — nhưng dân chúng không thể chấp nhận một vị thủ tướng miệt thị tiếng nói của dân. Ngay như De Gaulle có công với dân tộc Pháp như vậy, tự cao tự đại như vậy, mà cũng không bao có thái độ quá bất nhã đối với nhà báo, 

oOo

Một thái độ nữa cũng gây bất bình trong dân chúng là thái độ “khớp mỏ” dư luận.

Tôi nhận thấy có nhiều người khi chưa vô chính quyền tư tưởng rất tự do và dân chủ, mà khi vô chính quyền rồi thì chỉ trong một tuần lễ hay nửa tháng là bắt đầu bóp nghẹt dư luận. Hình như có một làn ranh giữa chính quyền và nhân dân : còn ở bên đây thì người ta theo nhân dân ; nhảy qua bên kia rồi thì người ta theo chính quyền và người ta quan niệm rằng chính quyền và nhân dân là hai sức chống đối nhau.



.....

Ai cũng biết rằng không có tự do ngôn luận thì không có dân chủ và nội các nào cũng tuyên bố rằng, chính phủ là « của dân, do dân, vì dân » ; nhưng hai chục năm nay, dân đã phải đổ biết bao nhiêu máu để giành lại độc lập và tự do, mà tới nay vẫn chưa được hưởng !

Nhà cầm quyền có thể có ba thái độ với người cầm bút: một là coi người cầm bút đã đủ tư cách để tự lãnh lấy trách nhiệm, như vậy, để họ tự do lựa tin tức, phát biểu ý kiến, rồi nếu họ có hành động nào vô trách nhiệm thì để tòa án xét xử ; hai là coi họ chưa đủ tư cách để tự lãnh trách nhiệm, như vậy phải vừa kiểm duyệt vừa hướng dẫn họ, nhưng muốn hướng dẫn họ để giúp họ lần lần tự lãnh lấy trách nhiệm thì bất kỳ một nhân viên kiểm duyệt nào cũng phải có một tư cách đàng hoàng, một tinh thần khoáng đạt, một kiến thức rộng và vững ; ba là coi một số nhà báo như đối thủ của Chính quyền — một hạng đối thủ bất trị — một số nữa như bọn tay sai của Chính quyền.

Trong ba chính sách đó, từ trước tới nay người ta chỉ chuyên dùng chính sách thứ ba : người ta mua chuộc một số người cầm viết, còn những nhà báo khác thì người ta coi chừng, cấm đoán,

kiểm soát thật gắt. Nhà báo đã không thể chỉ trích thẳng thắn được, tất phải nói bóng nói gió, mĩa mai giễu cợt, mỗi lần « qua mặt » được nhà kiểm duyệt thì tự cho là ghi được một « chiến công oanh liệt » ; nhà cầm quyền thấy vậy càng ghét nhà báo, càng kiểm duyệt gắt hơn ; nhà báo bị kiểm duyệt gắt hơn, lại càng nghĩ ra những « đòn » thâm hiểm hơn ; và cái vòng lẩn quẩn cứ như vậy mà xoay trong mấy chục năm nay, cho tới một lúc dân chúng không chịu được nữa, phải lên tiếng xuống đường...

..... bài học của người trước không hề giúp được chút gì cho người sau và cả chính quyền lẫn nhà báo lại trở lại cái vết cũ.

Không lẽ cứ như vậy hoài. Lần này quốc dân cần tổ một thái độ dứt khoát. Chúng ta đã tự đứng vào mặt trận của khối dân chủ thì không thể nào chấp nhận thái độ thứ ba trên kia nữa. Nếu cần một thời gian chuyển tiếp, các giáo phái, đảng phái và mọi giới trong quốc dân phải đặt điều kiện minh bạch rằng chính phủ đó không được « khớp mỏ dư luận » ; và nếu có kiểm duyệt thì chỉ được kiểm duyệt theo những nguyên tắc có tỉ dụ cụ thể nào đó thôi, nhất định không chấp nhận những tiêu chuẩn tổng quát và mơ hồ như : « có lợi cho địch, gây hoang mang, gây chia rẽ »..., vì chấp nhận những tiêu chuẩn đó thì không khác gì đưa cò vào cái tròng của người ta. — Rồi tới khi có Quốc hội lập

hiến thì phải đòi cho được những bảo đảm cụ thể và chắc chắn cho sự tự do ngôn luận, không để một kẻ hờ nào cho những kẻ cầm quyền có manh tâm sau này có thể lợi dụng để bóp nghẹt dư luận một lần nữa.

Dù có được những bảo đảm đó thì sự chiến đấu của người cầm viết cũng chưa thể gọi là xong được, vẫn phải đề phòng từng ngày, luôn trong vài chục năm, cho thành một cái nếp mới, một cái truyền-thống mới. Một cách đề phòng là mỗi khi có một đoạn, một chữ nào bị kiểm duyệt thì phải giữ lại và nếu hội Nhà Báo thấy khắt khe quá hoặc vô lý thì phải phản kháng lên Tổng trưởng bộ Thông Tin hoặc Thủ Tướng, Quốc-Trưởng; đề cho nhân viên cấp dưới trong chính quyền không thể tự chuyên.

Nhưng muốn cho sự chiến đấu đó có kết quả thì nhà báo cần phải làm chủ được những phương tiện sản xuất, chẳng hạn có quyền nhập cảng theo thể thức trực dụng một số giấy báo nếu không dư thì ít nhất cũng phải tạm đủ dùng. Không thể có sự tự do hoàn toàn được nếu còn phải « xin xỏ » một cái gì của chính quyền, như xin « bông » giấy.

Có đủ những bảo đảm và phương tiện vừa kể thì tôi chắc rằng tình hình báo chí của mình sẽ tiến rất mau. Vì người cầm viết nhận thấy giá trị, trách nhiệm, quyền hạn của mình, tất sẽ có một thái độ đứng đắn, thận trọng thẳng thắn hơn, sẽ không dùng những « đòn », những thuật để mĩa mai bóng gió nhà cầm

quyền nữa, và như vậy có lợi cho nhà cầm quyền, cho nhà báo và cả cho quốc dân.

oOo

Đối với quốc dân, nhà cầm quyền còn một thái độ thứ ba trái hẳn với hai thái độ trên (miệt thị dư luận, khớp mỏ dư luận), tức thái độ mỉa dân. Thái độ này khắt hơn hết và cũng tai hại hơn hết.

TRIỂN LÃM HỒ THÀNH ĐỨC

« Trường Đại Học Luật Khoa Saigon sẽ tổ chức một cuộc Triển Lãm gồm 30 tác phẩm của Họa sĩ Hồ Thành Đức tại phòng Thông Tin Đô Thành : mở cửa từ 4-6 đến 12-6-1966 ».

TUẦN BÁO « PHỤ NỮ MỚI » RA MẮT

Hay tin TUẦN BÁO PHỤ NỮ MỚI sẽ ra vào ngày 24-5-66, với một Ban Biên tập hùng hậu, vậy xin chúc mừng đồng nghiệp Phụ Nữ Mới tiến mạnh, cùng hân hoan giới thiệu P.N.M. với bạn đọc.

BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

NHÀ IN

PHẠM-NGŨ-LÃO

293, Phạm-ngũ-Lão — Saigon

ĐT 91.902

Nhận in sách báo và ấn chỉ văn phòng — Giá rẻ hơn các nơi

KỸ LƯƠNG — MỸ THUẬT

Thái độ mị dân đó khả ố hơn hai
thái độ kia ở chỗ đại đa số quần chúng
không nhận ngay được những tai hại về
sau của nó, hoặc nếu nhận thấy thì vì
cái lợi trước mắt, mà vui vẻ không lưu
tâm tới những tai hại về sau; thành thử
chính sách mị dân, ở những nước chậm
tiến như nước mình, luôn luôn được

dân chúng thích, tới khi sáng suốt xét
lại thì đã quá trễ, không còn cách cứu
vãn được tình thế.

Chỉ trong ít tháng nữa, thế nào chúng
ta cũng bầu cử Quốc hội lập hiến, lãnh cái
trách nhiệm quyết định phần nào tương
lai của xứ sở, của dân dân tộc. Ôn lại
những biến cố đau xót trong hai chục
năm nay, nhất là trong ba năm gần đây,
chúng ta phải rút được chút kinh nghiệm
nào chứ,

Thái độ mị dân đó khả ố hơn hai
thái độ kia ở chỗ đại đa số quần chúng
không nhận ngay được những tai hại về
sau của nó, hoặc nếu nhận thấy thì vì
cái lợi trước mắt, mà vui vẻ không lưu
tâm tới những tai hại về sau; thành thử
chính sách mị dân, ở những nước chậm
tiến như nước mình, luôn luôn được

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

QUÝ-VỊ BẤY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BẦY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐÈN BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTREME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sieu - Téléphone 20.821 - SAIGON

ĐÔNG-TRIỀU

Đọc sách

AI CẬP TRÊN ĐƯỜNG CÁCH MẠNG

Tác giả : **CLAUDE ESTIER**

Nhà xuất bản : **JULLIARD**

Từ 1952, thế giới Á-rập đã có nhiều biến chuyển mạnh mẽ trên hầu hết các địa hạt kinh-tế và chính-trị. Suốt một chuỗi gồm 13 quốc-gia, từ Bagdad tới Casablanca, đã lần lượt thay đổi hẳn lối sống — Đa số trong các quốc gia Á-rập này đã phải trải qua chẳng nhiều thì ít những cuộc cách-mạng, và cơ cấu chính-trị của nhiều quốc-gia đã thay đổi hẳn. Từ hình thức hoặc quân chủ, hoặc thuộc địa, hoặc phong kiến, cách mạng đã đưa nhiều chính-phủ đến hình thức độc-tài. Có khuynh hướng xã-hội, hình thức thường thấy trong các xã-hội con đường trong thời kỳ chuyển hóa.

Một trong những quốc-gia Á-rập đó, đã có nhiều thay đổi nhất là Ai-cập. Cuộc cách-mạng đầu tiên vào năm 1952, chỉ có mục đích lật đổ đế-chế của Farouk phải đợi đến cuộc cách-mạng 1954, đưa Nasser lên cầm quyền, người ta mới thấy rõ sự trưởng thành mau chóng của xã-hội Ai-cập. Sau nhiều lần sang nghiên-cứu về xã-hội Ai-cập từ 1954 đến 1964, ông Claude Estier (một nhà báo tên tuổi của Pháp) đã tóm tắt những điều mắt thấy tai nghe trong một quyển sách nhỏ, tựa là : " *L'Egypte en Révolution* ". Nhận thấy tác giả đã đưa ra nhiều chi tiết ích lợi cho việc tìm hiểu xã-hội Ai-cập, chúng tôi xin mạn phép tóm tắt lại những ý chính của quyển sách, hy vọng sẽ mang đến độc giả một chút ít tài-liệu về vấn đề này.

I

Trong phần đầu, tác giả trình bày cảnh sinh hoạt của thành phố Le Caire. Sau bao nhiêu cuộc biểu tình giữa những lực lượng sinh-viên, thanh niên và quân đội Hoàng-gia Anh, Ai-cập đã được

trao trả lại độc-lập, song người Ai đã làm được những gì cho xã-hội họ ? Ngoài một số biệt thự lâu đài đồ sộ ở trung tâm thành Caire, những khu bình dân vẫn chưa có gì thay đổi quan trọng. Có một người Ai đã nói với tác giả :
— Những khu phố đó không thể tu bổ

vá-víu lại được nữa, mà phải san phẳng đi, rồi xây mới lại hết — Nhưng tốn ít ra là 10 năm, và trong thời gian đó, hàng trăm ngàn dân nghèo sẽ sống ở đâu ?

Những khu phố đó vẫn giữ nguyên tính chất Ả-rập, với những tiệm tạp-hóa, những tiệm sửa xe cũ ngồn-ngang những người bán dạo, những trẻ đánh giầy. Đường phố đầy xe do lừa hoặc cừu kéo. Tóm lại, trong một cuộc xe lâu chừng 10 phút, tác giả đã có thể thăm được từ thế giới Ả-rập đời Trung Cổ đến thế giới văn minh hiện tại.

Và điều chênh lệch sâu xa hơn cả là mức sống của thiểu số ngoại quốc và tư bản sung túc gấp bội phần đa số dân-ghèo.

Trong một tuần lễ có 3 ngày dân-chúng không được ăn thịt, vì lý do tiết kiệm — không những thế, số lượng thực phẩm khác cũng bị hạn chế, dầu ngân quỹ quốc gia hàng năm đều thêm một số tiền tài trợ cho việc sản xuất thực-phẩm. Những hợp tác-xã (có 200 ở Caire) càng ngày càng tăng mà giá thực phẩm cũng cứ tăng đều — Báo chí đã phơi bày rõ rệt tình trạng đó — Sau đây là một bài báo hồi tháng 4-1965 ở Ai-Cập :

« Nếu anh hỏi mua một ít giấy vệ-sinh trong 1 tiệm, chủ tiệm sẽ trả lời là không có — Nếu anh hỏi mua xà bông bột, cũng không có nốt — nếu anh hỏi mua loại phó-mát Balkan do bộ thực-phẩm nhập cảng, cũng vẫn 1 câu trả lời.

Và vẫn câu trả lời đó, khi anh mua pin cho cái radio của anh hoặc những sản phẩm lặt vặt cần thiết khác.

« Tại sao hàng hóa khan hiếm ? Chúng tôi hỏi như vậy, và được trả lời là lỗi tại tồn kho, tại mánh lối của 1 số con buôn trong lãnh vực tư, và đôi khi tại vì sản phẩm phải nhập cảng và chưa tới kịp...

Và cuối cùng bài báo đề nghị với nhà đương cuộc là tăng số kiểm soát viên, trừng phạt những người đầu cơ, tích-trữ, và dàn xếp cho số hàng nhập cảng được tới đúng lúc để cung ứng cho nhu cầu quần chúng. Tóm lại, về phương-diện thực-phẩm, chính phủ vẫn chưa đưa ra được đầy đủ những biện pháp thích nghi để đối phó với tình trạng thiếu thốn.

Sang phần thứ hai, tác giả kể lại những công trình kinh-tế quan-trọng của chính Nasser.

II

Thung lũng phía Tây :

Từ những năm 30, các kỹ-sư người Anh đã đề ý đến khu thung lũng rải rác những ốc đảo này — khoảng cách giữa các ốc đảo trung-bình độ 200 đến 220km tương ứng với một cuộc hành trình dài 5 ngày bằng lạc đà. Những cuộc thăm dò cho biết lớp nước ngầm trong sa mạc không phải chỉ nằm dưới các ốc đảo, mà còn trải rộng trên một diện tích 90.000 km², ý tưởng về một thung lũng mới đã thành hình, song phải chờ đến Cách-mạng mới được đem ra thực hiện.

Nasser tuyên bố sẽ khai thác thung-

lũng từ năm 1958, và chương trình được khởi đầu vào năm sau — Hồi đó mới có 6 kỹ-sư, cho đến bây giờ con số đã thành 150, họ đã lập 650km đường nhựa, nhà cửa, 1 rạp hát và 1 rạp ciné.

Trên 1 con đường nhựa dài 80 cây số tác giả gặp chừng hơn 10 làng mới lập. Mỗi làng gồm độ 40 căn nhà hình vuông sơn trắng, một tầng và xung quanh có khoảng trống rộng. Mỗi làng thường có một thánh đường hồi giáo, 1 trường học và 1 hợp tác xã. Dân làng thường được đi từ các tỉnh đông đúc ở đồng bằng đến và mỗi làng thường có 1 kỹ-sư, sống gần giếng làng — Giếng này đào rất tốn kém, chừng 22 triệu quan cũ, và cung cấp nước ăn cho dân chúng, cùng nước bón ruộng đất xung quanh làng, chừng hơn 100 ha — Ruộng đất chia đều, mỗi gia-đình nhận được chừng 3 ha. Cho tới bây giờ, các làng này vẫn chưa có điện và nước máy.

Tới mùa Xuân 1965, đã có chừng 40.000 người di cư đến thung lũng mới. Trong tương lai, thung lũng còn nhận thêm được rất nhiều di dân nữa, — vì trong vòng mười năm, diện-tích sa-mạc được khai phá sẽ là độ 3 triệu feddan (bằng 1/2 triệu ha). So với bình nguyên sông Nil năm 1963, chỉ có chừng 6 triệu feddan, tức là vào khoảng 25.000km² (1)

Đập Assonaw

Khởi công ngày 9 tháng 1-1960

Khánh thành đợt đầu ngày 15-5-1964.

Từ hồi mới lên nắm quyền, Nasser

đã tuyên bố: «Tôi tin rằng dân tộc này đã từng xây dựng bao nhiêu Kim tự tháp để duy trì thân xác người quá cố, trong bao nhiêu thế kỷ; họ cũng sẽ có khả năng xây dựng những kiến trúc tương tự để bảo đảm cho tương lai con cháu họ.

Dự tính của Nasser được chính phủ Mỹ dự trù giúp đỡ, vào khoảng 70 triệu Mỹ Kim. Nhưng đến 19-7-56, chính phủ Mỹ nhận thấy chính trị của Nasser không thích hợp với họ, đã vội vàng từ chối. Song, Nasser không nản, đã liên lạc với Mạc-tư-Khoa, và Nga Sô bằng lòng cho Ai Cập mượn 400 triệu roubles để theo đuổi mục đích. Cho tới 1964, đã có hơn 2000 người Nga đã đến làm ở Ai Cập, và trong số 800 kỹ sư Nga, hầu hết đều biết nói tiếng Ả-Rập

Công việc xây cất đập khởi đầu từ 1960, và gồm những công trình sau đây:

a) Một tiền đập, cao 50m (đó là phần khánh thành năm 1964), dùng để ngăn nước sông Nil, cho sông chảy vào 1 kênh đào dài 1950m.

b) Một hậu đập, cao 35m, dùng để ngăn nước chảy ngược vào tiền đập.

c) Và đập chính, cao 111m, như một ngọn núi được lật ngược xuống dòng sông và không một cuộc oanh tạc nào có thể phá hủy được.

(1) Để tiện so sánh bình nguyên Cửu Long rộng 45.000 km² và bình nguyên Hồng Hà 15.000 km².

Con kinh đào dẫn nước cũng được đào sâu trong đá, phần chính giữa, kinh chảy qua 6 đường hầm có bọc bê tông và trong hầm có những «van» khổng lồ dùng để điều hòa lưu lượng nước (chừng 150 triệu mét khối mỗi ngày). Lưu lượng này lớn nhất thế giới và dùng để cung cấp điện lực. Vào năm 1964, người ta cũng đã xây xong một nhà máy điện trung ương, 12 turbines sẽ được đặt vào đó năm 1968. Và cung cấp một năng lượng điện là 10 tỷ kwh.

Không những đập cung cấp điện, mà còn mang lại cho dân Ai nhiều nguồn lợi khác : Nước đập được dẫn vào tưới 200.000 ha ruộng ngô và 10.000 ha ruộng lúa. Ngoài ra, một hồ nhân tạo được thành hình, tên là hồ Nasser, dài 500 km từ đập tới tận biên giới Soudan ở phía Nam ; bề ngang hồ chừng 10 km, phủ kín 1 thế giới cỏ kính lâu đời ; xứ Nubie.

oOo

Trong phần thứ 4, tác giả lấy tựa là «Sắt và Thép» (Le fer et l'acier). Bài chia làm 2 phần : phần đầu sự phát triển của kỹ nghệ, và phần cuối, trình bày sơ lược về 2 kế hoạch ngũ niên của Ai cập.

Về những tiến triển của kỹ nghệ, phải kể đến số 850 nhà máy mới được xây cất từ 1952, tức là những ngày đầu của Cách Mạng.

Thành phố kỹ nghệ quan trọng là

Helouan, cách phía Nam le Caire 30km nằm trên bờ sông Nil, nhưng cũng như trên cửa ngõ Sa mạc. Từ mấy năm nay, thành phố này được coi là thành phố kỹ nghệ lớn nhất Trung Đông và là trái tim của Tân Ai Cập.

Tháng 3-1965, Nasser tuyên bố :

— Hiện nay nhân công gồm 50% là thợ thuyền và 50% là nông dân. Mức sống của thợ thuyền cao hơn nông dân, là tại sao ? vì mật độ nông dân ở đồng ruộng quá lớn, vậy chúng ta phải giảm mật độ này xuống. Ta phải xây nhà máy và đưa nông dân qua kỹ nghệ : chúng ta sẽ có 2 điều lợi : người nào làm việc trong kỹ nghệ sẽ được hưởng lương của người thợ (1), và số người sống về nông nghiệp sẽ giảm đi.

Còn về kế hoạch ngũ niên (1961-1965) đầu tiên mà trọng tâm là Nông Nghiệp, kết quả không lấy gì làm khả quan lắm.

Kinh Suez

Trong công trình Cách Mạng của Ai Cập, sự quốc hữu hóa kinh đào Suez giữ vai trò quan trọng nhất — vì không những quyền lợi kinh tế quốc gia được khôi phục, mà nhờ đó, chính phủ Ai Cập càng ngày càng giữ một vai trò quan trọng trên trường chính trị thế giới.

Tháng 6, 1956, quân đội Hoàng gia

(1) Đầu năm 1965, lương căn bản của người thợ là 25 đồng Ai, trong khi lợi tức của nông phu là 11 đồng; một ngày.

Anh đã rút lui khỏi Kinh Suez trao trả việc bảo vệ Kinh cho người Ai Cập.

Tháng 7, 1956, Nasser tuyên bố tại Alexandrie lệnh quốc hữu hóa kênh Suez — Thế giới Tây phương sững sốt — Họ nghĩ rằng Nasser là một loại Hitler — Chuyên viên Anh quốc bỏ Kinh về nước. Các thủy thủ Nga được mời sang thay thế tức khắc, trong khi chờ đợi những thủy thủ Ai Cập đang được huấn luyện.

Kinh Suez do Ferdinand Lesseps vẽ họa đồ, dài 175km nối Địa Trung Hải và Hồng Hải — Máy cừồng quốc Âu Châu đã hưởng lợi rất nhiều trong 85 năm — Không những về phương diện Kinh tế, mà còn về phương diện quân sự. Trong kỳ đại chiến thứ 2, Kinh Suez là một lợi điểm quan trọng cho lực lượng Đồng Minh để kiểm soát vùng Cận Đông, và trục giao thông Đông Tây.

Năm 1955, có 14.666 chiếc tàu, trọng tải 155 triệu tấn đã qua Kinh, Công ty Compagnie Universelle đã thu lợi 32 triệu bảng. Trong khi quốc gia Ả rập chỉ có 100/o số lợi đó.

Năm 1964, số tàu qua Kênh lên gấp 20.000 chuyến, trọng tải 228 triệu tấn, quốc gia Ai Cập thu được 80 triệu bảng.

Tổng cộng từ ngày Nasser lên cầm quyền, Kinh Suez đã mang lại cho Ai Cập hơn 400 triệu bảng số tiền tương đương với số chi phí vào đất Assouan Nhưng số thu đó cũng chưa đủ để cân

bằng cán cân chi phí. Số nhập cảng trong năm 1965 vào khoảng 310 triệu bảng. Trong khi số thu hoạch chỉ có 214 triệu bảng — Chưa kể nguồn lợi vô hình về du lịch, vào khoảng 100 triệu đô la 1 năm.

III

Chính sách đối nội của Chính phủ Cách mạng

Chương này gồm 3 phần trong sách, lần lượt bàn về sự liên hệ giữa các Chính Đảng, con đường Chủ Nghĩa Xã Hội theo quan niệm người Ả rập và vấn đề giáo dục quần chúng.

Cuộc cách mạng của Ai Cập đã bắt đầu từ thời đại chiến thứ nhất. Do Saad Zaghloul lãnh đạo — Nhưng đảng Wafd của Saad không phải là 1 đảng thuộc 1 giai cấp nào, mà chỉ là 1 mặt trận dân tộc, tranh đấu trong những kỳ bầu cử — Vì thế thành phần của đảng Wafd gồm từ phong kiến tới Mác xít — Tháng giêng năm 1924, họ đã chiếm được 900/o số ghế trong quốc hội.

Vì không có lập trường rõ rệt, đảng này đã thay đổi đường lối chính trị. Và kết quả là trong hai trận thế chiến, giới trưởng giả đã lợi dụng sự phát triển của nông nghiệp bản xứ, thu rất nhiều lợi về bông gòn. Rồi đảng này có khuynh hướng phụng sự tư bản, và được chính phủ Anh nuôi dưỡng — Họ khuynh loát chính phủ, dân nghèo vẫn tiếp tục bị bóc lột.

Sau thế chiến thứ 2, giới sĩ quan

Tự Do vận động Cách mạng. Cuộc Cách Mạng 23-7-1952 đưa cựu Đồng lý văn phòng Hoàng Gia lên nắm quyền. Song đó chỉ là thời gian chuyển tiếp. Đến tháng 9, 1952 Moham-med Naguib, lên thay. Nhưng ông vẫn dùng đảng trong vấn đề cải cách công nghiệp.

Khi Nasser lên cầm quyền, bèn cho cải cách điền địa và quốc hữu hóa kênh Suez — Song, giới tư bản và đảng Tự Do trong nước không chịu hợp tác — Ngân quỹ quốc gia thiếu hụt chỉ đài thọ được 1/3 số đầu tư vào đệ nhất Ngũ Niên Kế Hoạch — Nasser cảm thấy không thể nào hợp tác với bọn tư bản được, nếu chính phủ muốn thực sự giúp đỡ dân nghèo — bèn ra lệnh quốc hữu hóa nhiều xí nghiệp vào tháng 7-1961 — Khi cho ban hành luật chủ nghĩa xã hội (lois socialistes), ông tuyên bố : « Thanh toán hết những hậu quả của việc độc quyền trục lợi của một nhóm thiểu số trên đa số, và tăng khả năng của khu vực Công thuộc dân chúng, để dân chúng chịu trách nhiệm trong việc bình định. »

Như thế, cuộc Cách Mạng Ai Cập đã theo 1 hướng mới — Sau khi liên bang Ai cập, Syrie nứt rạn Nasser tuyên bố :

« Tôi đã nghĩ lắm khi nghĩ rằng có thể cộng tác với bọn trưởng giả. Tranh đấu giai cấp là 1 chuyện có thật. Bọn triệu phú sẽ không còn chỗ đứng trong xã hội theo chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Ngày 21-5-1962, trước quốc hội,

Nasser đã đệ trình bản hiến chương mới, gồm 10 chương, nghiên cứu kỹ về nguồn gốc của cuộc Cách mạng, điều kiện tiến hóa, kết quả thu lượm và những khó khăn đã gặp, và nhấn mạnh vào cuộc cần thiết một giải pháp theo chủ nghĩa và hội định nghĩa như sau :

« Chủ Nghĩa xã hội khoa học là hình thức thích hợp cho việc thi hành một kế hoạch thực sự để đảm bảo tiến bộ. Mọi kế-hoạch khác đều không bảo đảm được chủ nghĩa tiến bộ mong muốn..., giải pháp theo xã hội là lối thoát duy nhất để dẫn đến tiến bộ kinh tế xã-hội.

Tiếp đến phần sau, tác giả bàn về đặc tính của Chủ-Nghĩa xã-hội của Ai-cập. Về nguồn gốc chủ-nghĩa này, hãy nghe tờ le Scribe viết hồi 1962 :

« Thiết-lập một chủ-nghĩa trên trù tượng, hoặc vay mượn của những chế độ khác, chỉ đem đến những kết quả có hại. Vì lẽ đó, xã hội chủ-nghĩa của người Ả Rập đã bắt đầu từ dân chúng, từ những ưu khuyết điểm, từ những tập tục, từ những chứng cứ tôn giáo, từ địa thế nặng tính cách chiến-lược, từ lịch sử trường cửu và đôi khi đau xót, từ tất cả những lý do đó hợp lại. »

Và tờ báo đã chối từ việc định nghĩa chủ nghĩa đó; lý do là người ta có thể hiểu lầm nó khi muốn đúc kết thành một vài công thức đơn giản.

Một nghị sĩ thắc mắc không hiểu xã hội chủ nghĩa này có duy vật hay không? Nasser trả lời :

— Xã hội Chủ Nghĩa của xứ ta là chủ nghĩa đã giảng rõ trong Hiến-Chương. Nó không chỉ là Duy vật, mà cũng không chỉ là Duy linh, nó không là Mác-Xít. Tôi đã nói là Xã hội chủ nghĩa của chúng ta có nguồn gốc ngay trong xứ sở, có mục đích ngăn chặn sự bóc lột, giúp dân chúng có phương tiện sản xuất trong tay. Đem thay thế sự cấu kết của bọn phong kiến và phản động bằng những lực lượng cần cù. Và ông thêm :

— Như tôi đã nói hồi tháng mười một là nếu ta có một chính phủ xã hội lành mạnh, một chủ nghĩa xã hội đích thực ta phải xây dựng nó một cách có khoa-học. Tôi đã nói là muốn không rơi vào tình trạng vô chánh phủ, mọi chuyện đều phải xây dựng trên khoa học, không có lý gì để nói rằng chính phủ của chúng ta chỉ là duy linh, rằng ta phải ngừng lại đó, và không kỳ nghệ hóa hoặc bình định xứ sở. Chủ nghĩa của ta vừa duy vật vừa Duy linh. Thế nào là duy vật chứ ? Duy vật nghĩa là ta không thể ngăn dân đói nếu không xây nhà máy. Ta không thể ngăn một kẻ ăn trộm nếu không phát lương cho họ để họ có thể nuôi con họ. Đó là lý do tại sao chủ nghĩa xã hội của chúng ta vừa duy vật vừa duy-linh.

Và sau đây là ý kiến của 1 người thợ:

— Những điều cốt yếu của xã hội chủ nghĩa Ả Rập đầu tiên là dân chúng có các phương tiện sản xuất, và điều đó không còn bàn cãi gì nữa. Rồi, xã hội chủ nghĩa

Ả Rập, thuận theo tôn giáo, bảo vệ cá tánh và đem lại cho cá nhân một uy-tín bằng với uy-tín của xã hội. Và cuối cùng chủ quyền nhằm vào việc giải quyết các dị-biệt về giai cấp một cách bất bạo động và mang lại cho mọi người những may mắn đồng đều.

Còn một vấn-đề quan-trọng của chính phủ Cách Mạng nữa, là vấn đề đối phó với đảng Cộng-sản Ai Cập. Như trên ta đã rõ một phần quan điểm của Nasser về vấn đề này. Lúc ông mới lên nắm quyền, bên cạnh ông có rất nhiều người Cộng sản. Sau đó, ông đã bắt giam họ ra các ốc đảo, lý do an ninh quốc gia (vào năm 1959). Song chuyện chính phủ Nasser nhận tiền 400 triệu roubles của Nga để xây đập Assouan chứng tỏ ông còn mềm dẻo. Rồi đến tháng 3-1964, sau khi đảng Xã hội Đoàn kết (union socialiste) của ông đã vững chắc, ông bèn cho thả hết các tù binh có khuynh hướng cộng sản ra, với lý do là chính trị quốc gia cần có khuynh hướng xã hội và mác xít,

NGUYỄN - VĂN - CHÂU

ĐÓNG SÁCH VÀ SỔ VÀNG

SẢN XUẤT :

Giấy Bông, Giấy Da và Giấy Cầm
Thạch v. v... Làm Đèn Giấy
đủ kiểu về Phật giáo

50, Lê-văn-Duyệt

SAIGON

và cả những người không mác xít song muốn phục vụ cho xứ sở.

Hiện nay, sau lưng Nasser là đảng Xã hội đoàn kết gồm có 6 triệu đảng viên, và hơn 20.000 cán bộ chánh-trị.

oOo

Giáo dục đại chúng.

Chính phủ Cách Mạng đã cố gắng

hoàn thành công trình tổ chức giáo dục, bình dân trong xứ. Trước cách mạng, hơn nửa dân số Ai-Cập bị nạn mù chữ. Bây giờ, trong làng hẻo lánh đều có những giáo chức do chính phủ phái đến. Sau đây là ít số thống-kê và hiện trạng giáo dục ở Ai Cập :

	1952-1953	1964-1965
Số học sinh tiểu học	1,4 triệu	3,6 triệu
Số học sinh trung học	92.000	134.000
Số Sinh viên của 4 viện đại-học	51.000	98.000

Đó là chưa kể số học sinh trung học tư thục và số sinh viên chuyên nghiệp rong các trường kỹ thuật về chương trình phát thanh, người ta cũng nhận thấy nhiều tiến bộ, có lẽ chính phủ cũng hiểu rõ là các chương trình phát thanh có ảnh hưởng giáo dục không ít trong quần chúng.

Trong năm 1952, các đài phát thanh ở Ai Cập mạnh 70 kw đến bây giờ đã tăng lên 4000kw. Mỗi ngày phát thanh tổng cộng 120 giờ trên 7 luồng sóng khác nhau.

Còn chương trình truyền hình mới bắt đầu có từ 23-7-60, nhân dịp kỷ niệm Đệ Bát Chu Niên Cách Mạng. Gồm có 3 đài, phát thanh mỗi ngày hơn 20 giờ. Ở Alexandre và Assouan đều bắt được vì dọc theo thung lũng

sông Nil, không có nhiều chướng ngại vật thiên nhiên.

Báo chí không được khả quan. Nhật báo ở Caire có 4 tờ, mỗi số xuất bản chừng 20.000 bản. Còn sách vở vẫn bị kiểm duyệt. Các văn sĩ ít sống hòa mình với lao động, nên đề tài khai thác văn quanh quần trong giới quan lại cũ.

xXx

Vấn đề Israël và Ai Cập.

Từ ngày Cách Mạng thay đổi đường lối chính trị của Ai Cập, chính phủ Ai Cập đã không ngớt kiếm cách kiềm chế sự bành trướng của Israël. Israël là 1 tân quốc gia, được thành lập 15-5-1948, do 1 quyết định của đại hội đồng Liên Hiệp Quốc để giải quyết vấn đề người Do Thái ở Âu Châu. Vì trong một trận đại chiến thứ 2, người Do Thái đã là

nạn nhân của chính sách kỳ thị chủng tộc của Đức quốc xã và 1 số nước khác ở Âu Châu. Lúc đó quân đội Anh Quốc đương bảo hộ quốc gia Jordanie (dân Ả rập), rút về xứ, và cho di hơn 1 triệu người Ả rập sống ở phía tây Jordanie sang những vùng xung quanh, để lấy chỗ cho ngót 1 triệu người Do Thái từ các xứ Âu Châu trở về đó lập nghiệp. Dưới áp lực của các cường quốc, dân Ả rập ở Jordanie phải chịu di cư và được tập trung ở khu gần biên giới. Số dân này, không sản xuất gì được, nên quỹ Liên Hiệp quốc phải đài thọ một số trợ cấp hàng năm rất lớn để nuôi họ. Và để tránh chiến tranh bùng nổ, một số quân Liên Hiệp Quốc đã được cử đến biên giới Israël để ngăn chặn các cuộc xô xát.

Những người Ả rập nhất định không chấp nhận cho người Do Thái lập nghiệp trên phần đất của họ, lý do là người Ả rập đã cư ngụ trên giải đất đó từ hơn 1300 năm nay. Trái lại, người Do Thái vin vào hiệp ước Balfour năm 1917, qui định việc thành lập 1 tổ quốc cho họ và vin và truyền thuyết về «địa hứa» (terre promise) trong Thánh kinh. Lực lượng của quốc gia Ả rập hãy còn quá yếu nên dự định một cuộc chiến tranh với người Do Thái không thể thành hình được. Chỉ có Ai Cập, từ hồi Nasser lên nắm quyền là hùng mạnh hơn cả. Tuy đài phát thanh Ai Cập có chương trình đặc biệt đề bài xích Do Thái, song Nasser cũng chưa

dám nghĩ đến chuyện chiến tranh. Vì nếu chiến cuộc xảy ra, vài phi đội Do Thái có thể bay thẳng đến Le Caire, hoặc Alexandrie, hoặc Helouan, và kinh tế Ai Cập sẽ trở lại tình trạng hồi tiền Cách Mạng. Hơn nữa Hoa Kỳ hàng năm viện trợ cho Do Thái rất nhiều. Tuy thế, chính phủ Ai cũng không nghĩ đến chuyện thương thuyết với người Do Thái, vì nếu thương thuyết, là công nhận sự có mặt của Quốc gia Do Thái. Trong khi đó, người Do Thái luôn luôn đề nghị 1 cuộc thương thuyết để giải quyết số 1 triệu dân Ả rập bị di cư, cho đến giờ vẫn còn sống vất vưởng. Số người này, sống ở biên giới Ai Cập, Israël và Israël—Jordanie, trong những trại tập trung, thiếu thốn mọi phương diện. Người Do Thái bằng lòng bồi hoàn phí tổn cho các quốc gia Ả Rập nếu họ chịu nhận số di dân trên. Song các quốc gia Ả rập không thể nhận được, nhất là nền kinh tế ông nghiệp của họ cũng không đủ sức để nuôi thêm 1 triệu khẩu phần.

Như thế, những mâu thuẫn giữa Israël và các quốc gia kế cận càng ngày càng sâu rộng. Số dân Ả rập sống ở Israël bị kiểm soát chặt chẽ, vì lý do an ninh quốc gia. Trong khi đó, kinh tế của các quốc gia quanh vùng Tử Hải và sông Jourdain đều lạc hậu. Năm 1953, chính phủ Mỹ dự tính giúp đỡ các quốc gia liên hệ là Israël, Liban, Syrie, Jordanie, khai thác con sông này. Song các quốc gia Ả rập không chịu. Tuy chỉ làm chủ

khúc giữa sông Jourdain, ở gần hồ Tibériade, người Do Thái cũng nhất quyết khai thác con sông một cách đơn phương. Họ dùng ống máng dẫn nước từ hồ Tibériade về miền Nam để tưới khu sa mạc Neguev. Các quốc gia Ả rập liền tìm cách chặn dòng các con sông chảy vào hồ. Và cho đến bây giờ, vấn đề khai thác sông vẫn còn nguyên vẹn.

Nhưng Nasser tin tưởng một ngày kia sự bành trướng của kinh tế Ai Cập sẽ giúp người Ả rập chiếm hữu lại phần đất cũ của họ. Theo ông, vấn đề Israel không nên giải quyết bằng chiến tranh, nhưng có thể giải quyết bằng chính trị. Vì đó không phải là cuộc chiến giữa Ai Cập và Israel, mà là cuộc chiến giữa khối Ả rập và chủ nghĩa Đế Quốc.

Vấn đề Liên-Minh Ả-Rập (Ligue Arabe).

Như trên ta đã rõ khối Ả rập gồm 13 quốc gia, trải dài từ vịnh Ba Tư đến Maroc, dân số gồm độ 200 triệu người. Ai Cập sau Cách mạng trở thành một quốc gia hùng mạnh nhất. Và Nasser hy vọng rằng sự thành hình của khối Ả rập sẽ tạo nên một sức mạnh đáng kể trên bàn cờ chính trị thế giới. Vì thế, từ lâu ông đã chủ trương thành lập Liên đoàn Ả rập. Nhưng, tuy người Ả rập nói gần như cùng một thứ tiếng, theo đạo Bà la môn và có cùng một nguồn gốc, song các quốc gia Ả rập lại khác biệt nhau quá sâu xa về mọi phương diện, nhất là

chính trị. Ai Cập là một nước đang ở thời kỳ cách mạng, nên cố gắng giúp đỡ các phong trào tranh đấu xã hội của các nước khác. Vì vậy, với những quốc gia quân chủ phong kiến như Yemen, Maroc, Ả rập, Séoudite hoặc Jordanie, Nasser không thể nào gây tin nhiệm được với các quốc vương xứ đó. Với những quốc gia đang chuyển mình, như Tunisie, Algérie, Irak, sự thay đổi người cầm đầu quá nhanh chóng, đột ngột, do đó, sự liên lạc với Ai Cập cũng trở nên bất chắc.

Với Libye, một xứ còn nhiều quyền lợi của người Anh, Ai Cập cũng không thể gây tin tưởng được.

Với các quốc gia bé nhỏ như Liban, Syrie, ý kiến của Nasser bị nghi ngờ. Nhiều người Liban cho là Nasser độc tài và tham vọng. Còn Syrie, sự thành lập Cộng Hòa Ả rập Thống Nhất mới khai sinh được có 3 năm (từ 19 8 - 1961) thì xụp đổ. Lý do dễ hiểu là giữa 2 nước, dân chúng quá xa cách, ngay cả đến biên giới, 2 nước cũng không có chung nhau 1 tấc đất.

Cách Mạng đã làm thay đổi hoàn toàn đường lối ngoại giao của Ai Cập, đối với khối Tây Phương và khối Xã Hội Chủ Nghĩa. Và chính sách Trung Lập đã đưa Ai Cập lên hàng quan trọng trong khối thứ ba.

Với người Mỹ, Ai vẫn nhận viện trợ nhưng sợi dây ngoại giao luôn luôn căng thẳng. Lý do, Mỹ đã giúp Do Thái, và luôn luôn muốn kiếm cách

chi phối chính trị Ai Cập. Như trong vụ bán lúa mì cho Ai Cập, Mỹ đã không giao hàng một lúc, mà luôn luôn kiểm cách kìm hãm, ngõ hầu gây áp lực trên chính sách bài Tây phương của Nasser. Hoặc như trong vụ Assouan, Mỹ đã đưa ra nhiều điều kiện khiến Nasser không thể nhận được.

Với người Anh, sự có mặt của quân đội Hoàng gia tại bán đảo Ả rập, vịnh Ba Tư và Soudan đã khiến cho Nasser bất mãn. Tuy nhiên, vì thận trọng, Nasser đã luôn luôn tránh những vụ xung đột.

Chỉ riêng người Nga, theo Nasser là muốn giúp đỡ Ai Cập thực sự trên

lĩnh vực kinh tế. Nga đã giúp Ai xây đập Assouan với những điều kiện tối thiểu và Nga đã tỏ ý tán thành về công việc xúc tiến Hội Nghị Á Phi, điều mà Chu-Ân-Lai đã hoàn toàn phản đối.

Còn ảnh hưởng của Pháp hiện tại ở Ai Cập coi như không có gì. Chính sách bài Pháp của Nassr đến nay tại đã dịu. Nhiều lần người ta nghe nói đến cuộc gặp gỡ giữa Nasser—De Gaulle. Và người Pháp đương có dự định đầu tư vào kinh tế Ai Cập.

Tóm lại, Cách Mạng đã đưa chính trị Ai Cập tiến sát vào khối Nga hơn xưa rất nhiều.

ĐÔNG TRIỀU

TÌM ĐỌC

Tuổi Thơ

Tập truyện của LƯƠNG-THẾ-NAM
NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO PHÁT HÀNH

Nhà xuất bản AN-TIÊM

đã phát hành tác phẩm thứ 3

Cõi người ta

(TERRE DES HOMMES)
của SAINT-EXUPERY

Cõi Người Ta — Terre des Hommes — Trong tiếng hommes có người và có ta. Ta và người cùng bắt tay thiết lập « cõi » cho đất. Ta ly biệt đất rồi, nhưng người còn ở lại mãi. Vì vậy Cõi Người Ta là một tặng vật trăm năm của kẻ ra đi trao về cho người ở lại. Người ở lại có bằng lòng đón tặng vật chăng ?

Bản đặc biệt có đề bán tại : **Saigon** : Nhà sách Tự Lực, đường Lê Lợi ; **Huế** : Nhà sách Tân Hoa ; **Đà Nẵng** : Nhà sách Lam Sơn, Sông Đà và Văn Hóa ; **Quy Nhơn** : Nhà sách Khánh Hưng

AN TIÊM — HỘP THƯ 1510 — SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huê

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B P. N° E-5

PHNOM PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ-UYÊN (3)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Có tiếng giầy ngoài sân, chị giật mình buông lược quay lại và thở ra nhẹ nhõm khi nhận ra Tía. Chị cười :

— Làm người ta hết cả hồn. Cứ tưởng mấy ông vô...

Tía bỏ chiếc mũ nhựa tròn xuống phản, rút khăn lau mồ hôi trên trán rồi lau bóng súng :

— Mấy ông vô thì sao ? Mấy ông hiền khô à, không thấy sao ? Cho xin ly nước, đi từ lộ vào đây khát quá trời.

Chị vục ly vào vại múc đầy, đặt lên mép phản :

— Mấy ông hiền thật, nhưng vô đóng đây đến đêm mấy ảnh về lại hạch hỏi lời thôi : « Sao lại để lính Mỹ Diệm vô đóng ! Bộ muốn làm tay sai cho chúng hả ? » Ủi chao !...

Chị cười lớn, ngồi xuống phản tiếp tục chải đầu :

— Rồi mấy ảnh còn bắt vô lấy cuốc ra đập mô nữa. Sợ thấy bà !

Tía đặt khẩu súng gác lên cột, mở phanh ngực áo lụa khăn vào lau mồ hôi trên ngực :

— Sáng ra, tui tôi đã không bắt anh chị ra phá đi, thế là đỡ quá rồi còn chi.

Người đàn ông tiếp tục lau ngực, những bắp thịt cuộn căng lên theo cử động của cánh tay. Chị nhìn và nhớ tới ngực chồng, cũng đầu vú nhỏ một cách chi mà kỳ... Không biết đàn ông có vú để làm chi, chị mỉm cười. Người đàn ông theo rồi biến đổi nét mặt, bắt gặp nụ cười, vội đứng dậy lại gần :

— Em à !

Chị giựt mình lùi lại, thân hình tì lên cánh tay xuôi về phía sau làm ngực tức sữa căng lên dưới vải. Tía giơ tay lên, chị vùng né tránh lùi ra phía sau cột, cười :

— Bộ quên tui có chồng con đang hoang rồi sao ? Muốn bị xua ra khỏi nhà sao mà làm dữ vậy ? Đã cho trú nắng, cho uống nước, còn lộn xộn.

Tía ước lượng khoảng cách giữa hai người, liệu không thể nhảy tới kịp trước khi người đàn bà chạy ra sân, đành ngồi xuống phản cười dần hòa :

— Em ngồi xuống đi. Tôi không làm chi đâu mà sợ. Có truyện muốn nói mà.

— Nói chi thì nói luôn đi. Không chồng tui về bây giờ lại lui lui như mèo cắt tai rút mắt cho coi !

Tía tức giận, vỗ ngực bạch bạch :

— Bộ tôi sợ thằng chả sao ? Tôi không muốn gây rầy rà cho em đó thôi.

Chị biu môi :

— Hăm hoài à ! Bộ tưởng làm Đại diện Xã có súng là tui sợ hay sao.

Chị cười vui vẻ rồi ngừng khi nhận ra dáng điệu đột nhiên ủ dột của người đàn ông. Chị lại phản ngồi, dịu giọng :

— Anh tới có chuyện chi, nói đi. Tôi nghe đây.

Tía ngừng đầu nhìn quanh quẩn, rồi nói dụt dè :

— Em à... Tôi vẫn thương em như xưa...

Đầu cúi xuống, giọng ngập ngừng :

— Em tin tôi đi. Tôi thương em lắm. Thương như hồi ấy... hơn nữa.

Giọng nói quen thuộc làm chị nhớ lại những ngày đã qua, ngày chị chưa lấy ai và vùng này chưa lộn xộn, ngày chị còn mơ lấy chồng ở tỉnh, hai vợ chồng sẽ cù làm ăn, chị bán hàng ở chợ, tối về đi xem tuồng với nhau hay đêm khuya đi ăn tô mì nóng. Ngày ấy trai làng theo đuổi hoài hàng tá, trong đó có Hải, có Tía là chiếm được nhiều cảm tình của chị hơn cả. Nhiều đêm chị nhận lời ra ngoài ruộng nói chuyện với Hải, con người ăn nói đúng đắn và cư xử cũng vậy. Cũng nhiều đêm khác chị ra ngồi bờ lạch với Tía, kẻ hay đòi hỏi nợ kia, nay gạ cầm tay, mai đòi hun má. Chị không nhận lời lấy ai hết, mơ lấy chồng mần ăn ngoài tỉnh. Mơ thế hay là vì sợ đau đớn như mẹ hồi nhỏ khi Tây về xã và xóm quanh chiếc phản... Chị không biết rõ, nhưng rồi mọi sự chẳng ra làm sao cả, chị thờ dài cúi xuống không nhìn người tình cũ đang thì thảo kề lề. Không, không có điều gì xảy ra như lòng mơ ước năm xưa cả. Tía một bữa nhậu say đánh ông Hội đồng xã, sơ bỏ làng ra đi. Chị hối hận vì sau buổi trưa hai người đàn ông đánh lộn ở bờ dứa. Tía tìm cách gặp mặt chị và chị đã nín thinh không trả lời câu hỏi, lảng tránh ngay vì nét mặt Tía quá dữ dội. Thế rồi đến tối, Tía uống say ngoài quán, bị Hội đồng Xã chế riếu, đã gây ầu ẩu. Sang hôm sau biết chuyện, chị lại kiểm, nhưng Tía đã bỏ làng đi biệt tích từ đêm. Trở về nhà, chị khóc dẫu trong bếp khi nghĩ đến cảnh Tía lui lui một mình lội bộ lên tỉnh. Nhưng tháng sau đó, chị sống trong chờ đợi Tía trở về sau khi từ chối lời hỏi cưới của Hải. Rồi chiến tranh lan tới, Hải bỏ làng theo mấy du kích vẫn đêm đêm lên về khuyến dụ. Tiếng súng bắt đầu nổ vang ruộng vườn. Chiếc đồn đồ nát trước chợ được tỉnh cho sửa chữa lại, hai chục dân vệ đến trú đóng trong số đó vài gã con trai trong làng, Nhưng bây giờ có súng có đạn, họ không còn cư xử như xưa. Chỉ có Uông, một người đã theo đuổi chị ngày xưa nhưng bị cự tuyệt một lần khá tệ, là còn cư xử đúng đắn. Tất cả những kẻ khác trong đồn đều tìm cách trêu chọc các cô bạn gái cùng làng xã cũ một cách thô lỗ. Đôi khi bị chọc quá tệ, cũng không cô nào dám cự nự nặng lời vì những kẻ kia đe rằng trường đồn rất dữ : «Lộn xộn đến tai ông, ông đốt xã cho coi!». Uông mỗi khi có dịp thường vô làng cà rà với bà con cả ngày — không phải để ngăn hay tìm du kích, mà để cản mấy đồng đội quê nơi khác khỏi

phá phách. Nhưng những xã bên, số gà bị bắt đi ăn thịt không trả tiền mỗi ngày một tăng với sự hống hách của viên trưởng đồn ngoài chợ. Hắn đánh thêm thuế đặc biệt vào hàng hoá, đe ai lên thưa ông quận, sẽ bắn bỏ. Đôi mắt hắn lừ lừ, nhìn vào đàn bà như xoáy rách quần áo ra. Các bà ngoài chợ đồn rằng hắn xưa kia làm bồi cho một sĩ quan Pháp miệt Hậu giang, bao nhiêu người đã chết, bao nhiêu đàn bà đã đau khổ vì hai thầy trò hắn. Bị tù, giải ngũ, làm lơ xe đồ đứng bên một thời gian rồi không hiểu làm sau hắn được làm trưởng đồn dân vệ vùng này. Mọi người còn đồn hắn giàu lắm, bao tới ba vợ nhỏ ngoài tỉnh. Chị thường lắng nghe những lời đồn đại này và sợ hãi len lét cúi xuống mỗi khi lão sát tới gần ngoài chợ. Một buổi sáng mới đặt chân lên quốc lộ chị bị hai khẩu súng đi vào ngực dẫn vào đồn. Chị run rẩy bước theo đường vòng chữ chi giữa rào kẽm gai, lão liêng tìm Uông trong đám người đang cười rộ lên. Uông đâu, Uông đâu rồi. Có người la lên: «Bm hai ơi, em tìm chi nữa. Thằng Uông bị sai đi công tác dưới tỉnh mới về. Vô trình diện trưởng đồn nộp thuế đi cho rồi, em hai ôi...» Tất cả năm đứa, trưởng đồn mắt lừ lừ, hai người bắt chị về đây, hai người nữa, tất cả là năm người. Chị lùi, lùi hoài, vấp phải phía sau té ngã. Có tiếng cười lớn, những đầu gối, bắp đùi tiếng lại gần. Y như thế, y hết ngày đã lâu chị còn là cô bé nằm run rẩy dưới găm phản, những tiếng cười lớn, những đùi những đầu gối tiến lại gần, có tiếng la hét, tiếng má chị hay ai khác? Ba ngày sau đi công tác về, Uông tới thăm, ngồi nghe chị kể lại trong tiếng khóc. Uông không nói gì cả, lặng lẽ ra về, rồi một ngày qua hai ngày qua không có gì thay đổi. Đồn trưởng vẫn thu thuế chợ, vẫn hống hách, Uông vẫn thăm lặng như cái bóng cho tới một buổi sáng, vừa đặt gánh xuống chợ chưa đông, Uông đã đợi sẵn lại gần nói nhỏ: «Giả bộ đau về đi. Nghe tui, giả bộ đau về đi!» Chị nghe lời trở về nhà ngồi giặt quần áo cho tới khi có tiếng súng nổ dan và đồn bốc cháy khói đen cánh đồng. Chị không chạy vô hăm núp, đứng sững ra nhìn. Hắn năm gã ấy phải chết. Một tiếng nổ dữ dội, các viên ngói tung lên cao rơi xuống lả tả làm chị chợt nhớ ra má chị có thể chết ngoài chợ trước đồn. Chị chạy vội, hối hả trên bờ ruộng và gặp một toán người bắt, g đồng chạy vào mấy ruộng mía. Thoáng trông chị nhận ra nét mặt quen của vài anh du kích thỉnh thoảng vẫn về xã tổ chức về việc chống Mỹ, người nào cũng khệ nệ ôm thùng đạn, súng lủng lẳng hai ba khẩu trên vai. Hải chạy sau chót, mồ hôi chảy đầy mặt, dừng lại cười: «Bọn tôi trả thù cho em rồi đó. Nhảy trên xe đồ xuống, bọn tôi giết không còn thằng nào trong đồn... Đêm nay tôi trở lại thăm em nghe!». Hải nhảy vào bụi mất dạng. Hai chiếc thiết giáp từ tỉnh xuống nổ súng bắn liên hồi, chị nằm dưới ruộng tới trưa mới ra được chợ. Má chị chết rồi, Uông cùng vài người làng khênh dùm xác về. Chị khóc ròng đi phía sau, tiếp tục khóc sau khi tắm rửa cho hết bùn dưới lạch. Uông đón dẫn chị vào bụi. «Tôi trả thù cho em đó». Chị không kháng cự gì cả, thân thể rã rời trong tay người đàn ông vội vã. Khi Uông lôi dậy mặc hộ quần áo, chị mới nhớ ra má đã chết, máu chảy loang thành vũng sau gánh hàng và xác mới đưa về nhà chưa tắm rửa chưa liệm. Chị khóc lớn tiếng trên con đường từ lạch về nhà, và đêm về sáng khi Hải thò tay qua khe vách đánh thức, mắt đã sưng húp lên đau

nhức. «Chiều tôi đi em... Tôi thương em, em biết không. Từ khi Uông báo tin em bị tui chúng làm ầu, tôi ngày đêm lo tồ chức nội tuyến với hấn đề công đồn .. Tôi tình nguyện chỉ huy tồ chức...» Chị không khóc, thân thể bỏ mặc trong tay Hải cho tới khi trời bắt đầu sáng, người đàn ông từ già đi khuất sau hàng dừa. Uông bị tỉnh bắt vì tội nội tuyến, biệt tích luôn ngay từ hôm sau. Lâu lắm, một tuần hay một tháng sau chị mới nhớ ra đáng lẽ những khi ấy phải nói với Uông, với Hải : «Má tôi chết rồi đó. Xác còn để trong nhà kia. Anh buông tôi ra.» Lốp cốp trên mộ má xanh dần, chị đã quen gách hàng ra chợ trước đồn cháy đen và khi về đã quay đầu lại đáp truyện với Ba lão đẹo theo sau.

. . .

Vũ uống nước trong gáo từng ngụm nhỏ, bàn tay kia vẫn ấn bi-đông vào sâu trong vại nước. Hai chân người đàn bà vẫn bất động, buồng thông dưới mép phản, chiếc bụng vẫn lên xuống phập phồng theo nhịp thở, đầu đứa bé gối trên nhấp nhô đều đều. Một tiếng chửi thề của binh sĩ gian ngoài làm chàng giật mình quay lại nhìn cánh cửa mở, tay nâng bi-đong khỏi vại, toàn thân chuẩn bị dánh điệu người đang lấy nước đề nguy trang sự thêm muốn cuồng nộ đang thổi thúc trong từng thớ thịt. Không có ai ở sân sau. Chàng tiến lên một bước. Người đàn bà vẫn ngủ và dưới vải đen, chàng hình dung các đường nét căng lên. Cồ họng khô đi, mắt không rời cái thân thể đang mở ra trên phản, ngón tay chàng tần mần vạch tên mình từng chữ trên mặt bàn. Chữ V đã hiện rõ giữa lớp bụi mỏng, chữ U nữa, còn chữ U nữa. Những luồng máu chảy nhanh như muốn ồ ạt ào ra khỏi da thịt, chàng tiến thêm một bước nữa đến gần phản, hơi thở dồn dập. Bàn chân bám đất buồng thông thò khỏi vải quần đen đột nhiên co lên đặt vào mép phản, người đàn bà ngái ngủ mở mắt nhìn mái tranh bên trên, chậm rãi quay ngang ngó người đàn ông. Một giật mình thoáng qua biểu lộ trong những ngón chân co lại và chàng nhìn thấy những hạt bụi rơi lả tả xuống đất. Hơi thở dồn dập hơn, người đàn bà như thể là bằng lòng, vị trí khi ngủ không thay đổi, chàng nói thì thầm một mình, như thể là bằng lòng. Nhưng chàng vẫn đứng sững đó vì cánh cửa phía sau lưng vẫn mở. Chàng tự nhủ ra đóng lại đi, đóng lại đi là xong. Chàng kéo bi-đong ra khỏi vại nước, đóng nút, người đàn bà vẫn nằm nguyên nhưng mắt không nhìn chàng nữa, hai đùi vẫn mở và hai bàn chân vẫn tì lên mép phản. Chàng quay ra đến gần cửa, ngoài sân trời còn nắng gắt, từng khoảng tròn sáng in trên cỏ trên đất và dưới hai gốc cây, chiếc vông gió thổi phồng lên như búp đa. Chàng buông tay khỏi cánh cửa, bước ra ngoài sân. Gió từ đồng hoang phía sau ủa mát lạnh trên lưng ướt đầm mồ hôi, nổi thêm muốn bồng vụt rời cơ thể, các thớ thịt mềm đi, chùng nhão. Vũ trở lại vông ngồi xuống châm điếu thuốc hút. Người đàn bà đã ra sân bế theo đứa nhỏ, liếc nhanh. Chàng không hiểu người đàn bà đang nghĩ gì nhưng chàng biết chắc khi nấy nếu chàng đi tới cùng, người đàn bà cũng không hối tiếc và bây giờ, không có gì xảy ra, cũng không có luyến tiếc nào, cho cả chính chàng. Vũ hút mạnh, khói thuốc cuộn cuộn cay trong cổ họng, tỏa ra tan nhanh trong gió. Chàng tần mần suy nghĩ lại biến cố vừa qua vì đã lâu lắm không thấy thêm đàn bà dữ dội. Thế rồi, bỗng dừng... Có lẽ tại sáng nay lúc cho quân

bằng bờ bụi ép sát quốc lộ, chàng đã nhìn thấy thoáng qua chiếc mông trắng của một nữ hành khách xe đồ xuống đi tiêu. Có lẽ buổi sáng chưa kịp mặc quần sau khi đi cầu, chàng đã phải cầm súng bắn lại thẳng du kích và sau đó đã cúi xuống nhìn. Cành lá trao đi sau một cơn gió mạnh làm nắng ủa xuống chiếu chói trên mặt, chàng quay ngang người nhìn ra ngoài lộ. Một chiếc xe ba bánh đầy người đang len lách giữa hai đồng đất di tích của một chiếc mô chưa phá hết. Tiếng động cơ nổ lớn nặng nhọc, khói xanh phụt lên phía sau che phủ mặt một đừa bé ngồi cuối băng sau. Chàng nhìn theo xe cho tới khi đi khuất sau rặng cây, tự dừng nhớ tới Oanh và tự hỏi bây giờ nàng đã mấy con. Từ ngày nàng đi lấy chồng đến nay đã năm năm. Ít nhất cũng phải bốn con. Lưng nàng hơi cong và mỗi khi thuận đề chàng ôm, thân thể thật nẩy nở. Tướng lắm con, lũ bạn cùng học bảo thế và chàng đã mỉm cười thú vị trong căn phòng thiếu sáng khi cúi xuống nhìn nàng nằm trên giường. Tại sao buổi trưa ấy không tiến đến nơi đến chốn cho rồi, tại sao chàng lại ngừng lại khi nàng giao hẹn : « Rồi anh phải cưới em ngay, anh chịu không ? ». Định cưới hay không, đáng lẽ cứ nên đi đến cùng. Thế có phải hơn không—ít nhất cũng không để lại cho chàng một nỗi tiếc dai dẳng cho tới giờ, ít nhất cũng không đưa chàng đến tình trạng như hiện nay, nằm ven một quốc lộ và thèm muốn một người đàn bà quê mùa vú nát nhẽo vì lũ con, bàn chân đầy đất. Bây giờ chàng tin rằng, tin thực chắc chắn, nếu đi đến cùng với Oanh, chàng sẽ không buồn khi nàng đi lấy chồng, không còn nỗi tiếc nuối dai dẳng tới gốc cây ven quốc lộ này. Gió thổi mạnh hơn làm vông đu đưa nhẹ nhẹ, những lá cỏ tranh đồ nghiêng run rẩy làm Bích trở thành quyến rũ hơn dưới lớp lụa đen hơi lảng. Chàng đã vì ngần ngại với Oanh nên đã đi tới cùng với Bích trên đám cỏ tranh đồ nghiêng, chàng đã vì không muốn lấy Oanh lưng hơi gù háng nở nên sau này đã lấy Bích mang đủ hai đặc tính tương tự đề rồi sau cùng thấy rằng, như lúc này chẳng hạn, chàng chưa hề yêu một ai trong cả hai người con gái ấy. Chỉ có một khác biệt : chàng đã lấy Bích nên không còn một tiếc nuối nào cả. Tình yêu bắt đầu bằng một quyến luyến một người con gái đề tận cùng bằng những thói quen cấu kết thành chuỗi. Buổi trưa ấy, lúc Bích ngã người trên cỏ, nắng gắt và mặt trời còn ở trên cao và khi nàng cài lại tóc khóc thút thít, trời gần như hết nắng. Sau này không hề còn những khoảng thời gian quên thời gian. Sau này chỉ còn một thói quen khi mấy đừa con đã ngủ, chàng tự động đưa tay tìm thân thể vợ, một số động tác, một nỗi sung sướng ngăn ngủi đề rồi sau đó lăn vào một giấc ngủ. Cuộc sống trong quân ngũ làm cho mỗi khi về phép, thân thể Bích trở thành mới lạ và hấp dẫn hơn, chàng giành nhiều thì giờ khám phá lại, nhưng cũng chỉ trong lần đầu. Lần thứ hai, đêm thứ hai khi các con đã ngủ, tay chàng tự động tìm thân thể vợ, và tiếp đó làm đúng một số động tác tối thiểu đề cảm thấy một sung sướng ngăn ngủi trước khi vào giấc ngủ. Tiếng động cơ ầm ỉ lớn dần, chàng nhô đầu khỏi mép vông nhìn ra lộ. Một binh sĩ đang xỏ tay vào áo, quay lại la về phía chàng :

— Đoàn xe về tới rồi, chuẩn úy !

Chàng vòng tay trước miệng cốt át tiếng động cơ :

— Bảo Ích mở máy sẵn đợi lệnh đồng đa !

Người lính gật gù đi vào nhà, chàng nằm xuống, cử động co răn các ngón chân sắp phải cho vào đôi giày cao cổ. Hai ngón cái móng dài hẳn, có một vết đất đen vòng cung phía dưới. Bắn quá rồi, cần phải tắm gấp. Chàng quay lại phía sau chỗ vại nước gốc cây gần bếp chàng đã thấy vài binh sĩ tắm trước khi ngủ thiếp đi. Người đàn bà đang ngồi đó, tay vươn lên vục gáo vào vại, lớp lông đen ướt nước bết lại một túm dưới nách, nước chảy từng lớp mỏng trong trên bộ ngực chảy xệ, tràn qua mép quần đen kéo cao. Chiếc bụng to bốn năm ngón chông chắt rung rung theo bàn tay kỳ cọ. Chàng quay đầu đi, tự hỏi có bấy nhiêu nát nhéo, chỉ có bấy nhiêu đã làm chàng suýt nữa nhào lên như một con bò đực nhảy cái. Bây giờ chàng hiểu người lính bị phạt ba tháng tù ở một phiên tòa quân sự vì tội hiếp một người đàn bà — một người đàn bà lem luốc béo phì. Chàng nhìn nhân chứng, nhìn bị cáo nét mặt hiền lành đầy vẻ sợ sệt, không thể tưởng tượng được hẳn có những hành động dữ dội với một sinh vật cái ấy như trong cáo tội trạng đã ghi. Hẳn khóc nức nở khi nghe tuyên án và những giọt nước mắt làm chàng sửng sờ. Bây giờ chàng hiểu chỉ cần một buổi trưa nắng chói chang, một hoảng da thịt trắng hở ra vào một khoảng khắc nào đó là đủ... Giữa chàng và người lính nét mặt khổ sở khi bị phạt ba tháng tù không có khác biệt. Không, không thể có một phán đoán nào đối với người lính. Chàng ngồi dậy, khó chịu, đưa tay nhỏ một bông cỏ, cúi xuống lùa vào khe móng cây đất đen bám cứng. Con sông đỏ ngầu đất, nước nóng bỏng bao quanh chiếc chần bông thông, chàng lúi húi cây móng chân, quá chăm chú đến độ khi cái Gái đón đến đến sau vỗ tay vào đầu mới giật bản mình quay lại. Thân thể Gái láng nước bùn nâu bóng, nữ tính đã bắt đầu biểu lộ phía ngoài. Đứa bé mới lớn là chàng đã ý thức mình là đàn ông trưa hôm ấy với Gái khi hai đứa chạy đuổi nhau dưới nước, quấn vào nhau lẫn với đám rế si ven bờ. Chàng ngồi dậy, kéo đôi giày lại gần, xỏ tất, quyết định nếu trong tuần này có sĩ quan mới về đúng như nguồn tin của trung đoàn, chàng sẽ xin cho được bốn ngày phép. Hai tháng liền chưa vào một thị trấn, chàng thấy đã đến lúc cần. Chàng cột giày, một con cuốn chiếu bò ngoằn nghèo ngang mũi giày, chàng đưa chân đi mạnh, cố nghĩ tới địa thế vùng sẽ phải đi qua chiều nay để trấn áp thêm muốn đang trở lại.

Chàng ngồi xuống, đề súng ngang đùi, mở bi-đông uống một hơi dài. Hy tiếp tục liên lạc với tiểu đoàn, giọng lầu nhàu :

— Đoàn xe qua cả giờ rồi, cho anh em về thôi chứ ! Còn tắm rửa một chút... Sao ? Còn phải đợi đoàn xe thứ hai ?... Thôi được !

Hy cài ống liên hợp vào đai vải, mở túi lấy bao thuốc :

— Tiểu đoàn bảo đợi thêm. Có thể còn đoàn xe nữa. Mấy giờ rồi bồ ?

Vũ giơ tay lên coi, uể oải đáp :

— Ba giờ kém năm.

oOo

Định tháo đồng hồ, bỏ vào túi. Da cổ tay tiếp xúc với không khí, thoáng một cảm giác mát mẻ làm chàng dễ chịu hơn. Một binh sĩ cởi trần bóng nhẫy mồ hôi bước vào, cúi nhặt chiếc mũ sắt còn hơn rung động trên sân xi-măng :

— Đưa nào quảng mũ tao ra đây ?

Câu hỏi bức tức rơi tan vào hơi nóng, không một ai trả lời. Hiệu thính viên trực tiếp tục ngâm cái lương theo những giòng chữ trên một tờ giấy nát nhàu. Chàng im lặng nhìn bộ ngực người lính trần trụi dưới nắng trông như nổi ẩm ức toát ra thành những giọt mồ hôi lớn dần. Binh sĩ chủ mũ ngồi xuống ghế bố, tháo chiếc khăn mặt màu đen ở cổ xuống lau mồ hôi, mỉm cười lắc đầu khi bắt gặp ánh mắt chàng.

— Nóng quá chuẩn úy.

— Nước uống lấy ở đâu anh ?

— Tụi tui lấy ở ngoài giếng kia. Nhưng chuẩn úy tội chi mất công. Lên bàn lấy, bàn ở chỗ gần cổ vắn Mỹ. Các sĩ quan uống ở đấy cả.

Định đứng dậy, mặc áo chứ không nhét vạt vào trong quần. Giữa những người mặc quần cụt cởi trần, quần áo đủ bộ như chàng đã là quá chỉnh tề. Căn nhà phía trên mát hơn, đầy cột như một ngôi chùa cổ. Một người mặc mai-ô ngồi cạnh bàn tay giờ bắt :

— Anh mới tới phải không ? Tôi là thiếu úy Vận, sĩ quan trợ y tiểu đoàn. Nước ở bàn kia, bồ cứ tự tiện.

Định uống từng ngụm nhỏ, quan sát vợ vắn, chợt nhận ra bàn nước là hương án hay bàn thờ đã long sơn.

— Đồn này trước kia là một cái đình hay sao anh Vận ?

Vận ngừng đầu khỏi xấp giấy, đặt bút móc túi lấy bao thuốc chìa ra mời :

— Chính vậy. Tỉnh cho xây thêm hệ thống công sự bao quanh, rào kẽm gai lại thành đồn dân vệ.

Định nhìn quanh, nhiều khoảng tường xây lại bằng gạch đã vỡ, chàng nhớ lại những vết khói đen, những mái tôn cong queo bất thường trong căn nhà vừa nằm. Một không gian điêu tàn bọc lộ từng góc gạch. Vận thở khói ra hai lỗ mũi, làn khói bám sát mặt, mỏng dần.

Đồn bị đánh tan một lần cách đây hai năm. Chết cả trung đội dân vệ. Trừ mấy thằng nội tuyến là thoát. Tụi cộng cướp xe đồ, giả trang hành khách đột kích lúc 8 giờ sáng. Súng ống mất sạch. Hồi tiểu đoàn này tới, chỉ còn căn nhà giữa là còn có mái. Dọn dẹp, sửa chữa gần chết cả tuần mới trú quân tạm tạm được.

— Tại sao các đồn dân vệ hay bị nội tuyến thế nhỉ ?

Vận cầm bút gõ gõ xuống bàn :

— Tại tuyến mộ không kỹ. Các quan trên cắt nghĩa vậy. Nhưng tôi cho rằng tại mấy ông ấy hay quấy nhiễu dân nhiều hơn. Tinh thần partisan cũ mà. Ngay cả cái đồn này cũng thế. Nghe đâu đồn trưởng bắt gái mang vào đây hiếp, lại làm đúng con bồ của anh dân vệ dưới quyền. Nội tuyến, vỡ đồn là cái chắc. Bởi thế...

Vận cười, Định cười theo, vợ vắn nhìn tiểu đoàn trưởng mặc áo lót còn nằm quay mặt vào tường trên ghế bố sát vách bên kia.

— Bởi thế sao ?

— Bởi thế nếu anh thấy ở đây khá tà tà với các binh sĩ nhẩy dù về tỉnh,

dừng ngạc nhiên nhiều. Lĩnh chính quy chúng ta cần phải được giải quyết sinh lý ở những nơi được phép.

— Còn bọn mình?

— Cứ hai tháng có thể xin đi 48 tiếng phép, Quê ở Trung, một năm có thể đi phép 10 ngày.

Định búng mầu thuốc ra sân, châm điều mới. Hai tháng nữa, hai tháng một đêm sống với Linh. Chàng thoáng cảm thấy một nỗi buồn nhói lên trong lồng ngực. Một đêm gần nhau sau sáu mươi ngày, ít quá. Thời kỳ còn ở trong quân trường Thủ đức, mỗi tuần về phép một lần, còn thấy thời gian quý giá vô cùng. Chiếc bus chưa qua cầu vào thành phố, người đã nôn nao rộn rã và khi bước lên tắc-xi, chàng bao giờ cũng phải hút ngay một điều thuốc để trấn tĩnh. Bữa cơm trưa, dù ăn món gì và tại đâu, chàng cũng không hề thấy ngon, những miếng thịt quay lộn trong miệng rời xuống dạ dày không ghi lại một xúc vị nào rõ rệt. Trong những tháng đầu nhập ngũ, sau bữa cơm, chàng đưa Linh tới một khách sạn gần chợ ồn ào ven sông và ôm nàng thật lâu trong tay trước khi làm bất cứ điều gì. Mắt nhắm lại và không hôn không cử động, hai thân thể ép lẫn vào nhau trong khi bên ngoài chợ họp ồn ào phía dưới. Đêm khuya về sáng, khi mỗi một rõ rồi, chàng đưa Linh tới quán ăn mở khuya, ăn cháo nóng uống cà-phê, cùng nhìn xuống nhà ga vắng những đường sắt chạy dài loang loáng ánh đèn. Trở về phòng, không bao giờ chàng muốn ngủ, thời gian còn lại quá quý và hiếm. Nằm gối đầu lên nàng, làn da ấm phập phồng theo nhịp thở đều chàng thiếp đi một thời gian và chỉ thức giấc khi Linh áp mặt kính lạnh của đồng hồ vào má đánh thức : « Dậy đi anh : Năm giờ rồi ». Trên xe cửa kính mở gió ủa vào, chàng nhìn cánh đồng tối đen đều trống rỗng và chỉ bắt đầu thấy buồn khi thu hình trong một góc câu lạc bộ uống cà-phê sữa trong không khí xao xác của thời khắc một ngày mới bắt đầu. Hai quân nhân Mỹ cầm súng bước vào, Vận đứng dậy bắt tay, giới thiệu :

— Thiếu tá Kenney, trung sĩ Harding tức Hary. Chuẩn úy Định mới đáo nhiệm.

Chàng có cảm tình ngay với viên hạ sĩ quan ngoại quốc đang cười lớn tiếng vui vẻ, tay giơ cao chai rượu lấy trong tay sách ra :

— Black and White, được không?

Vận cười :

— Anh là cố vấn sao lại đi hỏi ý kiến tụi tôi?

Viên thiếu tá nhếch mép cười, nét mặt và dáng điệu như một nhà quý phái Anh trên màn ảnh, ngồi xuống chiếc ghế bô có mùng màn đẹp và tốt hơn mức thường. Trên một chiếc bàn nhỏ kê sát, ngồn ngang các vật dụng hành quân và cá nhân. Binh sĩ Việt hầu cận mở một chiếc rương nhỏ trắng lấy ra một chai coca cola ướp đá, giơ lên hỏi ý viên sĩ quan bằng thứ tiếng Anh sai giọng. Định quay lại hỏi bạn :

— Thiếu tá sao lại cố vấn tiểu đoàn?

— Ông ta mới lên chức tuần trước. Đã có lệnh chuyển về làm cố

vấn trung đoàn. Mai lên đường. Bọn họ mua rượu để góp vào tiệc tiễn hành tổ chức tối nay đây.

Viên trung sĩ Mỹ chỉ còn mặc áo lót và quần đùi trắng, lại bần kéo ghế ngồi, vui vẻ góp chuyện bằng giọng ngân dài và cao của người miền nam. Chàng lơ đãng nghe các đối thoại trao đổi, vợ vẫn nhún cánh tay Hardy đặt trên bàn có những sợi lông vàng óng như màu tóc. Cánh tay đột nhiên vung lên bàn một tiếng kêu thích thú :

— Ah ! Gay lắm, sir. Cô nàng chịu rồi. Bầy ngàn một tháng mỗi tuần lễ một đêm thứ năm và nửa chiều chủ nhật. Thế là vừa phải, không đắt quá. Vừa thỏa thuận xong, lại được theo tân thiếu tá đi về tỉnh... Nếu không cũng dám lỗ. Còn ở đây, một tháng họa chăng tôi mới được về một lần. Bầy ngàn chỉ có một đêm lại đắt quá !

Vận cắt ngang lời :

— Có hình nàng không, cho coi bồ !

Viên trung sĩ lại ghế bố, móc túi quần lấy ví. Định cúi xuống coi. Sau làn nhựa, một người đàn bà nét mặt nặng nề đang cười ngửa đầu làm căng lớp vải trên ngực để hở. Vận hỏi :

— Cô ta làm bar nào ? Sexy lắm, Hardy.

— Black Angel bar, sir. Quà đầu tiên nàng tặng tôi sau khi thỏa thuận giao kèo đây này. Coi lệ dùm, please ! Không thiếu tá tôi biết, ông la.

Ngón tay trở của Hardy lách xuống hất miếng nhựa, mặt sau là hình người đàn bà khỏa thân nằm buông thõng hai chân, hai tay mở ra chào đón. Vận dăng lấy, Hardy cố giữ chặt, cười lớn. Định nói :

— Lúc không mặc gì, trông khá hơn.

Một câu nói tiếng Việt xen vào :

— Cái gì mà vui vẻ vậy các bồ ? Hardy và thiếu tá về bình yên hả ?

Định quay lại : tiểu đoàn trưởng đã dậy, một tay đưa lên gãi đầu, một tay đưa ra bắt tay Hardy. Vận cười :

— Bồ của Hardy gay căn lắm, đại úy.

— Nói với hắn cho tôi coi.

Định mơ hồ cảm thấy giọng người chỉ huy có vẻ bức tức. Chàng ngừng đầu quan sát viên đại úy đang chăm chú coi bức hình khỏa thân, nét mặt lộ vẻ bức dọc.

— Bảo Hardy là hắn có số đào hoa đấy.

Viên hạ sĩ quan nghe câu Vận dịch, nét mặt đỏ bừng vui vẻ. Định mỉm cười cúi xuống, tần ngần mở tám bản đồ để trên bàn. Vị trí đồn được ghi bằng bút chì đỏ. Chàng dò theo đường tiến quân của đại đội mở đường ban sáng. Một ngón tay vụt đặt lên bản đồ tiếng tiểu đoàn trưởng :

— Sáng đụng nhau với biệt động quân ở đây. Bực cả mình ! Chẳng ra làm sao cả.

Vận chọc ngón tay vào đùi chàng ra hiệu. Định đứng dậy theo ra sân, Vận nói :

— Đại bàng sắp nổi cơn nóng lạnh rồi đó. Ngồi lại chỉ thêm mệt.

— Nóng quá. Ở đây các anh tắm ở đâu ?

Vận chỉ vách đồn phía trước mặt, một hố nhỏ có đường rãnh thông ra ngoài. Một thùng nước để sát tường, ánh sáng phản chiếu lấp loáng.

— Anh tắm thùng nước này đi. Đại đội Hy chưa về, không có ai giữ mặt sau, ra giếng của dân dám bị bắn sẽ lắm. Tuần trước có một binh sĩ bị bắn xuyên vai suýt tích trong khi tắm.

Định loay hoay không biết đặt miếng xà-phòng vào đâu, sau cùng nhét vào một ống tre vỡ vách đồn. Bên trái chàng hai binh sĩ đang lúi húi thổi cơm dưới chân lô cốt cao ngang mặt một binh sĩ ngồi xếp bằng sau khẩu đại liên. Chàng đã quen tắm trường giữa đám đông trong quân trường, nhưng nơi này, chàng tự hỏi không biết các sĩ quan có tắm như thế trước mặt binh sĩ và thượng cấp hay không. Sau cùng chàng quyết định để nguyên quần đùi, cúi xuống cầm ca múc nước trong thùng có một lớp váng loang mỏng trên mặt. Nước phơi nắng lâu nóng như muốn bỏng trên da, phủ một làn kích động trên cơ thể. Nước Hồ Tây buổi trưa hè cũng nóng tương tự, nhiều khi chàng đã phải co chân lộn xuống sâu tìm nước lạnh buốt. Những bè củ ấu do thuyền chài kết lại từng khung vuông rải rác trên hồ, chàng cùng An mỗi người một tấm ván, bơi hết khung này tới khung kia tìm trái ấu xanh, cắn ngọt như có sữa. Làn nước nóng bao phủ tạo một khoái cảm rạo rức, hai đứa ghé vào bờ nghỉ. Ngồi trên một cành cây với sà sát mặt nước, An đã đưa tay xuống phía dưới làm một số động tác. Chàng tò mò quan sát và ngạc nhiên khi thấy An đột nhiên dướn người lên, toàn thân run rẩy, mắt nhắm nghiền trong một niềm hoan lạc bí mật. Chàng cài chiếc ca lên đầu một thanh tre, cúi xuống bê thùng nước lên đội lần chót. Chàng tì đáy thùng vào vách, cổ điều khiển chiều nghiêng bằng một tay, tay kia kéo mép quần ra cho nước chảy vào làm tan lớp xà-phòng đọng phía trong. Một cái gì đã thay đổi từ ngày ấy chàng chưa hiểu rõ vì trên cơ thể chưa có biểu lộ nào của tuổi dậy thì, nhưng chàng đã bắt đầu rung động và e thẹn khi gặp Nhi, một cô gái mười tuổi con một công chức gần nhà. Và một lần đi cùng ra hồ, chàng đã thấy toàn thân như quặn luyến Nhi khi bơi từ xa vào nắm lấy chân nàng buông thõng khỏi cầu gỗ. Chàng co một chân lên, cổ đứng thật vững để mặc quần. Bộ quần áo móc trên cột sắt buộc lều nóng cứng lên vì nắng làm chàng không mặc áo, cởi trần bước vào nhà. Yên đang lúi húi quanh chiếc máy C.10 dựng ở cửa buồng truyền tin. Vận vẫn ngồi ở bàn, ngừng đầu nói:

— Đại đội của Hy sắp rút về đồn. Chút nữa tôi sẽ giới thiệu anh với Hy và Vũ. Đại úy bảo anh ở lại đồn đêm nay, dự tiệc tiễn cổ vấn Mỹ đã. Mai ra nhận trung đội của Vũ sau.

Định nói :

— Xin cảm ơn đại úy.

Tiểu đoàn trưởng ngừng đầu khỏi tầm bản đồ mở rộng trên bàn, hơi cười. Chàng cầm áo đi ra, trở lại ngồi trên ghế bố trong khu đã nằm buổi trưa. Không khí vẫn nóng, những giọt mồ hôi bắt đầu ứa ra trên ngực. Viên trung úy già ngồi buông thõng chân hút thuốc, mắt nhìn khoảng tường lở nát phía trước. Chàng nói :

— Quên không hỏi trung úy giữ chức vụ gì ở đây ?

— Coi đại đội chỉ huy. Chán thấy mẹ ! Tụi chúng nó chơi đều, đẩy tôi ra cái tiểu đoàn này. Anh cứ tin tôi đi, tháng nữa là cùng tôi sẽ rời trung đoàn này.

Chàng cúi xuống lấy khẩu carbine lãnh hồi sáng, mở cò bấm. Dầu nhớt dính đất cáu đen từng vệt dài. Chàng mở rộng tờ báo trải trên vài ghế bố, lúi húi tháo các cơ phận ra lau. Viên trung úy xoay người lại, hai đầu gối khằng khiu rung nhẹ nhẹ theo nhịp chân lắc lư :

— Anh còn thuốc lá không ?

— Dạ còn. Xin mời trung úy

— Anh biết tại sao tôi phải dời đến cái tiểu đoàn này không ? Tại tôi bồ với chỉ huy trưởng của trường. Khi ông dời đi, tụi nó bắt tôi đi luôn. Tụi đều !

Định giờ cao cơ bầm lên coi, tạo dáng điệu chú ý tới kim hỏa để khỏi phải nói. Chàng đồng ý với « tụi đều » ấy. Chàng không tra loại sĩ quan như ông già này, thứ quân nhân sống bằng nịnh bợ thượng cấp. Buổi đêm về sáng, đi hành về trên xa lộ vệt trắng lớn chạy dài mắt hút tận đằng xa dưới ánh trăng, đại đội chàng jết bết đi, mắt ngược tìm kiếm ngọn đèn đỏ quen thuộc trên đồi có quân trường. Một sinh viên sĩ quan lâu nhậu chửi thề : « Chỉ huy cái gì mà không biết sức quân ! Mới đi lính được bốn tháng, đã bắt con nhà người ta đi hành 50 cây số trong 24 giờ. Sinh viên là người chứ phải là cặc đâu ! » Hàng quân cười to trong đêm, nhiều tiếng lao nhao nhại : « Sinh viên sĩ quan là người... đâu phải là... », « Thăng Quí là người chứ có phải là cặc đâu mà các quan nữ bắt nó đi hành... » Chàng lắng nghe các câu cười đùa, thấy bớt mệt và ngọn đèn đỏ trên cột cao đã trông thấy rõ. Chắc sẽ về đến trường trước 8 giờ sáng, kịp đi phép. Chàng lấy bi-đông đưa lên miệng uống, châm thuốc. Ánh lửa bùng lên soi sáng nét mặt viên trung úy đi lăm lăm bên cạnh, bóng đen nhỏ thó từ lâu chàng vẫn tưởng là bạn đồng khóa. Tới ngã tư xa lộ, trời gần sáng, chỉ huy trưởng quân trường ngồi đợi trên xe jeep, chàng đột nhiên nghe tiếng la lối của viên trung úy : « Trình đại tá anh này ! Nó dám chửi đại tá công khai lúc này ». Quí bị quân cảnh áp tải đưa lên xe về trường nhốt, hàng quân xì xào bàn tán, dự đoán đương sự sẽ bị phạt hai mươi củ và ba tuần cúp phép. Nhưng buổi chiều đi cùng Linh ngoài đại lộ Lê Lợi, chàng đã thấy Quí vui vẻ cười với vợ. Hắn cười lớn cắt nghĩa : « Vợ tao đợi tới 12 giờ không thấy về phép, lên trường kiểm. Biết tao bị giam, bả báo ông chú và một cú tà la phôn can thiệp, đại tá cho gọi tao lên. Sau khi nghe trình bày, mặt trời mắng sơ sơ mấy mắng rồi tha cho ngay ». Quí thôi cười, hạ giọng một cách thích thú : « Giấy phép được trao liền.. Còn lão trung úy ?... Còn cái gì nữa. Lão tìm tao xin lỗi, chắc vì sợ tao nói với ông chú cho đi Cà Mau Bến Hải một phát... Thật ra tao đâu thêm thù vật mà lo ! » Từ ngày ấy, chàng ngại giao thiệp với Quí. Một con ông cháu cha như vậy tại sao còn bị động viên. Chắc hẳn cùng loại với Việt, một sinh viên sĩ quan cựu nhân viên phủ tổng thống sau khi mãn khóa hai tháng đã trở về thăm trường với tư cách thượng khách tới thuyết trình và chàng đã phải bắt súng chào mỗi tay trước khi cùng cả khóa ngồi xếp bằng trên sàn xi măng nghe những lời ca tụng

tổng thống cùng gia đình.

— Đây là chuẩn úy mới tới, đại úy.

Chàng đặt báng súng xuống ghế, đứng dậy bắt tay viên đại úy cao lớn mới bước vào. Viên trung úy nói :

— Đại úy Woòng tiểu đoàn phó. Trước coi đại đội chỉ huy tại đây.

Chàng ngồi xuống, bắt đầu ráp lại súng, hơi khó chịu với câu nói ngụ ý ám chỉ sự kiện tiểu đoàn phó mới lên chức đại úy của trung úy già. Đến đây, nơi tiền đồn rồi còn đồ kỵ. Chàng thở dài nhẹ nhõm khi nghĩ ngày mai sẽ không còn phải ở cạnh cái ông già tóc hoa râm nhỏ nhen này. Tiểu đoàn phó cởi hàng cúc áo trên ngực, cầm tờ báo quạt liên tiếp vào ngực, nói :

— Nóng quá sức. Bốn giờ chiều rồi còn nóng. Chẳng kém gì mùa hè ngoài Bắc.

Chàng thấm dầu vào rẻ, lau một lượt mỏng lên các cơ phận bằng thép, tự hỏi cái giọng lơ lơ này thuộc vùng nào ngoài Bắc, sau cùng, khi phết dầu thật nhẹ lên sắt che cò, chàng mỉm cười vì thấy đã ngu : tên là Wòng, lại ở sư đoàn này, chắc chắn phải là người Nùng hay Tầu Móng Cáy.

(Còn tiếp)

THẾ-UYÊN

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Trở về thành phố

TRẦN-ĐẠI

Những khi sắp hạ lý đề trở lại nơi dạy học, Văn chỉ gặp những lẻ loi của riêng mình. Văn trở dậy cùng với những bạn đồng học. Tiếng người gọi nhau. Tiếng cốc sắt va vào thành xi-măng. Tiếng đánh răng xoèn-xoẹt. Họ vừa mặc quần áo, vừa hỏi nhau về bài học hôm nay. Họ vừa nhai khúc bánh mì, vừa cất lời hát ông ông. Những âm thanh, hình ảnh rộn rã, tung bừng của một sớm mai trong đời sống sinh viên đập vào tinh thần. Văn cũng có mặt ở đó, nhưng sao cô đơn lạ. Văn trở về phòng lầm lũi, sửa soạn hành lý trong khi các bạn sửa soạn sách vở tới giảng đường. Văn sắp gọn gàng từng thứ một, xuống đáy sắc, tỉ mỉ và cần cù như cuộc sống đều ở dưới xã. Gõ chiếc thước kẻ trên mặt bàn, phết cho mấy thẳng học trò nghịch ngợm mấy roi. Văn xách chiếc sắc ra khỏi phòng cùng với các bạn cấp sách vở tới lớp. Một vài người bạn quen, hỏi lấy lệ.

— Đi đây đây à ?

Văn cười, gật đầu, bước theo họ. Nhưng chỉ chung một quãng đường nhỏ vài chục thước, hai kẻ hai đường. Người bạn rẽ lên giảng đường, Văn đi thẳng ra công viên. Đám sinh viên đông đảo. Một vài người bạn gái mỉm cười. Anh cũng vậy. Mà xa lạ. Hình như mỗi buổi sáng như vậy, chỉ có Văn đi ngược chiều với mọi người. Văn tự nhủ không buồn rầu. Văn chọn giờ khởi hành như vậy để cốt đánh thức anh — người đi làm — nghĩ rằng anh còn đời sống sinh viên, anh còn phải ngốn gần hai nghìn trang giấy ronéo đề thi đậu cuối năm. Văn đã tự như vậy nhưng lần nào Văn cũng thấy tâm hồn mệnh mang, thứ mệnh mang kiêu hãnh của một kẻ độc hành.

Nhưng sáng này, Văn có thể thông dong đón một buổi sáng trong thành phố như mọi người. 4 giờ chiều anh mới về dưới xã. Người bạn đã dậy và đi từ lúc sớm. Anh bạn để giấy lại trên mặt bàn. Chiều thứ bảy anh ta còn giờ, nên 12 giờ trưa đã phải ra bến xe.

Văn thay quần áo. Anh đi ra cổng chờ đón Yến.

Từng đám đông sinh viên thưa thớt dần. Giờ học gần kề. Chưa thấy Yến lại Văn quay ra xem mấy tấm bích chương dán trên tường. Một tấm bảng thông báo về trại công tác sắp tổ chức tại Di-Linh. Một bản thông cáo tin buổi hội thảo của phái đoàn sinh viên Nhật, tổ chức trong sáng nay.

Chiếc xe Lambretta đỗ xích trước cửa. Yến không tới. Hai cô bạn bé nhỏ thường đi với Yến nhìn Văn cười. Hai cô đều ăn mặc theo kiểu Tây Phương. Chiếc Jupe màu nhạt và bộ áo len đỏ chói càng nổi bật sự ngây thơ. Hai người có vẻ một học sinh trung học hơn là sinh viên. Một cô nhanh nhẩu :

— Chị Yến mời anh tới chơi. Chị đang đợi nói chút chuyện với anh.

— Thế à, có gì mà làm quan trọng quá vậy ?

Anh phác nhanh trong óc sự thay đổi chương trình đã ghi tối qua. Hay buổi chiều, khi ra bến xe, sẽ tới thăm cô bé.

— Nhờ hai cô nói với Yến. Buổi chiều anh sẽ lại.

— Chị đó muốn gặp anh ngay. Mai chị đó về Sài Gòn.

Văn cảm ơn hai cô bé. Anh ngồi trên chiếc xe Lambretta. Chắc Yến lại đỡ chứng. Xe đậu trước cửa nơi nữ sinh viên nội trú. Anh bấm chuông. Yến ra, gọn gàng trong chiếc quần Jean. Với chiếc áo cổ tròn và mái tóc ngắn, Yến giống một cô bé hơn một thiếu nữ. Văn ngồi xuống chiếc ghế. Căn phòng vắng chỉ có hai người. Những ngày Chủ nhật đầu tháng nhộn nhịp hơn. Căn phòng khách được sắp đặt bốn bộ ghế sa-lông ở bốn góc. Cách sắp đặt như vậy không thích hợp với Văn. Mỗi lần tới đây, anh lại ngạ ngẫn. Chỉ cần trông thấy khuôn mặt cười nói của mọi người với từng cánh tay dơ lên dơ xuống của các cô chủ và các ông khách — thường thường là các ông khách — Văn lại nghĩ tới câu đối của Cao-Bá-Quát anh giảng cho tụi học trò : « BẠN BÈ » dăm bảy đứa, nửa người, nửa ngọm, nửa đười ươi ». Cách sắp đặt như vậy không biết có phải để mọi người kiểm soát lẫn nhau không, nhưng, theo lời một người bạn đùa — cách sắp đặt bàn ghế tưởng chừng như thành phố hoang vu rộng rãi này thiếu nơi tỏ tình, khiến mấy đứa con trai phải tỏ tình ngay trên mấy bộ xa-lông đó.

Yến vẫn chưa nói gì. Nàng ngập ngừng suy nghĩ. Nàng hơi cúi đầu xuống, tay kéo kéo chiếc khăn mùi-xoa. Văn mở đầu :

— Yến lại định về Sài Gòn ?

— Vâng.

— Sao vậy ?

Yến lúng túng một lát. Nàng trình bày cho anh là nàng không thể ở trên này mà yên tâm học được. Nàng thấy không thích hợp với thành phố hiện tại. Những điều nhỏ nhặt về đời tư của một người, cũng thường bị soi mói. Vả chăng vì tình cảm, nàng muốn về Sài Gòn để xa lánh. Yến không dùng danh từ « chạy trốn ». Nhưng Văn hiểu là Yến muốn nói tới tình yêu mới chớm nở của nàng. Nàng phải xa người yêu vì sợ hai người không học được. Văn không phải là một người anh hùng đáng kính trọng tới độ đề nàng hỏi ý kiến. Sự bộc lộ của Yến chỉ cốt cho nhẹ bớt những thắc mắc trong tâm hồn nàng.

Văn im lặng không trả lời. Anh ngồi ngẫm khuôn mặt buồn rầu của Yến. Buồn rầu thật sự. Anh biết giải thích ra sao ? Chẳng lẽ lại đem cái xã nhỏ của anh với sự chiến đấu của người dân để tầm thường hóa câu chuyện tình thần thoại của Yến. Điều đó vô lý và vô ích. Mỗi người có một đau khổ riêng, kể cả những thứ đau khổ lãng mạng. Đem bắc lên cân, chưa chắc có nỗi đau khổ nào chịu về một bên rõ rệt. Chỉ nhìn thấy sự ngây thơ của thời mới lớn, khi đã vượt qua tuổi đó và ôm ấp nhìn lấy nó như một sự đẹp để vô ngần. Văn quay nhìn Yến, anh từ tốn :

— Anh ở lại hay về là tùy Yến. Có điều anh muốn đề nghị với Yến theo ý chủ quan của anh. Điều đó là đừng coi chuyện gì quá quan trọng cả. Tâm hồn mình mới là điều chính. Ngoại cảnh hay không gian chỉ là chuyện phụ. Yến nên tập sự chiến đấu với chính tâm hồn mình. Nhiều khi nên nhìn thẳng vào mình, ước muốn điều gì, đừng sống bằng ảo tưởng, « Chạy trốn » chỉ là một danh từ trong tiểu thuyết.

Yến tiễn Văn ra cửa. Lời nói của anh có thể làm Yến buồn rầu. Có lần Yến đã khóc khi nghe Văn trình bày về tình yêu :

— Tình yêu chỉ là một sự cảm thông. Khi không còn sự cảm thông nữa là hết. Sự cảm thông như một giọt sương đọng trên cành. Chiến đấu với tình yêu, thủ đoạn, giọt sương sẽ rơi xuống đất vỡ tan tành, cho nên không có sự chiến đấu với tình yêu... Tình yêu là một thứ ánh sáng nhưng nó gieo vào lòng người bóng tối, là trái cây ngọt nhưng đặt cay đắng trên môi, là hi vọng nhưng rất có thể mang đến thất vọng đời đời.

Sự bi thảm hóa tình yêu đó khiến nước mắt Yến đã chảy xuống. Văn buồn cười với chính mình. Những ý nghĩ của anh không phải trong sách vở, nhưng chính ở đời sống của anh. Tình yêu không làm cho anh đau đớn nữa. Chỉ còn đôi chút buồn. Yến không phải là anh. Làm sao có thể hiểu đúng được ý nghĩa của câu nói. Văn thấy rõ sự lố bịch đó. Cô bé còn được an ủi. Nhưng nếu để cho Yến nương theo mãi tư tưởng đó, thật không lợi ích gì cho nàng.

Văn trở lại viện. Lúc anh đi qua một giảng đường, Tiếng nói từ micro vọng ra. Giọng nói của Thư. Nhiều giọng nói khác, ngôn ngữ là lạ. Những người sinh viên Nhật đã bắt đầu cuộc hội thảo. Văn giờ tay coi đồng hồ : Mười giờ ba mươi. Cuộc hội thảo đã hơn một giờ, Văn từ từ bước lên bậc thềm xi măng. Anh cũng muốn vào đây tham dự một lát cho biết. Văn bước vào trong giảng đường. Tấm màn đỏ chói vẫn ngạo nghễ như mọi lần anh ngồi nghe giảng bài ở đây. Trên bục xi măng cao thường dùng làm sân khấu mỗi khi có tổ chức văn nghệ, một chiếc bàn gỗ dài. Thư ngồi ở giữa chủ tọa. Bên cạnh là hai người Văn không quen mặt. Trên bàn thư ngồi có hai chiếc giá nhỏ, treo hai lá cờ Việt, Nhật. Ở mép một góc là một nữ sinh viên Nhật. Quần áo theo kiểu Tây phương, Chiếc jupe kẻ ô vuông hai màu xanh đỏ và chiếc áo chemise trắng. Mặt cô không hướng về phía thính giả nhưng lại hướng về phía cửa trong, ngang hông giảng đường. Bên cạnh cô là một sinh viên Nhật. Anh ngồi khoanh tay lại nghĩ ngợi. Thỉnh thoảng lại ngược lên trần nhà suy nghĩ. Quần dài, xanh nhạt, áo màu đen. Một hàng cúc chạy dài từ chiếc cổ tròn che kín cho tới gấu áo. Hai cổ tay viền trắng. Đồng phục của đại học Nhật.

Phía dưới, sát sân khấu, kê song song một hàng bàn dài. Năm người sinh viên Nhật ngồi mặt quay xuống dưới đám thính giả, 3 nam, hai nữ. Còn lại là các sinh viên Việt trong ban tiếp tân. Mặt bàn được trải rộng bởi tấm khăn trắng. Trên bày mấy chai nước ngọt và một ít bánh.

Những sinh viên Nhật chăm chú ghi chép. Thỉnh thoảng họ lại thảo luận với nhau nho nhỏ. Dáng điệu của họ, như một kẻ say mê thực sự công việc trong khi sưu tập những tài liệu khảo cứu. Người trưởng đoàn xấu trai nhất, nhưng trán anh rộng nhất. Đôi mắt cương quyết sau làn kính gọng nâu to. Hai người kia trẻ tuổi hơn. Ngồi xen kẽ là hai nữ sinh viên. Cách ăn mặc như người ngồi trên bàn phát biểu ý kiến. Nhưng màu áo và màu quần khác. Một cô mập, cận thị. Nhưng một cô thật đẹp. Cô có đôi mắt sáng và hàng lông mi dài. Chiếc miệng cười thật tươi. Theo lời giới thiệu, đó là một hoa khôi của một phân khia Nhật.

Trên hàng bàn đó, Văn cũng nhận ra những người bạn quen thuộc. Chị Khánh ngồi ở một góc bàn phía trong. Một số các bạn nội trú. Phúc giữ nhiệm vụ ngoại giao, chạy đi chạy lại trên hàng bàn ấy.

Căn phòng rộng còn dư nhiều chỗ. Họ ngồi rải rác, nhưng vẫn chỉ chiếm có phần tử cửa thứ nhì trở lên. Văn đưa mắt nhìn quanh. Mấy người bạn viết báo ngồi sát ở hàng đầu : Hùng và Minh. Hai cô bé bạn của Yến cũng ngồi đó : Loan và Nga. Mấy người này cũng đều ghi chép. Bồn phận của nhà báo.

Văn chưa tìm cách lại gần. Anh đứng ngay ở cửa phòng, chăm chú nghe

lời của cô sinh viên phát biểu ý kiến. Cách nói của cô hình như để cho một đám thính giả xa xăm nào, vì cô luôn luôn hướng ra cửa. Cô chỉ quay lại nhìn vào đám đông khi dừng lời nói, nghĩ ngợi.

Người thông dịch chuyển lời cô sang tiếng Việt :

— Thưa các bạn, phong cảnh thành phố này thật đẹp hơn bất cứ thành phố nào tôi đi qua. Viện đại học cũng đẹp và bao la, cho nên tấm lòng của quý bạn cũng đẹp và bao la như vậy.

Tiếng vỗ tay rào rào. Xen kẽ có tiếng hét. Cảm giác khó chịu đầu tiên tới với Văn. Cử chỉ biểu lộ sự thích thú vì được nịnh hơn là vì lịch sự đáp lễ.

Cô nữ sinh tiếp tục nói. Cử chỉ và thái độ của đám đông vẫn thế. Văn thử nhìn xem thái độ của những người Nhật ra sao. Họ giữ nét mặt bình thản và tiếp tục ghi chép.

Cô bạn dứt lời, sau khi muốn các sinh viên Việt cho biết rõ hoạt động và cảm nghĩ tại Viện của mình. Thư tóm tắt lại tư tưởng đó, hỏi có ai muốn nói gì xin lên phát biểu vì những người Nhật yêu cầu muốn biết ý kiến của bất cứ sinh viên nào.

Văn nhìn quanh chờ đợi. Chưa có bóng dáng của ai bước lên micro. Nhiều tiếng nói lao xao ở dưới :

— Hải, Hải lên đi !

Những con mắt đổ dồn về một phía. Hải là một nhân vật nổi tiếng là hay phát biểu tư tưởng nhất của viện. Một loại gây «scandale». Năm nay tuy là năm đầu mới lên học, nhưng đã nổi đình đám. Đó là một thứ lãnh tụ luôn luôn bị đả đảo. Mỗi lần anh lên phát biểu trong giờ học là những tiếng la hét vang dội.

— Bỏ đi tám, bỏ đi tám ! Xuống ! Xuống !

Sau lần ra một tờ nội san « Yêu thương » với một truyện ngắn, không hiểu nội dung, công kích thế nào Hải đã nổi tiếng đến nỗi phải lánh mặt một thời gian và bớt phần hoạt động. Nhưng lần này nhiều lời yêu cầu quá.

Hải đứng dậy đi về phía micro, dáng điệu lừng khừng kẻ cả. Anh cầm lấy micro truyền từ tay người thông dịch, cử chỉ thật tự nhiên.

«... Tuy tôi mới tới đây lần đầu, nhưng tôi nhận thấy viện đại học của chúng tôi sống trong tình thương...»

Chữ tình thương được nhắc lại nhiều lần. Rồi chấm dứt. Tiếng vỗ tay ồn ào. Người thông dịch chuyển những lời đó sang tiếng Nhật của con người đầy tình thương mà rất tiếc nhiều người lại không ham đón nhận.

Những người Nhật ngừng bút. Họ ngược mắt lên nhìn xuống hàng ghế của sinh viên Việt chờ đợi. Nhiều bàn tay giơ lên. Thư chỉ một người. Văn không biết tên hẳn.

Hắn ăn mặc chải chuốt, quần áo sang trọng. Giọng nói kém hấp dẫn hơn Hải. Anh xin đi vào sinh hoạt chi tiết của viện Đại học. Anh mô tả các sinh hoạt : Sinh viên đại học có một hợp tác xã để in cours. Có bày tờ báo in ronéo, tặng không, không bán. Có hội thanh niên thiện chí và cái công tác xã hội.

Khi anh về chỗ, xen trong tiếng vỗ tay, tiếng một người đùa cợt :

— Mà ở hội thanh niên thiện chí, sao mà không khoe thành tích đã đào được bao nhiêu cầu tiêu ?

Văn mỉm cười. Các công tác xã hội, mà Văn đã tham dự trong suốt năm qua và kỳ hè. Đa số đều đào cầu tiêu cho người đồng ruộng, trong khi họ thích ra đồng, phóng khoáng hơn.

Còn nhiều bàn tay giơ lên, nhưng Thư đã lên tiếng :

— Thời giờ quá eo hẹp, chúng tôi xin chấm dứt mục này và tới mục đối thoại. Bây giờ các Sinh viên Việt có thể đặt câu hỏi cho các sinh viên Nhật. Những tờ giấy chúng tôi phát cho quý bạn từ nãy, xin quý bạn ghi vào, truyền lên đây, để có sự lựa chọn những câu hỏi tiêu biểu.

Những cử chỉ lời nói trong buổi họp đã khiến Văn lén vào gần sâu phía trong giảng đường lúc nào không hay. Anh dời vị trí mỗi lần một ít. Khoảng cách từ anh tới bàn chủ tọa mỗi lúc một gần, Văn bị kéo vào cuộc đối thoại. Những người Nhật với lời nói, nét nhún, đầy vẻ tự tin trước những sự dửng dưng, thiếu phản ứng của giới sinh viên Việt, khiến Văn muốn lên tiếng. Tim anh đập mạnh dần. Máu trong huyết quản anh chuyển động nóng cả cơ thể. Sự trả lời quá mau chóng về sinh hoạt của sinh viên, cách giới thiệu các sinh hoạt ấy bình thản như của một nơi đang có đời sống an bình, ở một nước thịnh vượng. Mọi người không thể nói thêm được chút nào hơn sao ? Những bản khoản đau xót về cuộc chiến. Những xao động của tuổi trẻ. Những biến đổi của số sinh viên trong một năm. Sự khác biệt của một phân khoa trong viện : Năm thứ nhất đông gấp bốn lần năm dự bị. Lẽ ra phải ngược lại. Chỉ vì lý do duy nhất : Sự bất an về tiếp tế cho tỉnh. Con đường đẹp đẽ cách đây một năm, từ Sài gòn lên đã bị đào cuốc, đắp mô. Những chuyến xe di chuyển bị chặn lại. Và người sinh viên của Viện, nếu không dùng máy bay cũng đã ngủ rừng một hai đêm. Sinh hoạt sinh viên viện đại-học này đó. Với những xao động như thế tất nhiên phải khác một viện đại học Nhật. Vì thế, nó có thể cắt nghĩa được câu chất vấn hết sức tầm thường của sinh viên Nhật.

— Tại sao các sinh viên anh không có một bộ đồng phục ?

Một bộ đồng phục chỉ có thể dành cho đại học ở một miền tương đối an-bình. Đất nước Việt còn nhiều vấn đề cấp bách cho sinh viên hơn là giải quyết

một vấn đề đồng phục. Sinh viên tiếp tục xuống đường chỉ làm thay đổi một chính phủ, chứ không làm thay đổi được đời sống của chính mình. Sinh viên tiếp tục đổ máu trong thành phố và ngoài mặt trận, nhưng nước mắt vẫn chảy xuống...

Văn đi tới cửa phía trong. Anh vòng ra ngoài để tới cửa trên. Một người bạn anh còn ngồi đấy. Anh đứng ngoài cửa gõ tay ra hiệu cho Hùng và Minh. Hùng trông thấy anh, tươi cười chạy ra.

— Cậu mới về.

— Ừ, cho tôi xin miếng giấy.

— Lấy làm chi nữa. Một chục tờ rồi. Chắc câu hỏi của cậu không tới lượt đâu.

— Cứ để xem.

Hùng về chỗ, đưa cho Văn miếng giấy trắng. Văn cảm ơn. Anh đứng ngoài cửa kê lên tường, viết câu hỏi. Anh đưa tờ giấy cho người phụ trách. Tờ giấy được chuyển đi. Trên bàn chủ tọa, Thư đang soạn các mảnh giấy đó. Hắn rút ra một tờ và đọc lên :

— Thái độ của các sinh viên Nhật đối với chiến tranh ở Việt-Nam ?

Minh cười nói với Văn.

— Câu hỏi của tôi nó « cúp » đi nhiều quá !

Người thông dịch nói lại bằng tiếng Nhật. Văn đưa mắt về phía mấy người ngoại quốc. Nét mặt người nào cũng lộ vẻ lúng túng. Câu hỏi có lẽ khó trả lời với họ. Anh biết qua báo chí những thành kiến đã làm họ hiểu sai lầm về cuộc chiến tại Việt-Nam. Nhưng họ lại không muốn mất lòng. Họ nhìn nhau. Văn thấy họ đưa mắt về người ngồi riêng ở chiếc ghế trên sân khấu, ngụ ý bảo anh trả lời. Anh kia ngần ngại, lắc đầu. Một người ở dưới còn đang phân vân. Anh trưởng đoàn ra hiệu chuyển micro cho anh.

— Chúng tôi có qua thăm dòng Bến Hải và có tới xem chiếc cầu ngăn hai miền Nam, Bắc. Chúng tôi có thấy ở hai đầu cầu, có hai toán người gác, binh phục khác nhau. Chúng tôi cũng thấy hai lá cờ khác nhau. Nhưng chúng tôi biết cả hai toán người ở hai bên cầu, cùng nói một thứ tiếng, cùng sống trên một giải đất. Điều đó khiến chúng tôi tự hỏi : Tại sao người ta không nối lại sự thông thương trên chiếc cầu kia ? Tại sao hai nước Việt không hiệp lại làm một ?

Câu trả lời, dưới hình thức nghi vấn, muốn diễn tả tại sao người Việt lại không buông súng để đi tới hòa bình. Vấn đề thời cuộc sôi nổi đã làm mất công lao của bao nhiêu nhà ngoại giao chẳng ăn nhậu gì tới nước Việt Nam. Vấn đề không còn lạ. Nhưng cách diễn tả chân thành, giọng nói trầm trầm của người Nhật khiến Văn xúc động như vừa mới khám phá ra được điều ấy. Câu hỏi đó, bất cứ một người Việt nào cũng có thể trả lời được. Là những đau khổ mà bao năm nay

người Việt phải chịu đựng. Nhưng những thắc mắc đau đớn ấy vẫn chưa được giải quyết, mặc dầu máu của « hai nước Việt » đã đổ xuống và bạn bè Văn mất đi lần lần.

Văn hy vọng cuộc đối thoại còn dài. Anh có thể cắt nghĩa câu đó cho họ biết một cách thẳng thắn. Nhưng viên chủ tọa đã vội vã lên tiếng : « Vì thì giờ eo hẹp » mục đặt câu hỏi của sinh viên Việt đương nhường chỗ cho các câu hỏi của sinh viên Nhật. Cử tọa không có ai phản đối. Văn buột miệng :

— Chưa được, phải tiếp tục nữa !

Văn thấy mọi người nhìn anh và Thư thản nhiên không trả lời. Lời nói của anh hoàn toàn lạc lõng.

Micro được chuyển xuống bàn sinh viên Nhật. Người nữ sinh viên đẹp nhất trong phái đoàn Nhật cầm lên. Tiếng ò sung sướng chạy khắp phòng, không khí hân hoan bỗng xuất hiện. Quang cảnh hết như trong dạ hội, khi một người đẹp bất thành linh có mặt.

— Tôi là một sinh viên học về giáo dục. Và theo quan điểm của riêng tôi : Vấn đề giáo dục là một vấn đề vô cùng quan trọng, nhất là vấn đề giáo dục xã hội. Vậy tôi xin các bạn trả lời giúp tôi : chiến tranh có liên quan gì với giáo dục không ?

Câu hỏi bất ngờ quá. Toàn thể khựng mặt ra. Người thông dịch nói xong câu đó, cũng hất hàm xuống đám thính giả :

— Hóc đấy nhé !

Cuộc hội thảo chớp nhoáng và thái độ của những người có mặt làm máu Văn chạy mạnh hơn. Đầu óc anh xoay tròn trong suy nghĩ. Anh cố tìm câu trả lời hai nghĩa để móc lại câu hỏi xa xôi đó. Đang nói về vấn đề chiến tranh và, sang Việt Nam một phần để tìm hiểu vấn đề đó, không lẽ người sinh viên Nhật lại muốn đo kiến thức của sinh viên Việt bằng một đề luận. Văn bị cuốn thật sự vào cuộc hội thảo. Anh giơ tay lên phát biểu. Nhiều bàn tay khác, Văn không được chỉ định.

Tiếng vỗ tay vang dội. Cô bé, bạn của Yến, đầy mặt gỗ của chiếc ghế liền, bước lên phía micro. Thân hình nhỏ bé và khuôn mặt non nớt. Nhiều người ngạc nhiên. Câu trả lời của cô bé gồm những danh từ nói về vấn đề ý thức hệ và giáo dục. Câu trả lời không làm cử tọa hài lòng. Nhiều tiếng ồn ào. Viên chủ tọa lại lên tiếng chấm dứt phần đặt câu hỏi của người Nhật. Tiếng ồn ào lại nổi lên nhiều hơn. Nhiều tiếng phản đối :

— Chưa được, chưa được, phải hội thảo thêm.

Anh chủ tọa hơi ngần người ra một chút. Trước áp lực của tiếng la ó, anh quyết định được trả lời thêm.

Vấn giơ tay, anh gọi người chủ tọa :

— Thư, Thư !

Chủ tọa liếc nhìn Văn và giơ tay chỉ một người khác. Toàn cùng ở sát phòng với Văn bước lên. Cặp kính cận sáng long lanh. Đầy vẻ trí thức. Câu trả lời vẫn quen thuộc. Nhưng anh thêm :

— Chiến tranh ảnh hưởng tới giáo dục vì nhiều giáo sư và sinh viên chúng tôi phải đi Thủ-Đức ! Nhưng tôi tin rằng chúng tôi có tinh thần « dân tộc » và « dân tộc » chúng tôi sẽ hùng cường.

Hai tư tưởng không ăn nhập với nhau. Toàn vừa phát âm ra danh từ « dân-tộc », tiếng vỗ tay ầm ầm. Mọi người có cái thích thú của kẻ được gãi đúng chỗ ngứa. Nhiều tiếng hét tán thưởng :

— Phải rồi ! Phải rồi !

Hình như họ chờ đợi danh từ « dân tộc » từ bao nhiêu thế kỷ, nay mới có người nhắc tới...

Vấn chậm rãi bước xuống từng bậc thang của giảng đường. Bàn chân nặng nề trên nền xi măng. Thân thể và tâm hồn đều mệt mỏi. Những giây phút cuối cùng của cuộc hội thảo còn quấy lộn trong óc. Khuôn mặt của anh chủ tọa bần khoản. Không biết có nên kéo dài buổi họp hay không ? Anh ngần ngừ nhìn xuống trông chờ phản ứng. Nhưng danh từ « dân tộc » đã thỏa mãn tinh thần yêu nước của mọi người. Tất nhiên cuộc hội thảo phải chấm dứt. Nhiều tiếng nói ở dưới :

— Thôi, thôi dài lắm rồi ! Thế là đủ rồi !

Ngôn ngữ Việt Nam đã quá đủ để diễn tả tinh thần « yêu nước » ấy. Nhưng muốn tỏ cho mọi người biết, người Việt Nam rất thạo sinh ngữ, họ bèn biểu diễn một thứ ngôn ngữ quốc tế. Những bàn tay của họ xoa xoa lên bụng, bộ mặt nhăn nhó chứng tỏ cái dạ dày của họ chán ngấy cuộc hội thảo ở giảng đường và muốn xuống phòng ăn hội thảo cho ấm cúng hơn.

Thông cảm với ngôn ngữ đó, mấy người Nhật gật đầu và mỉm cười. Những chiếc mỉm cười đó khiến Văn muốn mỉm cười, cũng không mỉm cười được. Văn rút một điếu thuốc ra hút để giữ bình tĩnh, nhưng anh cảm thấy rõ đầu ngón tay của anh run lên.

Vấn ngừng mặt lên nhìn trời. Qua hai hàng cây cao vút, mây trắng bay nhẹ nhẹ trên bầu trời xanh dịu dàng. Thành phố yên tĩnh và đẹp đẽ quá. Tức giận lắng xuống dần dần. Văn thong thả ngắm mặt hồ ở phía dưới thung lũng. Anh đợi mấy người bạn cùng ăn cơm. Nắng bay nhẹ nhàng trên ngọn đồi trước mặt khô héo, càng làm nổi bật những luống rau xanh. Văn thường tìm cách kìm hãm sự tức giận của mình bằng cách hướng mình trong trạng thái lơ đãng của cảnh vật. Cảnh vật

không bao giờ phản bội. Mọi sự rồi cũng sẽ qua đi. Nghĩa lý chỉ chuyện xảy ra vừa rồi. Mà tức giận với ai? Vô ích.

Đã nhiều lần Văn chứng kiến cử chỉ của những bạn đồng học. Những buổi trình diễn văn nghệ không bao giờ là không có tiếng la hét. Cũng trong giảng đường này, tiếng hét nhiều lần dội trên bao lơn cao ở đằng sau. Nhiều người quay mặt lại. Những bộ mặt thản nhiên, bất cần. Có lần, trong buổi diễn thuyết về dân-ca, tiếng đập bàn, đập ghế thỉnh thoảng theo nhịp hát quan họ Bắc Ninh, như theo một điệu Twist. Nơi diễn thuyết đã biến thành một phòng trà không hơn không kém. Một người bạn gái đã nhận xét về thái độ ấy: « Họ là những người mất tư cách, nhưng họ mặc cảm về sự mất tư cách ấy, nên họ muốn tỏ ra là những kẻ anh hùng. Khi họ muốn tỏ ra anh hùng họ càng mất tư cách hơn ».

Những lần đó, Văn đứng đưng. Lần này, trước mặt người ngoại quốc, Văn đau xót thực sự. Mặc dù những người Nhật kia chẳng có một khả năng nào để phân xét về đám sinh viên Việt Nam. Nỗi ngượng ngập đó không biết bắt nguồn từ đâu nhưng nó hiển hiện trong Văn và làm Văn bứt rứt.

Văn đứng yên như thế đã mấy phút. Chưa thấy mấy người bạn xuống. Anh quay lại nhìn. Đám đông còn bu quanh trước giảng đường. Hình như có chuyện gì xích mích. Văn quay trở lên, tìm Ngọc và Minh. Trước mặt Văn, một người đang vung tay lên phân bua với mọi người: ông ta được mời tới để thông dịch nhưng mới được một hai câu thì bị đuổi xuống vì người thông dịch của phái đoàn hướng dẫn bước lên thay thế ông. Tại sao lại có chuyện làm tổn thương tới danh dự của ông như vậy, Văn thấy mọi người can ngăn ông ta và những bộ mặt của các người Nhật ngơ ngác...

Mấy người bạn bảo anh ở lại để dự cuộc hội thảo tối. Văn ngần ngừ. Anh chưa quyết định. Sáng mai còn dẫn tụi học trò đi thăm kè đá. Nếu ở lại, chuyển xe sớm nhất, đưa anh về xã cũng không kịp giờ hẹn với tụi học trò. Nhưng cũng muốn ở lại. Đôi điều ưu uất chưa nói ra. Tối nay có thể phát biểu dễ dàng.

Ăn cơm xong, Văn trở về phòng. Anh sắp sửa lại hành lý sẵn. Xếp gọn gàng xong mấy thứ cần dùng, anh chạy tới phòng Hùng, mượn hắt chiếc quần jean, dùng cho sáng mai. Hắt lục trong tủ đưa cho anh. Anh cầm lấy đem về phòng. Rồi chạy ra công viên, anh xuống phía dưới dốc để đưa đồ và lấy ít quần áo đã giặt xong.

Lúc Văn ra tới công viên, đám đông vẫn còn đấy. Mấy người Nhật sửa soạn lên xe về nơi tạm trú. Câu chuyện xích mích vì có sự trật khớp khi tổ chức, tạm dàn xếp xong lúc tan buổi hội thảo được vẫn chưa giải quyết.

Người thông dịch được mời tới, nhưng không được làm nhiệm vụ, vẫn còn đang uất ức tố cáo với mấy người Nhật. Hai cặp mắt dưới làn kính cận lò dò

Chiếc môi dưới mỏng, chìa ra. Thái độ của hắn thật giống mấy tên thơ lại thời Pháp. Thật là khôi hài, khi hắn đem chuyện đã giải bày với mấy ông Nhật mặt non choẹt với một cử chỉ tin cậy. Bên cạnh hắn là người thông dịch từ nãy cũng đang phồng mang, trợn má lên cãi giã. Còn anh trưởng ban tổ chức đứng yên ở ngoài nhìn, như một kẻ không có trách nhiệm. Mấy người Nhật giờ tay can cả hai bên. Thái độ lịch sự và kè cả.

Vấn lại gần Thư :

— Tại sao cậu không can thiệp vụ này. Cậu tổ chức mà cậu đứng đưng vậy ? Thư bước lại gần đám đông. Nhưng không kịp, người bạn của người thông dịch đã quát to :

— Tôi phụ trách trong phái đoàn hướng dẫn, tôi có toàn quyền về vụ này. Yêu cầu anh đi chỗ khác.

Tình thế quá gay go. Trong khi người thông dịch đã cởi áo Veste, vất vào trong xe, và sẵn tay lên. Tên thơ lại lần mất, hắn lùi thủi đi xuống dưới dốc...

Vấn trở vào Viện với Thư. Anh nói với Thư :

— Cuộc tổ chức hôm nay thế là nát bét rồi !

Thư cười chế diễu :

— Ông bạn phê bình ghê quá !

Có lẽ Thư nghĩ đến buổi hội thảo đã thành công vì nó diễn ra êm đẹp, lại có đầy đủ tặng phẩm kỷ niệm cho từng sinh viên Nhật chẳng ?

Vấn không tức giận nữa. Quang cảnh vừa rồi anh bắt gặp, cử chỉ thản nhiên của người trưởng ban tổ chức, chỉ cho Vấn có quyết định dứt khoát. Ở lại nói thêm vài lời với « cuốn phim vĩ đại » lần lượt xảy ra suốt từ sáng đến giờ, chắc chắn nó cũng rơi vào sự trơ trẽn thô thảm, như mấy cái huy hiệu, và mấy gói tặng phẩm đẹp đẽ kia.

Con đường dẫn Vấn về phòng, với mọi người thật lẻ loi. Vấn hiểu ngôn ngữ của anh, phát biểu bây giờ về cảm nghĩ của bạn bè, càng đẩy tâm hồn anh đi xa lắt với họ.

. . .

Chiếc xe lambretta lắc lư qua khoảng đường gồ ghề. Bụi bay lên mù mịt. Trước mặt Vấn là một người đàn ông. Mặc dù trời nóng, ông ta mặc một chiếc áo da. Miệng bịt chặt bởi một chiếc khăn mùi xoa. Nếu ông ta bị trói thì đúng là một thám tử bị bắt cóc. Bên cạnh Vấn là một người đàn bà Thượng. Tay bà bồng một đứa con. Đứa nhỏ đen trũi ngủ yên lặng. Bà cũng yên lặng đưa mắt về dãy núi bên đường, lơ đãng. Nắng chiều vàng vọt. Xe chạy rì rì. Tuấn buồn ngủ. Nhưng anh không nhắm mắt được. Cuộc hành trình thật mệt mỏi.

Tới một căn nhà tranh, người đàn ông kêu xe đỗ lại. Mấy đứa trẻ từ căn nhà chạy ra. Đứa nào cũng ăn mặc bẩn thỉu, gầy gò, nhưng tay chân chúng nhanh nhẹn. Ông ta chưa bước xuống xe vội. Dáng điệu chậm chạp, từ tốn. Ông cởi chiếc khăn mùi xoa ra, rũ xuống đường. Cả một tãug bụi tích trữ trong khăn bay tứ tung Xong, ông dùng khăn lau chiếc áo da. Bụi rơi lả tả. Chiếc khăn lướt tới đâu ghi lại vết tới đó. Một lát, lớp bụi bao phủ quay áo đã được thanh toán. Chỉ cần nhìn số lượng bụi ấy, Văn có thể đo được số lượng anh hít vào trong phổi.

Ông nhảy xuống đường, vừa trả tiền vừa nói :

— Ủi dào, êm hơn xe ngựa một chút !

Ông dắt mấy đứa con vào nhà, bọn chúng nhầy cẳng lên tranh nhau gói quà ở tay ông. Chiếc xe lambretta rồ chạy. Lưng Văn va vào thành xe vì anh mãi ngắm ông ta và mấy đứa trẻ.

Chiếc xe tiếp tục chạy. Khoảng đường bụi này, cũng như con đường đêm qua, Văn trở về hồi hỏ, anh đã qua nhiều lần. Nhưng ba chiếc xe chở phái đoàn sinh viên Nhật từ này vượt qua anh. Có lẽ họ đi thăm đập nước, rồi trở về qua đường này — mới qua đây lần đầu. Làm sao họ có thể hiểu được tâm trạng của những người Việt và cuộc chiến. Tâm trạng của một người theo về ngành giáo dục, đang du lịch và thưởng ngoạn sự đau khổ của một dân tộc, dù muốn hay không cũng phải khác xa với tâm trạng của anh, một người đi dạy học băng qua quãng đường đầy bụi này.

Chiến tranh có liên quan gì tới giáo dục không ? Câu hỏi muốn nói tới cuộc chiến ở Việt Nam như một cuộc chiến vô ý thức. Một cuộc chiến sở dĩ xảy ra giữa người Việt với người Việt là vì thiếu giáo dục. Vấn đề đặt ra không có gì mới mẻ. Chiến tranh dĩ nhiên sẽ làm cho — không cứ riêng gì giáo dục — mà cả một nền văn minh bị tàn lụi. Nhưng, giáo dục có liên quan gì tới chiến tranh ? Điều đó chỉ tương đối. «Chế tạo ra máy bay, cũng chưa chứng tỏ được sự văn minh». Những người Việt chịu đựng hơn hai mươi năm chiến tranh, họ thấy những kẻ gây chiến hiện diện trên đất nước thân yêu là những kẻ nào ? Tiếng súng bắn vào Đà Nẵng, tiếng súng nổ này 9-3-1945 với danh nghĩa giúp người Việt, tiếng súng của một đồng minh chiến thắng, tới tước khi giới ở miền Nam, để giúp cho người da trắng tiếp tục hiện diện trên mảnh đất đau thương này, đó là của những kẻ được giáo dục vào bậc nhất.

Mấy người sinh viên Nhật lớn lên trong bình yên của một cường quốc làm sao hiểu được. Khi nhìn thấy giòng sông ngăn một nước Việt thành hai Việt, với hai lá cờ, làm sao họ rõ đó là một thảm kịch tất nhiên họ phải xúc phạm tới những đau khổ trong thảm kịch ấy.

Nhưng cũng chẳng thể đứng ở cương vị của người trong thảm kịch mà mĩa mai họ. Những cuộc tiếp xúc để tìm hiểu dân tộc này ở những không gian nào ? Ở giảng đường sáng nay với cuộc hội thảo qua quýt với thái độ của sinh viên Việt chỉ làm họ vững chắc thêm thành kiến. Muốn hiểu về dân tộc đó, phải về những vùng có tiếng súng nổ, có những thoi thóp, có những chiến đấu khốc liệt, và người dân trong vùng đó là những kẻ duy nhất có đủ thẩm quyền để cho họ biết ý nghĩ của họ về thảm kịch dân tộc. Nhưng những vùng đó, ngay chính những sinh viên Việt nhiều khi chưa đặt chân tới, nói chi tới những người Nhật. Văn vẫn thắc mắc tự hỏi : tại sao bạn hữu của anh lại có những cử chỉ và thái độ như vậy. Những đôi mắt của họ chăm chú nhìn sang hai bên đường, ngạc nhiên ngó lại chiếc cầu đồ và chiếc xe chở Tuấn ở đằng sau, đã trả lời cho Văn câu hỏi ấy.

Có một lần, sau một cuộc hội thảo ngoài trời, ở đây, Văn đã nghe một người **than thở** :

— Chiến tranh đã tràn lan tới vùng này, với những con đường bị đào xới, những chiếc cầu bị phá hoại.

Người bạn luôn luôn ở trong thành phố, nên quá hoảng hốt. Thực ra, khoảng đường hư hại vì xe qua lại, nhiều quá, và chiếc cầu đồ vì vụ nước lụt năm ngoái. Lời nói và những tia nhìn kia đã cho anh rõ. Cái vị trí của bạn hữu anh là ở thành phố, là ở giảng đường, là chữ nghĩa. Và chữ nghĩa danh từ đã đánh lừa họ. Họ yêu quê hương tổ quốc bằng những danh từ. Như danh từ « dân tộc » chẳng hạn. Tình yêu đó khác xa với tình yêu của lũ học trò anh ngày ngày cong lưng đồ hơn trăm gánh nước trên thửa ruộng của gia đình chúng

Bây giờ, Văn đã hoàn toàn bình tĩnh, anh chỉ còn thấy hơi thoáng thoáng buồn. Khi ba chiếc xe chở phái đoàn Nhật, bỏ rơi chuyển xe chở Văn ở đằng sau rồi, hình ảnh đêm qua anh trở về, những chuyện xảy ra hồi sáng, con đường anh vượt qua, cho Văn thấy rõ vị trí của mình. Anh hiểu tại sao mỗi lần về thành phố, anh lại thấy mình xa lạ với bạn hữu. Từ nay, tuy anh cùng đám người trên cùng đi một con đường, nhưng Văn biết con đường của Văn được dẫn tới một ngã khác : Chiều nay anh có thể bình tâm, hút thuốc trên lan can gỗ, ven quốc lộ, ngắm bức tượng đá cao hơn mười thước do dân xã khiêng đặt lên đỉnh núi chót vót trước mặt, và, sáng mai anh sẽ dẫn tụi học trò nhỏ của anh vào thăm kẻ đá...

Trích : (Giữa hai vùng đất

TRẦN ĐẠI

Lá thư Thụy-Sĩ

(xin xem B.K.T.Đ. từ số 223)

Phải thành thực mà nói với em rằng trong những nơi chị có dịp đi qua, Thụy-Sĩ là miền đất chị mang nặng cảm tình và có kỷ niệm cực kỳ êm đẹp. Trừ có mỗi tòa lâu đài Chillon còn đầy chứng tích thời phong kiến làm chị sợ, dọc theo hồ Léman kể từ Vevey, Montreux, Lausanne dẫn đến Genève, nơi nào cũng đem lại chị sự thân mật, tươi mát, cái cảm giác nhẹ lâng, thoải mái của một miền đất Thanh Bình.

Nơi đây thiên nhiên hòa hợp với văn minh cơ khí như nhà nghệ sĩ khéo tay. Thành phố không nặng nề buồn bã như Anh quốc, không vĩ đại như Ý quốc, không cầu kỳ, tỉ mỉ như Pháp quốc và cũng không khô khan, bụi bặm cùng phoir trần trước mắt du khách những cảnh bẩn mắt, xe lòng, kém vệ sinh của Tây Ban Nha.

Sự tin cần lan tràn cho đến nỗi chị có cảm tưởng rằng dù là kẻ gian manh nhất đặt chân vào Thụy sĩ cũng không đủ can đảm ra tay. Điều đặc biệt trong những thành phố ấy là dù rắp tâm tìm kiếm chị không hề được gặp nam nữ thanh niên sống lối chán chường buông thả như dưới gầm cầu sông Seine của đất Pháp. Dân địa phương đã vậy, còn từ xa tới, — nếu có — họ cũng lẫn vào các du khách « bình thường » khác, kín đáo và nhã nhặn. Những kẻ tự xưng là sinh viên, nghệ sĩ miệng còn hoi sữa mà đã học thói anh chị gầm cầu, bọn con trai tóc dài phủ vai như thanh niên đất Anh, bọn con gái húi ngắn như nữ sinh xứ Pháp; tất cả đều mất vẻ vênh váo sổ sàng, đều trút bỏ dáng bộ chán chường mệt mỏi.

Khi cần tiền họ chịu khó ngồi xếp xuống vỉa hè, những sinh viên thật và giả ấy—chăm chỉ vẽ lên mặt đường những tranh bằng phấn màu rất có hồn

rất tỉ mỉ, đường nét rất hòa hợp, ưa nhìn chứ không phóng bút theo lối lập dị bao giờ. Ngay cả đến những hàng chữ xin tiền khách bộ hành cũng rất đối hiền hòa nhũn nhặn. Đại khái như sau : « Chúng tôi là sinh viên ngoại quốc nghèo, đi ngang đây thì hết tiền, xin quý ngài vui lòng giúp đỡ cho, để chúng tôi có thể « làm » trọn cuộc hành trình. Muôn vàn cảm tạ ! » Có anh lại cần thận viết hai chữ « cảm ơn » bằng đủ bốn thứ tiếng : Anh, Pháp, Đức, Ý và đặc biệt chỉ hai tiếng cảm ơn thôi, còn cái câu dài dòng văn tự trên kia thì luôn luôn hoặc tiếng Anh, hoặc tiếng Pháp.

Tại Lausanne, chị muốn nhận được nụ cười rất tươi của nhân viên trong Selfservice, tiếng cảm ơn nồng hậu của gã thu ngân, kể nào nhiều mặc cảm tự ti đến nơi này cũng không thấy mình bị coi thường, coi rẻ đâu, Lê ạ !

Lòng thanh thản cho đến nỗi đôi khi chị muốn tháo giày, cởi phăng áo choàng vút bừa lên thảm cỏ xanh tươi mát, chạy tràn về phía trước mặt không cần biết con đường đó dẫn dắt đến đâu, y như lúc về đồng quê ở bên ta chị thường làm vậy cho bỏ những ngày tù hãm, bó chân trong thành phố.

Mà rồi, Lê ạ ! cái cảm giác thích thú đó cũng không để chị yên thân. Chị là một người kỳ quái nên lúc nào cũng cật vấn mình : « Sao ta vui thích thế ? » y như khi chị buồn khổ vậy. Rồi ký ức chị làm việc, làm việc không ngừng.

Chị nhắm kín hai mắt lại, hồi tưởng lúc ngồi trong chiếc phòng sắt có những khung cửa kính ngang tầm mắt, nhìn ra phong cảnh bên ngoài, nhớ lại lúc cái phòng đó lao vun vút, lơ lửng giữa không trung êm ả ; rồi mỗi khi chiếc phòng đi ngang cái cột sắt thì sợi giây cáp trên đầu mình lại nghiêng lên nghe « kèn kẹt » cả phòng, chòng chành đảo mạnh như sắp rớt ! Những lúc đó, Hà ngồi bên quan sát nét mặt chị, cười diễu mà rằng : « Trông chị y như con trẻ được quà ! Chị không biết chán hay sao chứ ? »

Thật thế, chị đã đi Téléphérique nhiều lần ở những nơi khác, nhưng chị thấy ở Thụy sĩ đi thích hơn nhiều. Đi mãi Télécabine chị bèn xoay qua nếm thử Télésiège.

Đi Télésiège vừa thích hơn vừa rẻ tiền hơn télécabine. Nếu Lê muốn, chị sẵn lòng đưa em đi một chuyến, dĩ-nhiên bằng tưởng-tượng cho vui.

Trước hết, em nên nghe chị vút quách đôi giày cao gót đi cái đã. Phải mặc cho gọn gàng, vì trên núi chẳng ai ngấm cô đâu và nhất là chớ quên mặc cho đủ ấm, những nơi đó cao từ hai ngàn đến bốn ngàn thước là thường, có nơi năm — Từ thành phố mình phải đi làm hai, ba chặng : tàu hỏa hay bus chỉ đó để đến ga nơi chân núi. Tại đây mình lấy vé đi một thứ tàu lên



Télésiège

dốc (cable-train) như tàu đi Đà Lạt nhưng dốc dựng ngược kia. Đoạn lại phải cuốc bộ rất lâu, rất dài đường, ngoằn nghèo quanh co một lát nữa mới đến. Hôm nào sương mù nhiều, cách nhau 10 thước cũng không nom rõ mặt nhau kia, Lê ạ ! Mua vé xong đứng chờ dốc và nhìn lên thấy những chiếc ghế treo trên giây cáp cách khoảng nhau độ non 20 thước cứ chạy đều vùn vụt, mình còn đang lo lắng không biết sẽ « lên » đó bằng cách nào vì không thấy người phụ trách giữ ghế lại (như họ thường kéo chiếc cabine lại khi mình xuống hoặc giúp mình mở cửa, đóng cửa, đẩy ra khi mình lên) cho mình lên thì hấn ta đã làm lì ra hiệu cho mình đứng quay lưng lại, đặt chân đứng vào hai cái khoanh vẽ sẵn trên nền đất, mình chỉ biết làm theo như cái máy, thỉnh thoảng hét lên một tiếng, một tiếng « hé » không có nghĩa chi cả, trong lúc cái ghế không lao tới bên mình và nhanh như cắt hấn xô ập rất mạnh vào lưng mình một cái, chiếc ghế lập tức vót trợn mình như cái vá múc canh vót chiếc bánh trôi và tiếp tục lao đi. Hấn xô mạnh cho đến nỗi đau điếng người nhưng chớ xuýt xoa chi, hãy coi lo gài cái cây chắn trước ghế ngồi như khi con ta ngồi vào ghế ăn thì ta gài cây chắn vậy. Nếu không ? em hỏi ? nếu không em có hy vọng lăn tồm xuống vực sâu, chớ trách chị không báo trước.

Xong đầu đẩy em cứ tự do ngắm nghĩa trước mặt, sau lưng, tả hữu, không ai cấm đoán chi đâu. Vâng! lạnh thật, buốt cả tay dù đã có mang găng. Từ dưới thung lũng có tiếng leng keng, leang keng của vài con bò đốm trắng đeo chuông đang gặm cỏ vang lên; trên đầu mình dây cáp sắt chạy nghe xào xạc, xào xạc như tiếng mưa đổ mau trên mái lá, những giọt mưa thu mong manh nhè nhẹ rây đều.

Trước mặt và sau lưng mình những chiếc ghế không người ngồi thì nhau chao qua chao lại giữa khoảng không lạnh canh, lạnh canh đến vui tai. Mình sắp thả hồn phiêu du đây đó trong chốc lát nhưng chiếc ghế mình đang ngồi bỗng vồng một cái y như chiếc xe đồ gập quăng đường xấu, nảy tung lên, lắc lư mạnh sau một tiếng « rẹt » kéo dài, mình vội nhìn lên mới hay rằng ghế đang chạy qua cái cột sắt, ô! ghế buộc cứng trong giây cáp không chạy được mà là dây chạy đấy thôi.

Càng lên cao nhìn càng đẹp mắt, rải rác trên lối mòn phía dưới những người leo núi đang bám vào sườn núi y như lũ nhái bám vào những thân cây sù sì to lớn. Có người còn đứng dưới đất, đang kéo thử dây, đang tháo những gút thắt hoặc đang buộc, có người chạy qua, chạy lại dáng bộ nhanh nhẹn, thoăn thoắt, đồ trang bị chiu nặng trên vai, tạo một quang cảnh lạ mắt và ngoạn mục. Hãy chào họ bằng tất cả các thứ ngoại ngữ nào em biết (người Thụy Sĩ vốn biết nhiều thứ tiếng) họ sẽ vui vẻ đáp lại em. Song nếu thấy ngượng, cứ lơ đi để khỏi gặp tia mắt tinh quái của ông râu bạc kia, Lê ạ. Mà chị nghĩ cũng chẳng việc gì phải ngượng, phải không Lê? Tại xứ mình đang đánh nhau, không leo núi được đấy chứ, mình thì can đảm kèm ai? A! mình có bạn đồng hành rồi kia: bà cụ tóc trắng ngồi bên cô áo vàng sau lưng mình đó, chắc họ mới lên. Chậc! cao quá đổi. Đi như thế này tha hồ thở không khí trong sạch của núi rừng, tha hồ nghe, tha hồ ngắm mà lại thú ở chỗ ròn rợn, ghê ghê nữa chứ. Trong một phút chị cố ý ngông cho là mình can đảm hơn bọn người leo núi, vì nếu dây cáp đứt bất ngờ thì... ôi chao! mình lao vun vút giữa không trung, họ trèo từ tắc một, mùi gì? Cao thật chứ: trước mặt, sau lưng mây che kín hết, cô gái và bà cụ chẳng thấy tăm đâu, há miệng thở, hơi bốc ra như khói thuốc, mặt trời vùng ra khỏi tầng mây dày kịt, le lói chọc thủng màn sương, trông như ánh sáng xuyên qua bức màn bằng voan trắng.

Sắp đến trạm trên rồi, lo mở cây chắn ra và chuẩn bị đi thôi, coi cái bộ dạng cau có của ông già phụ trách kia, eo ơi! ông ta đứng hờm sẵn, lời tuột mình ra khỏi ghế một cách thật vũ phu, y như mụ vú vô lương lời con

bà chủ vô lương !

Đau nhưng vui, em muốn gì hơn ? bây giờ hắt dạo quanh núi chơi một vòng khéo ngã, đoạn vô trong quán coi có món gì xinh xinh, nho nhỏ và rẻ thì mua làm kỷ niệm và ăn qua chút ít kéo dài. Chớ ngần người thể khó coi lắm Lê ơi ! cô ấy chẳng bị rách quần rách áo như em tưởng lắm đâu. Bốn miếng vá to tướng nơi khuỷu tay và ở mông là cốt chúng che chỗ cho áo quần đấy, chừng leo núi xong, họ lại tháo ra ngay.

Thôi, ta trở xuống. Lại chuẩn bị : đứng vững, nhìn tới trước, đừng run. (Ông già này cau có lắm đấy, chắc tại lạnh, đừng vớ vẩn, ông ta phát khùng lên thì khốn). Lại bị xô một cái đau như trời giáng, lại lo gài cây chắn. A ! ta xuống núi ! cầu cho đường dây dài dài ra một tí, chuyển đi này ta nhớ đời đời. Đừng nghĩ lúc đến trạm bị lôi tuột nhá, nghĩ thế hãi lắm Lê ạ ! Cứ thưởng thức, cứ thưởng thức ! Dù sao, chị phải công nhận ông già kia, ông không niêm nở gì nhưng cái cách ông ta lôi ra, ầy vào thì rất là « lương tâm nghệ thuật », chứ không ầu như anh chàng dưới trạm chính kia : hắt làm mình tưởng sắp treo xương sống đến nơi. Tuy nhiên, mình vẫn thích ngồi trên ghế lạnh ngắt, lộ thiên thế này hơn là ngồi trong cái phòng sắt kín bưng dù phòng đó có vẻ an toàn và có cửa kính để mình nhìn quanh đôi chút. Thôi bây giờ xin trả em lại cho Saigon đầy bụi và tiếng động.

Chuyến đi hồi tưởng xong rồi chị vẫn còn thích thú song sự thích thú đó không át được thắc mắc đang ám chị. Chị muốn tin rằng mình ưa Thụy Sĩ vì Télésiège : mình được lên cao và lặn trong mây, vì phong cảnh thiên nhiên ở đây rất đẹp, vì hồ Léman nổi tiếng, vì con người ở đây hiếu khách, hiền lành và tầm mắt không bị vướng bởi bọn người lập dị, tại đây Đói, Nghèo, Dốt nát và Cô độc không giương móng vuốt dọa trẻ, đe già như vài nơi chị đặt chân qua. Song trong chị, một tiếng nói cất cao, bẻ lại :

— Không hắt thể ! không chỉ thể ! nhớ lại đi !

Tra vẫn mình hoài chị đắm mê, vả lại chị còn ham nhìn ngắm, thưởng thức, quan sát, ghi nhận... kéo nghìn năm một thửa biết bao giờ được đi lại lần nữa mà phí phạm những ngày giờ đáng quý đó ? vì vậy mỗi lần bị tiếng nói yêu quái kia thôi thúc chị liền tự hện : « Thong thả, rồi hắt nghĩ tới vội gì ? »

Thế là đến tận ngày chị lên tàu rời Genève chị vẫn chưa tìm ra nguyên cớ.

Bỗng từ dưới sân ga một cô gái xinh xắn bước lại gần chị, vừa đi cô vừa nói chuyện với một người đàn ông đứng tuổi. Giọng nói cô mới thanh và

Ấm làm sao ! trông đáng đáp lại càng giống một người chị gặp, người đó ở đâu nhỉ ? Chị hỏi Hà và cô em họ nhanh nhẩu đáp :

— Chị chóng quên thế, cô ta giống cô Hường dẫn viên trong B.I.T. (1) chứ giống ai !

A ! cô hướng dẫn viên trong B.I.T. ! chị nhớ ra rồi, thật dễ dàng như mình vừa tháo được gút đầu trong cuốn chỉ rối. Chính cô ấy, trong khung cảnh ấy ! vậy mà chị cứ lang quanh tìm nhớ chuyện đầu đầu. Trong giây phút chị như sống lại buổi sáng đẹp trời, buổi sáng chị với Hà lại thăm B.I.T. đó, chính cô gái xinh xắn và có giọng nói êm như ru, như cô gái này, đã đưa chị đi khắp các phòng dừng lại trước tất cả tặng vật, tranh ảnh, cắt nghĩa từng chút một. Nào cái lọ cổ bằng đồng kia của Nhật tặng, tấm thảm này là quà của vị quốc vương vừa phế bà hoàng vì tội không sinh nở. Bốn phía tường của phòng họp nọ thì bao quanh bằng da một loài thú... không phải là nai, cũng không phải là cừu đâu ạ ! chắc ! tôi chịu ! tôi xin lỗi không biết rõ tên loài thú đó, song quả là tuyệt đẹp, tôi cũng nghĩ như bà ! » cô ta cười rất tươi nói vậy khi chị hỏi. Cô nhanh nhẹn, nhã nhặn và vui vẻ làm chị đến say mê.

— Thưa, đúng vậy ! trong khi họp, mỗi người dùng một máy nghe này thông dịch viên và nhà báo ngồi kia, đại diện chủ và thợ góc đó. Vâng, bà muốn nói đến cái thảm nhung xanh dưới chân chúng ta đây ? để cốt không gây tiếng động đó mà ! vâng ! ở đây toàn là những biểu hiệu của sức mạnh như thế cả, chỉ e bà chán mắt thôi. Đây bà trông những bấp thập cuốn cuộn trên thân hình cái tượng tượng đồng này xem... (thình lình cô quay nhìn chị) xin lỗi bà, bà từ Pháp đến nhưng bà là người nước...

— Việt Nam ? cô biết Việt Nam không ?

Chị vội vàng trả lời và hỏi lại, vì có nhiều người chị gặp, khoe rằng họ biết rõ người Việt Nam : một xứ hể trẻ gái vừa ra đời là bó chân thật kỹ ! — Việt Nam ! (mắt thiếu nữ ngời lên) tôi biết lắm ! xin dành bà một ngạc nhiên ! Cô nói và lần này thoăn thoắt đi trước dẫn lối chứ không chờ chị nữa, cô đưa chị đi ngang một dãy hành lang lạnh rợn, sau cùng đến cầu thang máy và mở cửa đưa chị vào một cái phòng tận tầng ba thì phải.

Lê ơi ! chị xúc động cho đến sửng lại trước khung cảnh trước mặt mình không dám vội tin là có thật. Đây là lần thứ nhất bên trời Âu chị được thấy hình ảnh của quê hương : Gắn liền và chiếm trọn chiều cao, chiều rộng của khung tường trước mặt chị, một bức tranh sơn mài rất lớn (do nhiều

I. Bureau International du Travail ở Genève, gần Palais des Nations.

bức ghép lại) của Việt Nam. Nhìn vào đó như nhìn trên màn ảnh đại vi tuyến, tất cả sinh hoạt của đồng quê ta linh động ngay trước mặt chị. Những cô gái bên từng nong lúa, cạnh bó rơm : bác nông phu lực lưỡng với đôi bò giống, phía xa xa là đồng thóc vun cao, chớp nhón như chớp Kim Tự Tháp. Mấy chị đàn bà lớn gần bằng người thật, trong giáng điệu linh động như vừa làm việc vừa nói cười vui vẻ, những chiếc đòn gánh dịu oằn trên vai họ, bước chân thoăn thoắt nhịp nhàng. Trong khoảng khắc chị tưởng những người trong tranh nhẩy bỏ lại phía chị... chị dụi mắt bàng hoàng, lùi lại...

— Bà hẳn thích ? (tiếng cô Hướng dẫn viên lôi chị về thực tại)

Chị xúc động cho đến nỗi, nghẹn lời, không cả một tiếng «vâng» ngăn ngui trả lời cô, chỉ lặng lẽ gật đầu. Toàn thân chị bừng nóng lên, tim chị như ngừng đập trong giây phút rồi lại dồn dập. Đứng chôn chân tại đó, chỉ ngừng cả thở.

— Chúng tôi cũng thích phòng này lắm, và phòng này cũng có một tên riêng như các phòng khác, nhưng tại đây chúng tôi đều gọi là «Phòng Việt Nam» Đây là tranh của Sinh Viên trường Mỹ Nghệ V.N tặng chúng tôi vào năm 1962.,.

Lần này thì quả chị thật tình thoải mái chẳng chút thắc mắc gì nữa cả, Chị hiểu rồi, hiểu tất : hơn tất cả thích thú chị trải qua, cái điều làm chị yêu thích nhất là tại đây chị tìm thấy hình ảnh trung thực của VN ta. Việt Nam nhỏ bé khiêm nhường mà trong thời gian ở nước ngoài chị đổ mắt mòn giấy tìm hoài không dấu vết. Trong các bảo tàng viện của Anh, của Pháp chị tìm kiếm mỗi cái trọn ngày trời chứ ít sao.

Mỗi sáng chị mua vé vào cửa lòng phơi phới, tràn đầy hy vọng rồi mỗi chiều chị chán nản, mỗi mệt trở ra. Trời ơi ! Việt Nam anh đừng có bốn ngàn năm văn hiến ! Việt Nam từng chặn đứng vó ngựa quân Mông Cổ, từng làm

Công ti

Cạp Chuối « ANH-ĐÀO »

Jám đốc : Ng-K-Đào

Qản lí : Ngê-Bá-Lí

Tổng phát hành : 93-87 D, Phát-Diệm

XIN CHÚ Ý : Cần đại lí khắp nơi ở
Sài-gòn cũng như ở các tỉnh và
hải ngoại.

nhà xuất bản

CỬU LONG

Hộp thư 225 Saigon

TÁC GIẢ CỦA VÙNG CỬU LONG
TÁC PHẨM VỀ VÙNG CỬU LONG

khiếp vía nhà Thanh.

Chị thù ghét các viện bảo tàng từ đó. Khi Hà tỏ ý ngạc nhiên thấy chị không còn náo nức và lục lọi trong các nơi ấy, chị liền hằn học trả lời :

— Tôi ngán rồi, lại gươm nạm ngọc của vua này, hộp nữ trang của chúa khác, lại khí giới thời đồ Đồng, đồ Đá, yên ngựa của tướng kia, ghế dựa của ông hoàng nọ, lại gối gỗ của dân du mục, lại xác ướp của dân Ai-cập từ 3000 năm trước Chúa giáng sinh chứ lại gì ? vô đó làm chi nữa ? Mà nếu có...

— Thì như ở trong Louvre, có những thứ chẳng ra hồn và lại ghi là của « xứ Bắc kỳ » làm chị tức phải không ?

Hà cười mỉa mai, tiếp.

Kể từ đó, Lê ơi ! đi đến đâu chị chỉ ngắm núi, nhìn sông, xem hồ, coi biển. Rõ ràng là thiên nhiên không bao giờ mất lòng chị ! Thiên nhiên cùng chị thật vô cùng thắm thiết, mến yêu.

Rồi Lê xem ! hễ có dịp là chị chỉ trích Tây phương không ngừng, chán, dĩ nhiên chị chưa Thụy-sĩ ra — Ai bảo họ làm ta với Nhật, Tàu ? ai bảo họ dám coi thường Việt Nam anh dũng ? Ai bảo họ đem chuyện chiến đấu của ta ra làm trò cười, câu đọc giả ?

Nhưng khi chị đem ý nghĩ trên tiết lộ với Hà, cô cười mũi, mà rằng :

— Thôi ! chị ơi ! làm như Việt Nam ghê gớm lắm không bằng...

MINH QUÂN

P

CALCIUM CORBIÈRE

THUỐC CHÍCH — THUỐC UỐNG
CÓ SINH TỐ CD-PP

Chuyên trị:

- YẾU XƯƠNG — GÂY XƯƠNG.
- CƠ THỂ SUY NHƯỢC.
- TRẺ EM MẠU LỚN.
- DƯỠNG THAI — CHO CON BÚ.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



Các bạn Thanh niên —
Sinh viên và Phật tử hãy tìm đọc

VẠN HẠNH

Tạp chí nghiên cứu phát huy văn hóa Phật giáo và Dân tộc

SỐ ĐẶC BIỆT KỶ NIỆM PHẬT ĐẢN 2510

với 40 tác giả và 2 nhạc phẩm mới của Phạm Duy Thâm Oánh
Bìa Sérigraphie của Hà Uyên

PHÁT HÀNH NGÀY 8 tháng 4 Bính Ngọ (27-5-1966)

NGEI XANH đang xuất bản

Một cuốn sách? — Không một tấm lòng,
Một tấm lòng với Người, với Việc, với Non sông :

SỐNG và VIẾT với....

Nhất-Linh, Lê-Văn-Tương Á-Nam, Lê-Văn-Siêu, Doãn-Quốc-Sỹ, Đông-Hồ
Sơn-Nam, Bình-Nguyên-Lộc, Vi-Huyền-Đắc, Nguyễn-Hiến-Lê, Hồ-Hữu-Tường

NAM SƠN XUẤT BẢN

36 Nguyễn an Ninh Saigon — Đ.T. 21.026

ĐÃ PHÁT HÀNH

BIÊN KHẢO

TRẦN VĂN TOÀN

1. Tìm Hiểu Triết Học của Karl Marx (in lần 2) 60đ.
2. Xã Hội và Con Người 68đ.
3. Hành Trình vào Triết Học 60đ.

NGUYỄN VĂN TRUNG

4. Nhận Định I, II, III (in lần 3) 60đ.
5. Lược Khảo Văn Học I: Những Vấn Đề Tổng Quát 90đ.
6. Lược Khảo Văn Học II: Ngôn Ngữ Văn Chương và Kịch 75đ.
7. Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp ở Việt Nam 90đ.
8. La Conception Bouddhique Du Devenir 100đ.
9. Xây Dựng Tác Phẩm Tiểu Thuyết (in lần 2) 60đ.
10. Lương Tâm Công Giáo và Công Bằng Xã-Hội 50đ.

Nhóm Tri Thức Công Giáo

SÁNG TÁC

1. Hồi Chương Tắt Lửa — Thế Nguyên 20đ.
2. Chạy Trốn — Thao Trường 25đ.
3. Nhà Chung — Fehéra De Castro 30đ.
4. Vâng Ý Cha — Fritz Hochwalder 60đ.
5. Nuôi Con Nhon Tinh — Thế Nguyên 30đ.
6. Mười Ngày Phép Của Một Người Linh — Thế Uyên 30đ.

NAM SƠN XUẤT BẢN

Giao dịch với nhà Xuất Bản : TRINH VIẾT ĐỨC

36 Nguyễn An Ninh Saigon — Đ.T. : 21.026

● MỘNG TRUNG

Bài đăng từ BK.TĐ. số 215

Hôn nhân dị chủng

Nguyên nhân đi tới ly dị

(Xin xem từ BK.ID. số 220)

Cậu H. sang Pháp lúc 18 tuổi, Hai năm sau cậu đỗ tú tài toàn phần và lúc cậu thi vào trường học kỹ sư điện là lúc cậu gặp một ý trung nhân người Pháp. Vì hôn thê của cậu vừa đậu tú tài phần nhất. Vì lo cho tương lai mình và để tránh những đồ vỡ hạnh phúc về sau do thiếu thốn về vật chất, mà nhất là vì cha mẹ không dư dả mà cô N. lại muốn thành hôn sớm với cậu H., nên cô N không đeo đuổi tú tài phần nhì. Cô N. xin vào học nghề điều dưỡng và khi cô thi ra trường thì hai cô cậu cưới nhau.

Nhờ tiền chuyển ngân của chồng, vợ lại làm việc ở dưỡng đường nên một năm sau, có được mụn con, gia đình cậu H. vẫn đầy đủ no ấm và cậu H. được tiếp tục học hành.

Ban đêm, vợ cậu H. đi gác ở dưỡng đường thì cậu H. ở nhà coi sóc con giặt giũ, ôn lại bài vở rồi mới đi ngủ. Sáng sớm, trước khi đi học, cậu đem con đi gửi ở ấu trĩ viện. Vợ cù về nhà ngủ lấy sức, chiều lại, vợ cậu đi rước con, làm cơm nước cho chồng rồi mới đi làm.

Bạn xem, dầu là vợ chồng đồng chủng, biết thương lo cho nhau, tưởng cũng chỉ được như vậy thôi. Sống trong cảnh vợ chồng, con cái ít được gặp và gần gũi nhau, vậy mà gia đình cậu H. rất đầm ấm. Chuỗi ngày hạnh phúc vợ chồng cậu kéo dài trong 5 năm với hai đứa con khỏe mạnh, khá khinh.

Khi cậu H. đỗ bằng kỹ sư điện học, vợ chồng cậu vui mừng vô hạn. Cùng hợp sức với nhau làm việc, tiện tặn và dành dụm được khá tiền rồi hai vợ chồng già

từ căn phòng chật hẹp thiếu cả tiện nghi để tạo một tổ ấm khá sang đẹp và rộng rãi.

Vợ cậu H. từ đó không đi làm việc vất vả đêm hôm ở đường đường nữa, chỉ dành thì giờ và sức khỏe săn sóc chồng con và trông nom việc nhà.

Lúc nghèo cực, người ta hết lòng yêu nhau, lo lắng cho nhau, chịu gian khổ để tạo một tương lai sáng sủa. Vậy nên khi đã được như ý nguyện, đời sống được sung sướng vững chắc rồi, ai cũng nghĩ rằng hạnh phúc vợ chồng cậu H. chẳng những bền bỉ mà còn được mười phần đẹp đẽ hơn xưa.

Ai ngờ khi nhà cửa sang trọng, xe ngựa xuê xang, vợ chồng con cái gần gũi nhau hơn lúc nào hết lại chính là lúc trong gia đình cậu H. thiếu hẳn không khí đầm ấm khi trước; mối tình nồng mặn từ lâu giữa hai vợ chồng lại bắt đầu phai lợt.

Rồi việc vợ cậu H. ra tòa ly dị chồng đã đem lại nhiều giả thuyết trong nhóm bạn bè Việt Kiều. Cậu H. rất thương yêu vợ con. Vợ cậu cũng không cực khổ hay thiếu thốn điều gì, nên không ai có thể dựa vào một tật xấu nào của cậu để cho đó là lý do ly dị của vợ cậu. Ai cũng ngạc nhiên và muốn tìm hiểu nguyên nhân.

Nhưng trong giới người Pháp, bạn bè của vợ cậu H. thì không ai lấy làm lạ cả, vì ngược với tinh thần người Việt về quan niệm hôn nhân và thương yêu, người Pháp thường xem « nghĩa » nhẹ hơn « tình ». Hay đúng hơn nữa, căn cứ vào vô số trường hợp ly dị bên này, cái « nghĩa » là một tiếng sáo trống rỗng khi người ta đã hết yêu nhau. Vả lại, theo họ, người đời thường không cắt nghĩa được tại sao mình yêu và yêu hồi nào, yêu say mê tha thiết đến nỗi có khi phải hy sinh bao nhiêu thứ để được sống mãi mãi bên nhau, thì người ta cũng không cắt nghĩa được tại sao tình yêu tắt trong lòng mình và nó bắt nguồn với cái chết từ bao giờ. Rồi một bữa nào đó, người ta lắng lại tim mình, nghe nó lạnh tanh .. chẳng những không còn chút rung động vì nghĩa vì tình mà cũng không thể tiếp tục sống chung với người bạn đồng sàng nữa.

Ân tình nồng mặn và con cái bao nhiêu cũng chỉ là những kỷ niệm suông do họ đã trao đổi với nhau trong một thời yêu đương. Việc đó dứt khoát như mua bán, mà ở đây người ta đã trả cho nhau bằng niềm tin, tuổi trẻ và tình yêu: Họ giữ hay nhắc đến những kỷ niệm đó cũng như họ giữ, nhắc một kỷ vật nào đó đã có hiện nhiên trong cuộc đời họ, như một tang chứng dĩ nhiên phải có của quá khứ. Vùng tâm linh họ không dành cho nó một xao động sâu kín nào hay một thắc mắc xót xa nào, đến nỗi vì nó mà họ phải sống với một tình yêu đã chết. Và khi tình yêu đã chết vì những lý do nào đó, có khi là lý do không đáng,

họ vẫn thẳng thắn nói với nhau rằng : « Em đã hết yêu anh » hay « Anh đã hết yêu em » !

Thế là bức màn đời tình ái rũ xuống để khi vén lên, một khung cảnh mới, một vở tuồng mới cũng lại bắt đầu với thành tâm, thiện ý của người diễn xuất (!).

Vợ cậu H. cũng ở trong trường hợp đó. Chị đã mỗi một, chán chường và nhận thấy mình mất mát quá nhiều trong cuộc đời mình đã và đang sống. Thuở con gái, chị đâu có ý định lấy chồng người ngoại quốc. Cha mẹ chị không dư dả nên chị cố vượt lên để tìm một đời sống sáng sủa và vững chắc. Giữa lúc đó chị gặp được tình yêu gần bó, nó là một khích lệ, một ấm áp đã cho chị nguồn phấn khởi để chị tranh đấu đi lên trong cảnh khó. Nó đã khiến chị thành thực chia xẻ gian khổ và gây dựng với chồng một cuộc sống tốt đẹp trong hạnh phúc yêu đương.

Hiện giờ, chị là một bà kỹ sư rồi rã, nhà cửa, xe cộ, tiền bạc có đủ, chồng chị lương cao, chị giao thiệp với thân quyến bạn bè đồng chủng đó đây, chị mới nhận thấy lối sống tự do của họ khác chị nhiều. Chị nhớ lại lâu lắm rồi chị thu hình lại trong bóng tối, trong cái thế giới chồng con và một số nhỏ bạn bè đồng chủng của chồng mà không lúc nào chị có thể cảm thông hoặc cời mở với họ cùng tốt được. Chị đã đóng kịch một phần trong cuộc sống đó. Chị thêm khát một cuộc sống hoàn toàn với người đồng chủng. Chị muốn lấy lại tự do mà bấy lâu chị đã gói cất trong khung gia đình và quên mất nó dưới nếp sống với người chồng dị chủng. Chẳng những vậy, đối với chị, chồng chị bây giờ chỉ là một hình ảnh xa xôi nào đã lạc vào vùng tình cảm khi con tim non nớt của chị đang mơ ước một tình thương ; chứ thật ra, nó không phải là mẫu người chị muốn chọn lựa. Đóa hoa tình yêu rực rỡ trong mắt xanh của tuổi hoa niên giữa mùa xuân ấm, giờ đây mỗi lần gặp lại nó, chị chợt thấy nó lạt lẽo, xa lạ với chị quá. Nó thiếu cái vẻ đáng quen thuộc, cái hương vị chị ao ước, ưa thích mà chị không hay là tâm khảm chị đòi hỏi, tìm kiếm từ lâu nay. Giờ đây nó không còn thu hút được chị mà mỗi ngày nó thêm tàn héo rã lần cánh nhụy.

Ly thân với vợ mà làm việc lương cao, cố nhiên cậu H. phải cấp dưỡng cho vợ con một số tiền thật to hàng tháng. Và nếu cậu không chịu được khi thấy vợ giao thiệp thì cậu cứ tìm chỗ ở riêng như vậy càng hợp với luật pháp. Tháng nào cũng sạch túi với mọi thứ tổn phí về cái sống, về cấp dưỡng và về vụ kiện, cậu H. không mong gây dựng sự nghiệp, tương lai gì nữa. Khi nào án ly dị xong, chừng đó, gia tài nhà cửa mới được giải quyết dứt khoát.

(Còn tiếp)

MỘNG-TRUNG

ĐÃ PHÁT HÀNH TUẦN BÁO

NGHỆ THUẬT SỐ 33

với những bài vỡ chọn lọc của :

Cung Tiễn : *Phổ nhạc thơ Tự do của Thanh-Tâm-Tuyền.*— Lê Huy Oanh : *Soyonara* — André Malraux : *Phận người (Tô-Thuyền-Yên dịch La condition humaine).*— Frank Kapka : *Một ngôi làng cảm dỗ.*— Hoàng Uyển Ngư : *Cuộc đời của nhà thơ Đông Hồ ; một bài tiểu luận đặc sắc : Người văn nghệ trước bản thân, trước cuộc đời, tác phẩm và người khác..* và Nguyễn Hữu Ngư : *xét Hồ Hữu Tường qua một cuộc phỏng vấn gắt gao.*

Giá 8đ.

Sau « **TIẾNG CA QUÊ HƯƠNG** » Nhân Chứng sẽ xuất bản :

Linh hồn Cỏ Biếc

thơ phổ đức và hoàng hương trang
duy thanh minh họa — lan đài phổ nhạc
phụ bản của nghiêu đề — duy thanh
phạm kim khai — hoàng hương trang

Đã có bán :

- **DỊCH HẠCH** của Albert Camus do Hoàng-văn-Đức dịch.
- **KỶ NGUYÊN NGỜ-VỰC** của Nathalie Sarraute do Lương-Ngọc dịch
- **TẠP BÚT I và II**
tiểu luận văn học của Võ-Phiến

60 đ.

ĐÓN ĐỌC

H O A N Ằ N G

tạp-chí đặt lại căn nguyên tư tưởng Đông Tây

phụ trách mỹ thuật : họa sĩ Vinh-Ấn

thư ký tòa soạn : cô Phương-Anh

chủ trương biên tập : Nguyễn-Thái và Phạm-công-Thiện

phát hành trong tháng 5 với sự cộng tác của những người ở Paris qua các bài:

- Đánh giá tư-tưởng phá-sản của Arthur Koestler
- Đánh giá thần học phá-sản của Albert Schweitzer
- Đánh giá sự học-vấn của Nguyễn-văn-Trung
(phê-bình luận án tiến-sĩ triết học)
- Bất bạo động của tư tưởng
- Đặt lại nguyên thể của Chính trị
- Niềm cầu trước Hội Hòa
- Triết-lý của Việt-Nam và cho nhân loại kể từ 10 năm sau
- Trời tháng Tư (tiểu thuyết)
- Mặt trời đầu hạ (tiểu thuyết)
- và nhiều truyện ngắn, thơ, kịch khác...

thư từ và bài vỡ, xin gửi về : **Cô PHƯƠNG ANH**

8, rue Guy de la Brosse — Paris 5^e (France)

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

NGOÀI NƯỚC

Người chết không đau

Đó là nhan đề cuốn tiểu thuyết của Vassili Bykov, đăng trên tạp chí *Thời Mới* (*Novy Mir*), và đang gây dư luận sôi nổi ở Mạc tư khoa.

V. Bykov là người Biélorusse, nhưng tác phẩm của ông bị tờ *Sovietskaia Bielorussia* lôi ra tố cáo. Người ta tố cáo tác giả là kẻ xấu Hồng quân Nga, là phạm đến danh dự của các cấp chỉ huy quân đội dưới thời Staline.

Sở là trong tác phẩm của Bykov có chỗ một sĩ quan quân pháp tiết lộ rằng Staline có lệnh cho các sĩ quan giết chết các binh sĩ Nga bị thương trong trường hợp họ có thể lọt vào tay quân Đức. Gorbatiouk — sĩ quan quân pháp vừa nói — bênh vực quan điểm của Staline, bị một nhóm haich niên nổi giận xúm lại nhieéc mắng thậm tệ.

Cái gì thỉnh thoảng làm sôi nổi giới văn nghệ Nga xô vẫn là chính trị.

Mọi danh tác nữa lên màn ảnh

Phim *Bác sĩ Jivago* tại đại hội điện ảnh Cannes được 6 giải thưởng, và đã gây ra một vụ xung đột hai phái đoàn Nga và Mỹ tại đây.

Tức thì sau vụ đó, hãng Metro Goldwyn Mayer loan báo lại quay một cuốn phim chống cộng nữa, lại dựa theo cốt truyện của một danh phẩm văn chương nữa: *Giờ thứ hăm lăm* của V. Géorghiu. Công việc khởi sự vào ngày 19 tháng 5 tại Belgrade. (Sao oái oăm thế? Một công trình chống cộng lại bắt đầu đúng vào sinh nhật Hồ chí Minh!)

Nhân nói đến phim với sách của nước người lại nhớ đến chuyện nước mình. Tại đại hội Điện ảnh Á Châu ở Đại Hàn vừa rồi, tài tử Việt Nam được giải điện ảnh quốc tế đầu tiên là kẻ đã đóng phim *Đôi Mắt Người Xưa*, cốt truyện của Ngọc Linh. Ở đây khi bước lên đài vinh quang, điện ảnh lại cũng có được văn chương đầy nhẹ cho một tay.

Hai cuộc đời dùng để viết truyện và kịch

Một người bị kết án tử hình, nằm trong xà lim hai tháng, từng giờ, từng phút chờ đợi cái lúc có người đến mở khóa lồng ra pháp trường. Một hôm tới giờ tù nhân đi dạo trong sân, từ tội trông thấy xa xa có hai kẻ đang lom khom đào một lỗ huyệt. Hỏi ra thì chính là cái huyệt chuẩn bị cho mình sẽ nằm xuống đó ! Thế rồi đến lúc cuối cùng lệnh ân xá đến kịp thời.

Bấy nhiêu sự việc hồi hộp thừa đủ để làm một vở kịch, một cuốn truyện, một cuốn phim nghệt thờ. Thế nhưng cuộc đời của Jimny O'Connor không phải chỉ có chừng ấy.

Một nữ trạng sư, cựu sinh viên trường Oxford, rất trẻ, rất đẹp, nổi tiếng khắp Luân-đôn, mỗi lần ra cãi trước tòa là mỗi lần báo chí bàn tán theo dõi... Riêng về chuyện đẹp, nàng là hoa hậu trong giới trạng sư. Cô hoa hậu tài danh đó một hôm tới tại một tòa soạn báo hàng ngày gặp một gã đàn ông nghèo hèn, từng là một tên vô lại, đi ăn cắp, bị tóm, bị bỏ tù nhiều lần rồi bị kết tội sát nhân, lãnh án tử hình, sau đó được ân xá, nằm trong khám mười hai năm mới được thả ra theo lời đề nghị của cai ngục, và đang viết lách chút ít hồi ký đăng trên báo hằng ngày. Người quốc sắc kẻ... tù nhân, đôi bên vừa gặp nhau,

bỗng yêu nhau không kể trời đất gì nữa. Cô trạng sư bị cha mẹ phản đối, cô bất chấp, cô cứ lấy chồng ; cha mẹ không nhìn cô, cô bỏ nhà. Cô trạng sư bị đồng nghiệp tẩy chay, xã hội không nhìn nhận, cô bất chấp, cô bỏ nước ra đi. Vợ chồng rời bỏ Anh-quốc, đem nhau sống tận bên bờ Địa trung hải.

Bấy nhiêu sự việc có lẽ lại cũng thừa đủ để tằm thành một pho tình sử cao đẹp hấp dẫn nữa. Thế nhưng cuộc đời của Jimny O'Connor lại cũng không phải chỉ đến chừng ấy mà thôi.

Hai vợ chồng — một cô vợ trí thức hoa khôi, một anh chồng nguyên lưu-manh và cựu tù nhân — cả hai bị xã-xua đuổi, tự lưu đầy biệt xứ, thế rồi nàng khuyến khích chàng sáng tác. Chàng cố gắng và rồi cuộc trở thành một văn-sĩ, một nhà soạn kịch nổi danh khắp Âu-Mỹ. Các hãng vô tuyến truyền hình ở Luân Đôn tranh nhau đặt cọc trước những tác phẩm chàng chưa kịp viết, các hãng quay phim ở Hollywood thập thò tới điều đình mua cốt truyện của chàng v.v... Thành công hiển đạt rồi, chàng thông thả quay lại khuyến khích vợ. Nề lòng, nàng cũng ra tay, và rồi nàng cũng thành công như ai. Vở kịch đầu tiên của nàng liền được giới phê bình sành điệu khen nức nở và quần chúng vô tuyến truyền hình của đài BBC tán thưởng say mê...

Bấy nhiêu sự việc ly kỳ ấy lại cũng thừa đủ để viết ra một cuốn gương danh nhân, bổ ích không thua bất cứ thứ gương nào ra đời từ trước tới nay. Vậy mà cuộc đời của vợ chồng Jimmy O'Connor và Nemone Lethbridge lại vẫn không chỉ có bấy nhiêu...

Đôi vợ chồng ấy thật là những con người ngoại hạng, đời của họ dư tài liệu để xây dựng những tác phẩm sôi nổi, và họ đang biết cách khai thác ngay cuộc đời của mình: hầu hết các tác phẩm của O'Connor đều đề cập tới tội tử tình, tới nhà tù, tới giới móc túi v.v..

Vừa rồi ở nước Anh có một vụ án làm xôn xao dư luận. Đó là vụ một đôi vợ chồng nọ đã giết người một cách hết sức tàn nhẫn ghê rợn, cho đến nỗi tại nước Anh từ năm năm nay án tử hình đã được bãi bỏ, thế mà lần này tòa án lại nhận tới trên ba mươi ngàn lá thư từ các nơi gửi đến yêu cầu xử tử tội nhân.

Trước một hiện tượng đáng ngại như vậy, Jimmy O'Connor rời Địa-trung-hải dẫn vợ trở về Luân Đôn. Sự hiện diện của họ tại nước Anh bây giờ lại hóa ra một điều quan trọng! Người ta theo dõi chưa thấy họ làm gì. Họ chỉ nín lặng, quan sát, nghe ngóng, chờ đợi. Họ chưa ra tay, mở miệng. Nhưng ai nấy đều đoán rằng đến lúc cần thiết họ sẽ dùng tất cả tài năng và uy tín của mình để chống lại bản án tử hình. Cái đó là niềm then chốt trong cả cuộc đời của họ.

Mở ra?

Jean Thibaudau cho ra một tác phẩm

tên là *Ouverture*, do nhà xuất bản Le Seuil ấn hành trong tủ sách TelQuel. Tác phẩm được ghi trên bìa: roman (tiểu thuyết).

Luc Estang cho ra một bài phê bình về cuốn sách của Jean Thibaudau. Trong suốt bài phê bình, L. Estang chỉ băn khoăn có một điều, chỉ đặt ra có một vấn đề, chỉ khờ sở vì một chuyện: tại sao cuốn sách ấy lại gọi là tiểu thuyết nhỉ? tại sao thế? nhà xuất bản mất lương tri rồi chẳng? tác giả muốn trêu người ta đó chẳng? Gọi cuốn đó là một tập thơ được chẳng?

L. Estang vật mình vật mảy thực tội nghiệp.

Nếu các bộ môn văn chương cứ tiến mãi tới cái chỗ lộn xà ngẫu đề làm tội làm tình các nhà phê bình, thì chẳng mấy chốc sẽ đến lượt các nhà phê bình, họ cũng mất luôn cả lương tri nữa.

Sách tối bưng như vậy mà dám gọi là... mở ra! Tới khi J. Thibaudau « đóng lại » thì hỏi còn coi biết đâu mà mò nữa.

Cho xem tí chân

Christiane Rochefort mới cho in cuốn *Une rose pour Morrison*. Có chàng phóng viên tới thăm nữ sĩ được nữ sĩ cho ăn, cho uống cà phê rồi nói chuyện phiếm, tức những chuyện có liên quan tới văn chương và những chuyện không có liên quan gì tới văn chương hết, mà chỉ liên quan tới... quần áo.

Về vấn đề y phục, C. Rochefort bảo với Jean Chalon : Đàn ông các anh đơn giản quá, chỉ có hai giải pháp, hoặc cởi hết, hoặc che đầy hết (Tahiti ou le Moya en Age.) Tôi không ưa bộ complet-veston của đàn ông : không kêu gọi chút nào hết. Tôi mà gặp được cái anh thợ may nào phát minh ra bộ complet-veston, tôi sẽ mừng cho một trận hải biết. Chúng tôi, bọn đàn bà bây giờ cũng như đàn ông hồi 1900, chúng tôi ao ước muốn xem đôi mắt cá chân của các anh lắm. Phải ăn mặc hở hang một chút chứ. Các anh tẻ thật. Người ta đang thèm ngắm mắt cá chân tới chết người đây mà các anh không biết...

Một đóa hoa hồng lạ

Một tác giả như thế đề cho người ta tò mò tìm hiểu về các tác phẩm. Vậy *Une rose pour Morrison* là thứ gì ? — Thưa, nó là cuốn truyện nói về một xã hội chưa từng xuất hiện trên mặt đất này, nó là một cuốn truyện dự tri. Bà Rochefort đặt ra một số nhân vật, và tha hồ đùa giỡn trêu chọc họ, bắt họ diễn mọi trò lố bịch, lãng nhăng. May mà bà Rochefort chỉ quyết định số phận những nhân vật tiểu thuyết, nếu bà có quyền điều khiển cuộc sống thực sự thì người đời hết chịu nổi.

Tuy nhiên, xét kỹ, dường như bà Rochefort cũng không hẳn là không muốn xen vào đời sống thực tại. Cái mà bà đem ra giễu cợt cũng tương tự như cái xã hội mà hai văn sĩ A. Siviavski và J. Daniel đã chế giễu ở Nga xô và đã

vì đó vào tù. Nghĩa là Christiane Rochefort cũng công kích xã hội, theo lối của bà.

Và lối của bà, phải chịu là một lối kỳ quặc, ngộ nghĩnh lắm. Hãy nói riêng về cách dùng chữ : bà xài lung tung những tiếng không thể tìm tự điển nào ta cho thấy : le crottoir, les foudres gouvernebancales, la conardise, le saint-esfric, l'élipepsite v.v... (Trong dịp nói chuyện với J. Chalon, nữ sĩ có giải thích cho nhà báo vài chữ, nghe cũng thích thú như là chuyện áo quần vậy).

Bởi độc đáo như vậy cho nên, đồng khí tương cầu, Christiane Rochefort mến các chàng Beatles. Chính bà đã dịch một tác phẩm — *En flagrant délire* — của John Lennon, một tay trong nhóm tứ quái. Xin trích một đoạn ngắn trong bản dịch không tiền khoáng hậu này : « Je suis néanmoins le 9 obscur 1940 quand les Hytlérics étaient encore en avion de nous bombacher... en ce me concerne ce chapelet de courts récifs .. que Dieu vous Prothèse et vous Génisse ».

Thường thức bấy nhiêu đủ biết Rochefort có thừa tư cách đề nhập bọn là mdệ ngũ quái.

Tài năng thôi thì không kể tới, chúng ta chỉ ao ước được chút phóng khoáng ngông nghênh của người kỳ nữ ấy để thỉnh thoảng thoát khỏi những phiền hà chán nản của hoàn cảnh bất như ý quanh mình.

TRONG NƯỚC

Tuồng hát bộ

Ở Pháp, kịch tuồng của thế kỷ thứ 17 chiếm chỗ quan trọng đặc-biệt trong văn học sử. Ở Tàu, kịch tuồng cũng là một bộ môn văn nghệ có địa vị xứng-đáng, riêng một vở *Tây Sương Ký* đã được nhắc nhở khắp nơi. Ở Anh Shakespeare được coi như bậc thầy muôn thuở trong giới văn học.

Thế mà ở Việt Nam, trong các sách văn học sử dùng ở bậc Trung học, từ Dương quang Hàm cho đến sau này, các tuồng hát giữ địa vị thực khiêm tốn.

Tại sao vậy? Từ vua quan ở triều đình cho đến quần chúng trong dân gian thôn dã Việt Nam xưa kia đều có xem hát, thích hát, mê hát. Sân khấu Việt Nam xưa đã theo sát những nỗi vui buồn, những trận cười tiếng khóc của dân tộc trong năm, bảy thế kỷ. Tại sao mà rốt cuộc những thành tích lưu lại không được cứu xét đúng mức?

Điều trở ngại trước nhất vì có lẽ đa phần những tuồng hát của ta hồi trước xen chữ Hán nhiều quá, Có thể nói chúng được viết bằng Hán văn, xen lác đác tiếng Việt: hát khách bằng Hán văn, nói lối cũng nhiều Hán văn, chỉ có hát nam với các điệu niêu nôi là thuần tiếng Việt. Đó là nói về các vở tuồng bi hùng. Còn về các vở tuồng hài hước thì nó bị cái nạn soạn cầu thả quá. Một bên quá cầu kỳ xa cách, một bên quá kệch cỡm bừa bãi.

Trong các vở tuồng hát bộ, đặc biệt có

một vở tuồng bi hùng, có giá trị mà lời văn không bị cái nạn « Hán xâm ». Đó là vở *Sơn Hậu*.

Sơn Hậu kết cấu hay, đưa lên sân khấu thành công, lời văn dễ hiểu, cho nên nó được hoan nghinh rất rộng rãi. Người Việt Nam ở thôn quê miền Trung miền Nam, có lẽ trước đây không ai là không biết đến những nhân vật: Tạ Ôn-Đình, Lôi Nhược, Khương Linh Tá, Đồng Kim Lâu v.v... *Sơn Hậu* có đủ tư cách để được nghiên cứu kỹ trong các sách về văn học Việt Nam.

Thế mà đến nay ta vẫn chưa biết nó là tác phẩm của ai, tệ hơn nữa, chưa biết nó là tác phẩm của miền nào.

Trong cuốn *Nghệ Thuật Hát Bộ*, ông Đoàn Nồng chịu không biết gì về tác giả *Sơn Hậu*. Trong tài liệu in ronéo giảng ở đại học văn khoa Sài Gòn, linh mục Thanh Lãng cho rằng tác giả của nó là Đào duy Từ (vậy nó ra đời ở ngoài Trung). Trên *Đồng nai văn tập* số 5 (tháng 4-1966) ông Thuận Phong kể nó như là tác phẩm của miền Nam. Mỗi người một ý, phần ai nấy nói, không động chạm tới ý kiến của ai, không ai trưng bằng chứng gì ra cả, không ai biện bạch gì cả.

Thật như cảnh... Vi Dạ trong thơ Hàn Mặc tử.

Gió theo lối gió mây đường mây.

Trong thi ca của ta, tả cảnh tịch liêu hay nhất là mấy bài về mùa thu của Nguyễn Khuyến và câu ấy của Hàn-Mặc Tử:

*Gió theo lối gió mây đường mây
Giòng nước buồn thiu hoa bắp lay...*

Xung quanh vờ tường phở biển nhất của Việt Nam, sao mà không khí sưu khảo cũng dịu hiu như ở thôn Vi. .

Sách dịch

Chuyện dịch sách ở ta gần đây đáng được chú ý. Một phần là doở những lời qua tiếng lại giữa báo VĂN với báo VĂN HỌC về vấn đề này. Một phần nữa là do ở thành tích khả quan của giới dịch giả. Giới này đã giới thiệu cho quần chúng độc giả Việt liên tiếp một loạt tác phẩm rất có giá của các nước: *Người vợ cô đơn* của F. Mauriac, *Bay đêm* của Saint Exupéry, *Ngộ nhận* của Camus, *Cõi người ta* của Camus, *Những bàn tay trần* của J. P. Sartre, *Thân phận con người* của Akutagawa, một số truyện chọn lọc của Lỗ Tấn, *Hóa thân* của Kafka, *Người xa lạ* của Camus v.v... Tình hình sách dịch năm ngoái đã tương đối khá, năm nay có hy vọng rồi còn khá hơn, về phẩm cũng như về lượng.

Trong những dịch phẩm ấy, người ta thấy có những cuốn biểu lộ rõ ràng sự chăm chút của người dịch. Chẳng hạn như *Người vợ cô đơn* và *Tuyên tập Lỗ Tấn*, được Mặc Đỗ và Giản Chi giới thiệu công phu, kỹ lưỡng. Sự chăm chút của dịch giả rồi lại còn được phụ họa bởi sự chăm chút của nhà xuất bản nữa, thành ra tác phẩm ngoại quốc kia được trình ra trước độc giả Việt Nam

một cách thật là trang trọng xứng đáng

Trong số những tác giả ngoại quốc có duyên với dân tộc Việt Nam ấy phải kể Lỗ Tấn là kẻ gặp được nhiều may mắn hơn hết. Trước Giản Chi đã từng có người dịch Lỗ Tấn ; dịch trước tiên và nhiều hơn cả có lẽ là Đặng Thái Mai. Đọc Lỗ Tấn qua Đặng Thái Mai trước kia cũng như qua Giản Chi bây giờ, đều thấy khoái như là đọc văn sáng tác, không ngờ là văn dịch. Làm được như vậy, các dịch giả hẳn là phải tương đắc với tác giả lắm, phải — nói theo kiểu Lâm Tây Trọng qua lối dịch của Nhượng Tống — phải « ăn nằm » với tác phẩm lâu năm.

Viết ra sách, sách tản mác lưu lạc bốn phương trời, thỉnh thoảng sách gặp một tri kỷ như vậy, được tri kỷ chuyển sang ngôn ngữ khác một cách tài tình, như thế « chẳng cũng sướng sao ». Gặp một lần như thế đã sướng huống chi Lỗ Tấn còn gặp được đôi ba lần ở một xứ Việt Nam !

TRĂNG-THIÊN

Cùng ra đời một lượt :

CẢNH TƯỢNG ĐÊM NAY

Tập truyện đầu tiên của Viên Linh,
Giá 68đ.

TẬP BÚT III

của Võ Phiến, giá 50đ.